

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯỜNG BINH VÀ XÃ
HỘI**

**GIÁO TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
DÙNG CHO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mã môn học: MH 04

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT, Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ CỦA MÔN HỌC:

- Giáo dục quốc phòng và an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, là môn học chính khoá, thuộc nhóm các môn học chung trong chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh nhằm nâng cao dân trí quốc phòng, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

- Rèn luyện cho sinh viên có ý thức tổ chức, kỷ luật; tác phong nghiêm túc; có đức tính kiên trì, bình tĩnh, nhẫn nại trong quá trình học tập, rèn luyện và áp dụng vào thực tiễn cuộc sống sau này.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sinh viên sau khi kết thúc môn học:

- Trình bày được nội dung cơ bản về: Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo, về bảo vệ an ninh quốc gia.

- Đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước ta về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội cho thế hệ trẻ, có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Xác định được những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam.

- Thực hiện được đội ngũ đơn vị (tiểu đội, trung đội); các kỹ năng cơ bản của kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, súng trường CKC và một số loại vũ khí thông thường.

- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

TT	Mã bài	Tên bài
1	QA13	Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
2	QA14	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng
3	QA15	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
4	QA16	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo
5	QA17	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia
6	QA18	Đội ngũ đơn vị (tiểu đội, trung đội)
7	QA19	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, súng trường CKC
8	QA20	Kỹ thuật sử dụng lựu đạn
9	QA21	Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
10	QA22	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
11	QA23	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh
12	QA24	Biển đảo Việt Nam, bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam
13	QA25	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh RPD, B40, B41, cối 60mm
14	QA26	Giới thiệu ba môn quân sự phối hợp

Cụ thể như sau:

Bài QA13: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Mục tiêu:

- Trình bày được những âm mưu, thủ đoạn chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam.

- Cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống, phá các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam.

- Thực hiện tốt trách nhiệm người học sinh trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung:

1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

1.1 Khái niệm, sự hình thành và các giai đoạn phát triển của chiến lược “Diễn biến hoà bình”

Từ khi chủ nghĩa xã hội ra đời cho đến nay, chủ nghĩa tư bản và các thế lực thù địch luôn dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước. Thực tế, vào những năm giữa thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch không để gì dùng bạo lực vũ trang để tiêu diệt chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước hay trên phạm vi toàn thế giới. Vì vậy, chúng phải thay đổi chiến lược, cùng với thủ đoạn dùng sức mạnh quân sự đê răn đe, đã chú trọng sử dụng biện pháp “hòa bình” nhằm chống phá và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Chiến lược "Diễn biến hoà bình" là chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, sử dụng tổng hợp các biện pháp phi vũ trang nhằm làm suy yếu từ bên trong và tiến tới xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa, phá hoại độc lập dân tộc của các nước.

Nội dung chính của chiến lược "Diễn biến hoà bình" là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh..., kết hợp răn đe quân sự để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong các nước xã hội chủ nghĩa. Kích động các mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hóa về kinh tế và đa nguyên về chính trị. Truyền bá mô hình chính trị, kinh tế, tư tưởng và lối sống của chủ nghĩa tư bản, làm mờ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động. Đặc biệt, chúng coi trọng kích lệ lối sống tư sản và từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa ở một bộ phận học sinh, sinh viên. Triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, sai sót của Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên sức ép, từng bước chuyển hóa và thay đổi đường lối chính trị, chế độ xã hội theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản.

Mục đích sử dụng chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù nhằm làm suy yếu từ bên trong và tiến tới xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa; chống phá độc lập dân tộc của các nước; thiết lập và mở rộng phạm vi thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực ra đời ở Nga năm 1917. Từ đó, chủ nghĩa xã hội tồn tại và phát triển qua các giai đoạn, có giai đoạn thuận lợi và có giai đoạn khó khăn, với mức độ khác nhau, ở các nước khác nhau. Ở mỗi nước xã hội chủ

nghĩa, trong các thời kỳ cách mạng, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã sử dụng nhiều chiến lược phản cách mạng, mà chủ yếu sử dụng các biện pháp quân sự để chống phá sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đến sau chiến tranh thế giới lần thứ II, trước sự lớn mạnh của Liên Xô và sự ra đời một loạt các nước xã hội chủ nghĩa đã làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng. Lực lượng cách mạng có những lợi thế hơn lực lượng phản cách mạng. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch nhận thấy phải thay đổi chiến lược từ dùng biện pháp quân sự là chủ yếu sang coi trọng sử dụng chiến lược "Diễn biến hòa bình" để chống phá, lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa, với mức độ ngày càng tinh vi hơn. Chiến lược "Diễn biến hoà bình" ra đời vào thời kỳ chiến tranh lạnh, trong bối cảnh quốc tế đang biến động phức tạp. Cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ngày càng diễn ra gay go quyết liệt. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế liên tục điều chỉnh chiến lược, thay đổi biện pháp đối phó với các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào tiến bộ xã hội. Trong quá trình đó, chiến lược "Diễn biến hoà bình" đã ra đời, phát triển cùng với sự điều chỉnh phương thức, thủ đoạn chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Thực tế chiến lược "Diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch hình thành từ những năm giữa thế kỷ XX đến nay, phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau.

Giai đoạn I: Từ 1945 - 1980, đây là giai đoạn xã hội chủ nghĩa mở rộng phạm vi phát triển từ nước Nga, đã trở thành hệ thống trên thế giới, nhưng bước đầu bộc lộ sự trì trệ và khủng hoảng. Sự mở rộng phạm vi phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thời kỳ này là do Liên Xô đã đánh thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới lần thứ II, tạo điều kiện cho một loạt nước ở Đông Âu giành thắng lợi và đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự lớn mạnh, phát triển không ngừng của phong trào xã hội chủ nghĩa đã tác động, làm cho phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc cũng phát triển mạnh mẽ. Đến năm 1961, đã có 13 nước chủ nghĩa xã hội ra đời, phát triển ở Châu Âu, Châu Á và Châu Mỹ Latinh. Ba dòng thác cách mạng hình thành chĩa mũi nhọn tiến công vào chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. Cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và tư sản được tập trung ở cuộc đấu tranh giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa với xã hội chủ nghĩa. Những chiến lược quân sự phản cách mạng mà chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng như: "chạy đua vũ trang", "ngăn chặn", "vượt trên ngăn chặn"... để bao vây, chống phá chủ nghĩa xã hội ở các nước đã không đem lại kết quả như chúng mong muốn. Trước tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã thay đổi chiến lược, "Diễn biến hòa bình" ra đời như là thủ đoạn quan trọng kết hợp quân sự với những đòn đánh "mềm", "ngâm" để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa.

Sự manh nha hình thành chiến lược "Diễn biến hòa bình" được bắt nguồn từ nước Mỹ. Đầu năm 1946, khi còn là đại diện lâm thời của Mỹ ở Liên Xô, G.Ken-nan đã kiến nghị với Nhà Trắng rằng, nhân tố cơ bản nhất trong chính sách ngoại giao của Mỹ đối với Liên Xô là phải kiềm chế khuynh hướng "bành trướng", phải thực thi chính sách "ngăn chặn" lâu dài để hạn chế "làn sóng cộng

sản". Đến tháng 3 năm 1947, chính quyền Tru-man đã trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Ken-nan đã bổ sung, hình thành và công bố thực hiện chiến lược "ngăn chặn" chủ nghĩa cộng sản. Tháng 4 năm 1948, Quốc hội Mỹ chính thức phê chuẩn kế hoạch Mác-San, tăng viện trợ để kích lệ lực lượng dân chủ, cài cắm gián điệp vào các đảng cộng sản để phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Tây Âu, hướng họ phụ thuộc vào Mỹ. Đến tháng 12 năm 1957, Tổng thống Aixenhao đã tuyên bố "Mỹ sẽ giành thắng lợi bằng hòa bình" và mục đích của chiến lược để làm suy yếu và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Từ những năm 60 đến 80 của thế kỷ XX, nhiều đời tổng thống kế tiếp của Mỹ như Kennodi, Giônxon; Níchxon; Pho, đã coi trọng và thực hiện chiến lược "Diễn biến hòa bình" để chống lại làn sóng cộng sản, lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, từ sau thất bại ở Việt Nam, Mỹ đã từng bước thay đổi chiến lược chuyển từ tiến công bằng sức mạnh quân sự là chính, sang tiến công bằng "Diễn biến hòa bình" là chủ yếu. Từ vị trí là thủ đoạn kết hợp với chiến lược "ngăn chặn", đã trở thành một chiến lược cơ bản, ngày càng hoàn thiện để chống các nước cộng sản.

Giai đoạn II, từ năm 1980 đến nay, đây là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, cùng các thế lực thù địch hoàn thiện chiến lược "Diễn biến hòa bình" và trở thành chiến lược chủ yếu tiến công chống các nước xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm nổi bật của thời kỳ này là các nước xã hội chủ nghĩa đã thấy rõ sự trì trệ, kém phát triển so với các nước tư bản. Vì thế, các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thấy sự cần thiết phải tiến hành cải tổ, cải cách, đổi mới... Song, một số đảng cộng sản trong quá trình lãnh đạo cải tổ, cải cách đó lại mắc phải những sai lầm, làm cho các nước vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn.

Do phát hiện thấy những sai lầm, khuyết điểm của các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa, từ năm 1980 đến 1990, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch ra sức hoàn thiện chiến lược "Diễn biến hòa bình" để tiến công nhằm làm suy yếu, tiến tới lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Về tư tưởng, chúng công khai coi trọng chiến lược "Diễn biến hòa bình", thực hiện phương châm chiến thắng mà không cần chiến tranh mà vẫn thực hiện được mục tiêu lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Về thủ đoạn, được bổ sung nhiều thủ đoạn mới tinh vi, vừa công khai vừa lén lút, hoạt động chống phá các nước xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng - văn hóa nhằm kích động, gây mâu thuẫn để chia rẽ nội bộ, xây dựng cài cắm lực lượng chống đối từ ngay trong lòng các nước xã hội chủ nghĩa... Trên thực tế, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã sử dụng thành công chiến lược "Diễn biến hòa bình" để đẩy nhanh hơn quá trình sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu những năm 90 của thế kỷ XX.

Từ năm 1990 đến nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục ra sức sử dụng chiến lược "Diễn biến hòa bình" để thực hiện âm mưu xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trong thế kỷ XXI. Khi Liên Xô và các nước xã hội

chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, tan rã, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, phong trào công sản và công nhân thế giới tạm thời lắng xuống. Ních-son, trong cuốn sách "1999 - chiến thắng không cần chiến tranh" cho rằng, phải tạo ra khoảng trống tư tưởng ở các nước xã hội chủ nghĩa để cho tư tưởng tư sản tràn vào. Đặc biệt, chú trọng làm xói mòn tư tưởng, đạo đức và niềm tin công sản của thế hệ trẻ để "tự diễn biến", tự suy yếu, dẫn đến sụp đổ, tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước còn lại.

1.2. Bạo loạn lật đổ

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiến hành "Diễn biến hòa bình" nhằm từng bước làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó tạo nên những điều kiện, thời cơ cho hành động tiếp theo là gây rối và bạo loạn lật đổ. Thực tế, khái niệm "Diễn biến hòa bình", gây rối và bạo loạn lật đổ là những thuật ngữ khác nhau nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục đích cuối cùng của các thế lực thù địch là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Bạo loạn lật đổ là một phương thức của chủ nghĩa đế quốc chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của các nước, là một hoạt động có tổ chức, bao gồm cả hoạt động chính trị và hoạt động vũ trang của bọn phản động trong nước là chính, được chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài chỉ đạo, hỗ trợ, nhằm lật đổ chế độ, chính quyền Trung ương hoặc địa phương, dựng nên chính quyền phản cách mạng.

Về hình thức của bạo loạn, gồm có bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang hoặc bạo loạn chính trị kết hợp với vũ trang.

Mục đích của bạo loạn lật đổ là nhằm gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và lật đổ chính quyền cách mạng, thiết lập chính quyền phản động ở địa phương hoặc trung ương ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Trên thực tiễn, bạo loạn lật đổ là một thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn liền với chiến lược "Diễn biến hòa bình" để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Khi tiến hành bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch thường có hành vi kích động những phần tử quá khích, làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội ở một số khu vực nhất định và trong một thời gian nhất định (thường chỉ diễn ra trong không gian hẹp và thời gian ngắn). Gây rối có thể bị lực lượng thù địch bên ngoài lợi dụng như là cuộc tập dượt, là bước mở đầu cho bạo loạn lật đổ chính quyền ở địa phương hoặc nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bạo loạn lật đổ là hoạt động chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch, khi diễn ra trên thực tế, bao giờ cũng có những điều kiện khách quan, chủ quan.

Về chủ quan, các thế lực thù địch đã xây dựng được lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang phản động bí mật, có tên cầm đầu đủ năng lực chỉ đạo, điều hành, phối hợp lực lượng phản động bên trong và bên ngoài

Về khách quan, điều kiện xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa có hiện tượng không ổn định, mâu thuẫn nội bộ gay gắt bị địch lợi dụng khoét sâu thành

mâu thuẫn đối kháng và quần chúng bị lôi kéo ngã theo lực lượng phản động thù địch để chống lại chính quyền, chống lại chế độ xã hội.

Quy mô bạo loạn lật đổ, có thể diễn ra ở nhiều mức độ và phức tạp, có thể diễn ra từ quy mô nhỏ đến lớn, từ một vài nơi lan ra nhiều khu vực của một nước.

Phạm vi địa bàn xảy ra bạo loạn lật đổ có thể ở nhiều nơi, nhiều vùng của đất nước, trọng điểm là những vùng trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hóa của Trung ương và địa phương, nơi nhạy cảm về chính trị hoặc ở các khu vực, địa bàn mà cơ sở chính trị của địa phương yếu kém.

2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam

Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" chống chủ nghĩa xã hội. Từ đầu năm 1950 đến 1975, chủ nghĩa đế quốc dùng hành động quân sự để xâm lược và muốn biến Việt Nam thành thuộc địa vĩnh viễn của chúng nhưng cuối cùng đã bị thất bại hoàn toàn. Sau khi sử dụng những đòn tấn công bằng quân sự để xâm lược Việt Nam không thành công, chúng đã chuyển sang chiến lược mới như "bao vây cấm vận kinh tế", "cô lập về ngoại giao" kết hợp với "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lợi dụng thời kỳ nước ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, từ năm 1975 - 1994 do hậu quả của chiến tranh để lại, do sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh “Diễn biến hoà bình” đối với Việt Nam.

Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, với đường lối đổi mới toàn diện đất nước, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh thời đại, nên từng bước đã khắc phục có hiệu quả khủng hoảng kinh tế - xã hội. Thành tựu to lớn mà Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đạt được trong những năm đầu của công cuộc đổi mới là chế độ chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng ngày càng giữ vững và đời sống của nhân dân lao động từng bước được cải thiện, nâng cao.

Từ năm 1995 đến nay, trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, thì các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta. Chúng đã tuyên bố xóa bỏ "cấm vận kinh tế" và bình thường hóa quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập như: "dính líu", "ngâm", "sâu, hiểm" nhằm chống phá cách mạng Việt Nam.

Mục tiêu nhất quán của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong sử dụng chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam là thực hiện âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi

theo con đường chủ nghĩa tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc... Để đạt được mục tiêu đó, các thế lực thù địch không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn chống phá nào như sử dụng bạo lực phi vũ trang, bạo lực vũ trang, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta hiện nay là toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tinh vi, thâm độc và nhiều thủ đoạn tinh vi khó nhận biết...

Thủ đoạn về kinh tế. Chúng muốn chuyển hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dần dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Kích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Lợi dụng sự giúp đỡ, viện trợ kinh tế, đầu tư vốn, chuyên giao công nghệ cho Việt Nam để đặt ra các điều kiện và gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hóa Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Thủ đoạn về chính trị. Các thế lực thù địch kích động đòi thực hiện chế độ "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập", "tự do hóa" mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức, phần tử phản động trong nước và ngoài nước, lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất đi vai trò lãnh đạo của Đảng. Tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước ta, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh quân sự để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thủ đoạn về tư tưởng - văn hóa. Chúng thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền nói xấu, phủ nhận cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân dân. Lợi dụng xu thế mở rộng hợp tác quốc tế, du nhập những sản phẩm văn hóa đồi trụy, lối sống phương Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên từng bước làm phai mờ bản sắc văn hóa và giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Thủ đoạn trong lĩnh vực xã hội. Chúng thực hiện phát triển giai cấp tư sản, làm chệch định hướng xã hội chủ nghĩa về cơ cấu xã hội - giai cấp, phân hóa giàu nghèo trong xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, truyền đạo trái phép để thực hiện âm mưu tôn giáo hóa dân tộc, từng bước gây mất ổn định xã hội và làm chệch hướng chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia. Chúng kích động đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối với lực lượng vũ trang. Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, các thế lực thù địch chủ trương vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng với luận điểm "phi chính trị hóa" quân đội. Đối với công an nhân dân, chúng phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, chia rẽ mối quan hệ giữa công

an với nhân dân và lợi dụng hợp tác chống khủng bố, tội phạm quốc tế để can thiệp vào công việc nội bộ, phá vỡ thế trận an ninh nhân dân, nền quốc phòng toàn dân.

Thủ đoạn trên lĩnh vực đối ngoại. Các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để tuyên truyền và hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới, tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam. Đặc biệt, chúng rất coi trọng việc chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa, hạ thấp uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

2.2 Âm mưu, thủ đoạn bạo loạn lật đổ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của các thế lực thù địch

Các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động sống lưu vong ở nước ngoài và kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội ở một số vùng nhạy cảm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ của Việt Nam. Chúng tiến hành nhiều hoạt động xảo quyệt để lôi kéo, mua chuộc quần chúng nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương và uy hiếp các đơn vị lực lượng vũ trang. Ở Tây Bắc, chúng kích động người H' Mông đòi thành lập khu tự trị riêng. Ở Tây Nguyên, chúng ra sức tuyên truyền thành lập nhà nước Đê Ga, chờ thời cơ thuận lợi để tiến hành lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thủ đoạn cơ bản mà các thế lực thù địch đã sử dụng để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền ở một số địa phương nước ta là: kích động sự bất bình của quần chúng, dụ dỗ và cưỡng ép nhân dân biểu tình làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp khống chế cơ quan quyền lực của địa phương. Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự tài trợ tiền của, vũ khí ngoài nước vào để tăng sức mạnh.

Yêu cầu đặt ra là phải nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian. Nắm vững nguyên tắc xử lý trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ là: nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài. Hoạt động đấu tranh, xử lý bạo loạn luôn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, cơ quan tham mưu và phối hợp thống nhất hành động cho các lực lượng tham gia. Kịp thời phân hóa, cô lập và đấu tranh kiên quyết với bọn đầu sỏ, cực đoan, giáo dục vận động những người dân lầm đường, lạc lối.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và phương châm của Đảng, Nhà nước ta về phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

3.1 Mục tiêu

Mục tiêu của chiến lược "Diễn biến hòa bình" mà các thế lực thù địch tiến hành ở Việt Nam là làm chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải làm thất bại âm mưu thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước, tạo môi trường hòa bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc

3.2 Nhiệm vụ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ. Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh hiện nay, đồng thời, còn là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài. Chủ động phát hiện âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta, kịp thời tiến công ngay từ đầu. Xử lý nhanh chóng, hiệu quả khi có bạo loạn xảy ra và luôn bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

3.3 Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bởi lẽ, thực chất chiến lược “Diễn biến hòa bình” mà các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc. Mục tiêu của chiến lược đó là nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và chuyển hóa theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Thứ hai, đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu hiện nay của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta để bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt mà các thế lực thù địch sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" với nhiều đòn tấn công "mềm" trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, coi trọng giữ vững an ninh kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng.

Thứ ba, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình". Bởi vì, các thế lực thù địch sử dụng sức mạnh tổng hợp để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đánh vào mọi tầng lớp nhân dân lao động, mọi tổ chức chính trị - xã hội, mọi lĩnh vực.

3.4 Phương châm tiến hành

Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Do đó, mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân phải thấy rõ tính chất nham hiểm của chiến lược "Diễn biến hòa bình". Từ đó, phải nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" của kẻ thù nhằm chống phá Việt Nam.

Chủ động, kiên quyết, khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bao giờ cũng chủ động chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước làm suy yếu từ bên trong và khi có thời cơ tiến hành lật đổ chế độ xã hội. Thực tế chứng minh, chủ động tấn công sẽ tạo thuận lợi giành thắng lợi trong chiến tranh nói chung và trong phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta.

Xây dựng tiềm lực vững mạnh của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam. Trên thực tế, kẻ thù thường cấu kết lực lượng phản động ở ngoài nước với những phần tử cực đoan, chống đối ở trong nước và bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và thâm hiểm, tổng hợp. Do vậy, phải thường xuyên coi trọng xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt. Chú trọng tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân lao động hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn cơ bản trong chiến lược "Diễn biến hòa bình" mà kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam.

4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ở Việt Nam.

4.1 Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

Muốn ngăn chặn, đấu tranh đạt hiệu quả, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta thì phải giữ vững sự ổn định xã hội và làm cho đất nước ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Do đó, việc đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế là giải pháp hữu hiệu để giữ vững và thúc đẩy yếu tố bên trong của đất nước luôn ổn định.

Tệ quan liêu, tham nhũng được Hồ Chí Minh gọi là thứ giặc nội xâm. Nếu để căn bệnh này tồn tại kéo dài trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và trong xã hội thì sẽ làm cản trở phát triển kinh tế - xã hội, làm suy yếu Đảng, suy yếu bộ máy nhà nước, gây bất bình và giảm lòng tin của nhân dân lao động vào chế độ xã hội. Kẻ thù lợi dụng vấn đề này để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, kích động nhân

dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương, chống Đảng và Nhà nước ta, gây mất ổn định xã hội.

Để giữ được sự ổn định xã hội, thì vấn đề mấu chốt phải giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực. Thực chất làm cho các nhân tố xã hội chủ nghĩa ngày càng củng cố, phát triển và sớm kết thúc thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sẽ tránh được nguy cơ tụt hậu về kinh tế.

4.2 Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

Chủ động nắm địch, phát hiện kịp thời những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Do vậy phải giáo dục rộng rãi trong toàn xã hội để mọi người dân Việt Nam, mọi tổ chức chính trị - xã hội đều nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam. Phải làm tốt công tác chỉ đạo cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên trách và phối hợp các ngành, các cấp trong xã hội chú trọng giáo dục kiến thức quốc phòng; thông qua các kênh thông tin đại chúng để nâng cao cảnh giác cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân lao động. Cần phải đấu tranh phê phán những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác cách mạng trong một bộ phận nhân dân, học sinh, sinh viên trước âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù chống phá nước ta hiện nay.

Mỗi người phải có ý thức tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước về thông tin, tham gia tích cực đấu tranh chống lưu truyền thông tin trái với quy định của Đảng, Nhà nước ta. Mỗi người dân Việt Nam phải có tri thức, có bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét phát hiện và báo cáo kịp thời thủ đoạn chống phá của kẻ thù cho cơ quan chức năng xử lý không để bất ngờ.

4.3 Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là quy luật phổ biến của các nước xã hội chủ nghĩa. Đối với nước ta, bảo vệ tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch lợi dụng sự sụp đổ của xã hội chủ nghĩa, ở Liên Xô và Đông Âu, lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, tấn công quyết liệt vào độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta. Vì vậy, khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của đất nước ta là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ; kết hợp sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế; sức mạnh của con người kết hợp vũ khí trang bị, trong đó, yếu tố con người giữ vững vai trò quyết định. Nhiệm vụ trước hết của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải làm cho ý thức bảo vệ Tổ quốc

được thấm nhuần sâu sắc trong mọi tầng lớp nhân dân mà trọng tâm là thanh niên.

Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện: Tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nước ta; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới; tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh... hình thức giáo dục phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

4.4 Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh sẽ bảo đảm cho chế độ xã hội luôn ổn định, phát triển. Do vậy, phải luôn luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, mọi miền đất nước; đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người trong nước và người đang sinh sống ở nước ngoài.

Để đạt được sự đoàn kết rộng rãi đó, Đảng và Nhà nước phải có chính sách xã hội bảo đảm lợi ích chính đáng cho từng giai tầng, phải củng cố khối liên minh công - nông - trí luôn vững chắc, đồng thời phải phát huy tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, lòng tự hào của toàn dân.

Phải luôn chú trọng xây dựng hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nền nếp hoạt động của các tổ chức quần chúng... Khắc phục triệt để hiện tượng mất đoàn kết, cục bộ, bản vị, bè phái, cơ hội chủ nghĩa dưới mọi hình thức. Duy trì nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kiểm tra Đảng ở các cấp, xử lý kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng có khuyết điểm, khen thưởng kịp thời những đảng viên, tổ chức Đảng thực hiện tốt đường lối, chủ trương Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4.5 Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

Lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, lực lượng an ninh nhân dân ở cơ sở là một bộ phận của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là công cụ chủ yếu bảo vệ Đảng, chính quyền, nhân dân, tài sản Nhà nước, của tổ chức cơ sở. Do vậy, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên phải được quan tâm rộng khắp ở tất cả các làng, bản, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, bảo đảm triển khai thể trận quốc phòng, thể trận phòng thủ ở các địa phương, cơ sở. Phải chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng nhưng lấy chất lượng là chính.

Ở mỗi địa phương, phải chú trọng kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở. Quần chúng là nền tảng, là gốc rễ của dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, quần chúng cũng là đối tượng để kẻ thù lợi dụng, mua chuộc nhằm thực hiện âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

4.6 Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

Mỗi thủ đoạn, hình thức, biện pháp mà kẻ thù sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, cần có phương thức xử lý cụ thể, hiệu quả.

Khi mỗi tình huống bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, xử trí theo nguyên tắc nhanh gọn - kiên quyết - linh hoạt - đúng đối tượng - không để lan rộng, kéo dài.

Yêu cầu phải xây dựng các phương án, tình huống kẻ thù có thể sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Từ đó, xây dựng đầy đủ luyện tập các phương án sát với diễn biến từng địa phương, từng đơn vị, từng cấp, từng ngành. Hoạt động xử lý bạo loạn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, các ngành tham mưu, quân đội và công an.

4.7 Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Đây là một giải pháp quan trọng để đấu tranh, ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù.

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là để tạo ra cơ sở vật chất, phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời, là điều kiện để tăng năng suất lao động của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, để tạo nên sức mạnh của thể trận "lòng dân".

Yêu cầu đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay là phải chú trọng hơn nữa chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, huy động và sử dụng tốt hơn nguồn vốn để tập trung phát triển những ngành công nghiệp mũi nhọn. Chống hiện tượng đầu tư tràn lan, để những dự án treo kéo dài, trong đào tạo chưa cân đối phân luồng cơ cấu trình độ, ngành nghề của nguồn nhân lực, để phục vụ hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước....

Những giải pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đấu tranh ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam hiện nay. Vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này không nên coi nhẹ hoặc tuyệt đối hoá một giải pháp nào.

Sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước, đồng thời cũng là một đối tượng mà các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá nhằm làm suy thoái về đạo đức, lối sống và phai nhạt niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, mỗi người phải có

nỗ lực học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, cống hiến cho đất nước, phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát hiện và góp phần đấu tranh, ngăn ngừa, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, hồng xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ là gì?
2. Trình bày âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa như thế nào?
3. Trình bày chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá đối với Việt nam hiện nay?
4. Phương hướng, giải pháp cơ bản phòng, chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta như thế nào? Liên hệ vai trò, trách nhiệm của sinh viên, trong phòng, chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ?

Bài QA14: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG

Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung, biện pháp cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng;
- Vận dụng vào sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân nơi cư trú;
- Nâng cao trách nhiệm của người học sinh, chấp hành tốt các qui định về quốc phòng và an ninh, sẵn sàng tham gia xây dựng lực lượng vũ trang.

Nội dung:

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1.1 Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

- Khái niệm

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân của nhà Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành của Chính phủ và của Uỷ ban nhân dân các cấp, sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sự chỉ đạo, chỉ

huy trực tiếp của cơ quan quân sự địa phương.

Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn gọi là dân quân; được tổ chức ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là tự vệ.

- Vai trò của dân quân tự vệ

Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào toàn dân đánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong thời bình tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải đối phó với chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ và sẵn sàng chiến đấu chống mọi tình huống chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch thì vai trò của dân quân tự vệ càng được coi trọng.

Lực lượng dân quân tự vệ đang là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, trực tiếp ở từng địa phương bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước ở cơ sở.

Đánh giá về vai trò dân quân tự vệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “*Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã*”.

Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương và cả nước. Là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, phối hợp cùng các lực lượng đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống thiên tai, địch hoạ bảo đảm an toàn cho nhân dân.

Trong thời chiến, dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương; vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

- Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

Điều 8 Luật dân quân tự vệ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Gồm 6 nhiệm vụ là:

1. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu để bảo vệ địa phương, cơ sở; phối hợp với các đơn vị bộ đội biên phòng, hải quân, cảnh sát biển và lực lượng khác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam.

2. Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác.

4. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cơ sở.

5. Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Những nhiệm vụ trên được quy định trong luật dân quân tự vệ. Đó là những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên trong mọi giai đoạn cách mạng, đối với mọi tổ chức dân quân tự vệ. Đó cũng là phương hướng cơ bản chỉ đạo xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ. Đồng thời cũng là mục tiêu mà mọi cán bộ chiến sỹ dân quân tự vệ phải hướng vào để phấn đấu hoàn thành chức trách của mình.

1.2 Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

- Phương châm xây dựng

Phương châm xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”.

+ *Vững mạnh*

Được thể hiện là chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lý, thống nhất, có kỷ luật nghiêm, cơ động nhanh, sẵn sàng chiến đấu tốt. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng.

+ *Rộng khắp*

Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp xã, phường, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân ở đó có tổ chức dân quân tự vệ, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trường hợp các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không đủ điều kiện (không có tổ chức Đảng) tổ chức dân quân tự vệ nếu có yêu cầu thì giám đốc doanh nghiệp đề nghị và được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) đồng ý thì công dân được tham gia dân quân tự vệ ở địa phương (nơi cư trú). Giám đốc doanh nghiệp phải bảo đảm thời gian và tạo điều kiện cho công nhân tham gia dân quân tự vệ hoạt động.

+ *Coi trọng chất lượng là chính*

Chỉ tuyển chọn đưa vào đội ngũ những công dân có lý lịch rõ ràng, có hộ

khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, luôn chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khoẻ phù hợp.

- *Tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ*

Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ phải phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh thời bình, thời chiến, đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và điều kiện cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương và cơ sở.

+ *Về tổ chức*

Dân quân tự vệ được tổ chức thành 2 lực lượng: lực lượng nòng cốt (lực lượng chiến đấu) và lực lượng rộng rãi (lực lượng phục vụ chiến đấu).

Lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt bao gồm dân quân tự vệ bộ binh, dân quân tự vệ binh chủng và dân quân tự vệ biển (đối với vùng biển), được tổ chức thành lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ. Đối với xã (phường) thuộc địa bàn trọng điểm về quốc phòng an ninh, biên giới ven biển, hải đảo có yêu cầu chiến đấu cao thì được xem xét tổ chức lực lượng dân quân thường trực.

Nhiệm vụ của lực lượng cơ động là chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt, chi viện cho lực lượng chiến đấu tại chỗ, khi cần thiết có thể cơ động chiến đấu trên địa bàn địa phương khác. Nhiệm vụ của lực lượng chiến đấu tại chỗ là chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn địa phương theo kế hoạch, phương án, khi cần có thể tăng cường cho lực lượng chiến đấu cơ động.

Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi gồm cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân tự vệ và công dân trong độ tuổi quy định (nam từ đủ 18 đến hết 45 nữ từ đủ 18 đến hết 40 tuổi).

Nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, vận chuyển tiếp tế, khắc phục hậu quả chiến đấu, bảo vệ và sơ tán nhân dân.

Về quy mô tổ chức

Tổ chức từ cấp tổ, tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn (cấp đại đội ở xã, phường lớn; cấp tiểu đoàn ở các doanh nghiệp nhà nước do Quân khu trở lên quy định).

+ *Biên chế*

Biên chế dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc. Số lượng cán bộ cán bộ chiến sỹ từng đơn vị do Bộ Quốc phòng quy định.

+ *Về cơ cấu và chức năng của cán bộ quân sự cơ sở, phân đội*

Cơ cấu biên chế ban chỉ huy quân sự được tổ chức ở xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp của địa phương và các ngành của nhà nước gồm 3 người: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên và Phó Chỉ huy trưởng. Ban chỉ huy quân sự cơ sở chịu trách nhiệm làm tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền cấp mình tổ chức triển khai công tác hoạt động dân quân tự vệ. Ở cấp xã, phường, thị trấn Chỉ huy trưởng là thành viên uỷ ban nhân dân, là Đảng viên, thường nằm trong cơ cấu

cấp uỷ địa phương. Các cơ sở khác, Chỉ huy trưởng có thể kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm. Bí thư Đảng uỷ, Bí thư Chi bộ các cơ sở kiêm chính trị viên chịu trách nhiệm về công tác Đảng, công tác chính trị trong dân quân tự vệ. Phó chỉ huy trưởng ở xã phường là cán bộ chuyên trách, các phó chỉ huy cơ sở còn lại là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Xã đội trưởng, Chính trị viên xã đội, xã đội phó và tương đương do Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm theo đề nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi đã thống nhất với huyện đội trưởng. Thôn đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và khẩu đội trưởng dân quân tự vệ do huyện đội trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của xã đội trưởng.

Cơ cấu cán bộ tiểu đoàn, đại đội, gồm chỉ huy trưởng, chính trị viên, phó chỉ huy trưởng. Cấp trung đội, tiểu đội và tương đương có một cấp trưởng, một cấp phó.

+ *Về vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ*

Vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ từ các nguồn do Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương tự chế tạo hoặc thu được của địch. Song, dù từ nguồn nào, vũ khí trang bị đó cũng đều là tài sản của nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lý. Do vậy, phải được đăng ký, quản lý, bảo quản chặt chẽ; sử dụng đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật.

- *Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ*

+ *Giáo dục chính trị*

Giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ là một nội dung quan trọng hàng đầu, nhằm làm cho dân quân tự vệ nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng. Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ, bảo vệ quê hương, làng xóm, địa phương, đơn vị mình.

Nội dung giáo dục cần tập trung không ngừng tăng cường bản chất cách mạng và ý thức giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ, trên cơ sở đó, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa; mục tiêu lý tưởng của Đảng; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn; quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, chống “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; công tác quốc phòng địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Một số nội dung cơ bản về hiến pháp, pháp luật, pháp lệnh về dân quân tự vệ, nội dung phương pháp tiến hành vận động quần chúng...

+ *Huấn luyện quân sự*

Hàng năm, lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định, nội dung huấn luyện phải phù hợp và sát với cơ sở do chỉ huy quân sự địa phương các cấp xác định cụ thể. Huấn luyện toàn diện cả chiến thuật, kỹ thuật, cả bộ binh và các binh chủng, chuyên môn kỹ

thuật... Thời gian huấn luyện theo quy định của pháp lệnh.

1.3 Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

- Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn địa phương trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Tóm lại, dân quân tự vệ là lực lượng chiến đấu tại chỗ ở địa phương, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở, là thành phần không thể thiếu của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.1 Khái niệm, vị trí vai trò, những quan điểm nguyên tắc

- *Khái niệm, vị trí, vai trò*

+ *Khái niệm*

Lực lượng dự bị động viên gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực quân sự, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Quân nhân dự bị gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị. Phương tiện kỹ thuật gồm phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định (Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên 1996).

Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch biên chế cho lực lượng thường trực của quân đội, thông qua các đơn vị dự bị động viên. Trong thời bình, lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, huấn luyện theo chương trình quy định và sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

+ *Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên*

Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển

đất nước sang trạng thái chiến tranh.

Lực lượng dự bị động viên phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng công an... làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thể trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội. Lực lượng dự bị động viên được xây dựng tốt sẽ làm nòng cốt cho cả xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và cả trong thực hiện chiến lược quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

2.2 Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

Việc tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên ở nước ta là một vấn đề hệ trọng, quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đặc biệt khi phải đối phó với chiến tranh quy mô lớn. Do đó, ngay từ thời bình, phải xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu theo kế hoạch đã xác định mới có khả năng giành thắng lợi khi có lệnh động viên.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải có chất lượng cao. Chất lượng cao được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, tinh thần, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn nghiệp vụ, trang bị, khả năng bảo đảm hậu cần kỹ thuật. Vì vậy, để có chất lượng cao, yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trong đó tập trung vào khâu quản lý, giáo dục, tạo nguồn.

Cùng với xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải nâng cao trình độ toàn diện cho cán bộ, chiến sĩ. Việc huấn luyện quân sự cho lực lượng dự bị động viên phải được tiến hành nghiêm túc theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là cuộc vận động chính trị sâu sắc trong quần chúng để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, về mọi mặt của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, được thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật của cơ quan lập pháp, sự điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, sự hiệp đồng thực hiện giữa các đơn vị quân đội, cơ quan quân sự với các cơ quan trong hệ thống chính quyền, các tổ

chức chính trị, kinh tế, xã hội... và sự chăm lo xây dựng của toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên là từ Trung ương đến cơ sở và được thể hiện trên tất cả các mặt công tác, từ bước chuẩn bị đến thực hành nhiệm vụ động viên.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của mọi công dân để xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh. Đó là yếu tố cơ bản nhất luôn bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu trong mọi tình huống.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành

Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng dự bị động viên như trên nên xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm cho lực lượng này luôn có nội dung, phương hướng, mục tiêu xây dựng đúng đắn, nhằm bảo đảm sức mạnh của quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng lực lượng dự bị động viên được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước, từ chuẩn bị đến thực hành động viên lực lượng.

2.3 Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Phương thức xây dựng lực lượng dự bị động viên

+ Phương thức chung

Phát huy khả năng trách nhiệm cao nhất của địa phương, các ngành kinh tế, kết hợp chặt chẽ với khả năng, trách nhiệm đầy đủ của các đơn vị quân đội để tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên. Với phương thức địa phương chuyển việc giao nguồn cho các đơn vị chủ lực sang tổ chức hình thành các đơn vị dự bị động viên theo nhiệm vụ trên giao. Trong đó địa phương thực hiện là chính (trừ vũ khí trang bị và huấn luyện), các đơn vị chủ lực nhận nguồn cung cấp biểu biên chế, phối hợp cùng địa phương tổ chức thực hiện.

+ Phương thức tổ chức các đơn vị dự bị động viên

Đơn vị biên chế khung thường trực và đơn vị không biên chế khung thường trực.

- Nội dung xây dựng

+ Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên

Tạo nguồn

Là cơ sở quan trọng nhất để lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Biện pháp tạo nguồn đối với sĩ quan dự bị, cơ quan quân sự địa phương quản lý chắc số sĩ quan phục viên, xuất ngũ. Hàng năm, lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, phẩm chất năng lực tốt đưa họ vào tạo nguồn.

Số cán bộ chuyên môn kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân (y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải...) có thể phục vụ lợi ích quốc phòng khi có chiến tranh. Hàng năm, tuyển chọn số hạ sĩ quan có phẩm chất năng lực tốt trước khi xuất ngũ cho đi huấn luyện, đào tạo họ thành sĩ quan dự bị. Sinh viên từ các trường đại học, sau khi tốt nghiệp được đào tạo thành sĩ quan dự bị. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện liên kết đào tạo theo nhu cầu chuyên môn kỹ thuật. Đào tạo xong có thể chuyển một số sang quân đội, số còn lại đưa vào ngạch dự bị động viên. Đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục viên xuất ngũ, có đủ điều kiện về phẩm chất năng lực, sức khoẻ đưa họ vào nguồn. Ngoài ra, đưa cả số thanh niên đã được tuyển chọn xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ, nhưng chưa nhập ngũ vào nguồn quân nhân dự bị. Đối với phương tiện kỹ thuật (theo điều 4, 24, 26 Pháp lệnh Dự bị động viên).

Đăng ký quản lý nguồn

Việc đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng ký quản lý cả con người và phương tiện kỹ thuật.

Đối với quân nhân dự bị, được tiến hành đăng ký, quản lý tại nơi cư trú, do Ban chỉ huy quân sự xã (phường), ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) thực hiện. Đăng ký quản lý phải chính xác theo từng chuyên ngành quân sự, độ tuổi, loại sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với phương tiện kỹ thuật, phải đăng ký, quản lý chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện.

+ Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên

Tổ chức, biên chế lực lượng dự bị động viên là tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lý, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kỹ thuật. Hiện nay, đơn vị dự bị động viên được tổ chức theo các loại hình: đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ nhân đôi và đơn vị chuyên môn thời chiến. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên phải theo nguyên tắc:

Sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật phù hợp với chức danh biên chế, nếu thiếu thì sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật tương ứng.

Sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị hạng hai. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng đơn vị.

+ Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên

. Giáo dục chính trị

Giáo dục chính trị là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng lực lượng dự bị

động viên nhằm làm cho mọi cán bộ chiến sĩ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lí tưởng.

Nội dung giáo dục: Cần tập trung vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta. Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng; được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

. Công tác huấn luyện

Phương châm huấn luyện: “*Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm*”. Nội dung huấn luyện gồm kỹ thuật bộ binh, binh chủng; chiến thuật từng người đến cấp đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và hoạt động chống “*Diễn biến hoà bình*”, bạo loạn lật đổ. Biện pháp huấn luyện có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở. Cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện thích hợp sát đối tượng, sát thực tế.

Hàng năm, sau khoá huấn luyện, lực lượng dự bị động viên sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị dự bị động viên.

Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được tiến hành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng dự bị động viên để có chủ trương, biện pháp sát đúng.

+ Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên

Vật chất kỹ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm vũ khí trang bị, hậu cần kỹ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, đủ để triển khai xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng ngày càng cao.

Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hàng năm do Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ ngành, địa phương thực hiện.

2.4 Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

- Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà

nước đối với lực lượng dự bị động viên.

Tóm lại, xây dựng lực lượng dự bị động viên có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị ở nước ta. Các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các cơ quan ban ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội... cần quán triệt sâu sắc những vấn đề cơ bản về nội dung biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng dự bị động viên, trước mắt là thực hiện tốt Pháp lệnh về dự bị động viên, nhằm đưa công tác này vào nền nếp, có chất lượng, hiệu quả.

3. Động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng

3.1 Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng

- Khái niệm

Động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng vũ trang, nhằm huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương... phục vụ cho quốc phòng, nhằm giành thế chủ động, bảo toàn, phát huy tiềm lực mọi mặt của quốc gia, duy trì, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Khái niệm trên thể hiện khái quát một số nội dung chính sau đây:

+ Động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng được chuẩn bị từ thời bình, là việc làm thường xuyên từ Trung ương đến địa phương.

+ Động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng không áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Có thể tổng động viên hoặc động viên cục bộ.

Chiến tranh tương lai nếu xảy ra là một cuộc chiến tranh hiện đại, đối phương chủ yếu sử dụng vũ khí công nghệ cao, bất ngờ, tiến công từ xa vào các mục tiêu trọng yếu trên phạm vi cả nước, bằng pháo binh, không quân, tên lửa hành trình... Vì vậy, động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng chúng ta phải được chuẩn bị từ thời bình, bảo đảm cho đất nước luôn ở trạng thái sẵn sàng đáp ứng được với mọi tình huống.

- Nguyên tắc động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng

+ Động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội.

+ Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và phù hợp với năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị của doanh nghiệp.

+ Nhà nước bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp và người lao động trong chuẩn bị động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng và thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng.

- *Yêu cầu động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng*

+ Chuẩn bị động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng và thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng tăng cường sức mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh.

Đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng. Trong các hoạt động quân sự nói chung và công tác động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng nói riêng yêu cầu về bảo đảm bí mật có ý nghĩa rất quan trọng. Trước hết về kế hoạch động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng của các cấp, theo quy định của Nhà nước thuộc tài liệu tuyệt mật, vì vậy việc xây dựng, quản lý, khai thác kế hoạch phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật; các doanh nghiệp công nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện chế độ quản lý, sử dụng, bảo mật theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, việc bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả là một yêu cầu rất quan trọng, nhất là trong điều kiện ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng của Nhà nước và Bộ Quốc phòng còn nhiều hạn hẹp.

Khi có lệnh thực hành động viên công nghiệp nếu không bảo đảm đủ số lượng, đúng thời gian quy định theo kế hoạch được giao sẽ không đủ trang bị, gây ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của quân đội.

+ Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng phải bảo đảm cho yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của các địa phương trong thời chiến.

Đây là một yêu cầu rất quan trọng trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của các địa phương trong thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả của công tác động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng. Trong các hoạt động quân sự nói chung và công tác động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng nói riêng, yêu cầu về bảo đảm bí mật có ý nghĩa rất quan trọng, giữ vững yếu tố bí mật là điều kiện để bảo đảm cho sự an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và đúng kế hoạch. Vì vậy, kế hoạch động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng của các cấp các ngành phải theo đúng quy định của nhà nước thuộc tài liệu mật, việc khai thác sử dụng phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

3.2 Một số nội dung động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng

- *Chuẩn bị động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng*

+ Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị, nội dung khảo sát gồm:

Đặc điểm tình hình; cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác; nhiệm vụ sản xuất, công suất thiết kế, công suất thực tế; số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có; phương hướng sản xuất và đổi mới công nghệ.

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và kết quả khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp Chính phủ quyết định các doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng.

+ Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng. Nội dung gồm:

Quyết định của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty; kế hoạch thông báo quyết định động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng; quyết định di chuyển địa điểm; kế hoạch chỉ huy điều hành; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng; kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học; kế hoạch bảo đảm kinh phí cho động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng.

Trên cơ sở kế hoạch chung của cấp trên, các doanh nghiệp công nghiệp lập kế hoạch động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng cho doanh nghiệp mình.

Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị do Nhà nước giao; kế hoạch thông báo quyết định động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng; kế hoạch di chuyển địa điểm; kế hoạch chỉ huy điều hành; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng; kế hoạch sản xuất, sửa chữa trang bị; kế hoạch ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp công nghiệp (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học; kế hoạch bảo đảm kinh phí.

- + Giao chỉ tiêu động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng
- + Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị
- + Quản lý, duy trì dây chuyền sản xuất
- + Bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động và diễn tập động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng
- + Dự trữ vật chất

- *Thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng*

Thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng gồm:

- Quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng (do Chính phủ quy định)

- Tổ chức di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp công nghiệp phải di chuyển

- Tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị
- Giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng

3.3 Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng

- Nhà nước, Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các địa phương, các Tổng công ty, thực hiện nghiêm Pháp lệnh động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng.

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, các Tổng công ty phối hợp hiệp đồng chặt chẽ thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng.

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, các Tổng công ty cần quán triệt sâu sắc cho cán bộ, công nhân viên về Pháp lệnh, Nghị định, các văn bản hướng dẫn về động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng của Nhà nước, Chính phủ.

- Các doanh nghiệp công nghiệp được lựa chọn và giao chỉ tiêu động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng cần chủ động lập kế hoạch động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chỉ tiêu trên giao.

Tóm lại, động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng là một vấn đề lớn có tính chiến lược của quốc gia để đất nước chủ động trong mọi tình huống, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nó liên quan đến nhiều cấp nhiều ngành, của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, hơn lúc nào hết ngay từ thời bình, công tác động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng phải được sự quan tâm một cách đầy đủ của toàn xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phương châm xây dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”, em hiểu vấn đề này như thế nào? Tại sao phải coi trọng chất lượng là chính?

2. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên hiện nay như thế nào? Là học sinh, em phải làm gì để góp phần nâng cao chất lượng tạo nguồn, đăng ký và quản lý nguồn dự bị động viên ở các địa phương trong tình hình hiện nay?

3. Nêu những nguyên tắc động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng của Đảng và Nhà nước ta như thế nào? Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay và trong tương lai có tác động như thế nào đến tổ chức và thực hành động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng?

Bài QA15: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Mục tiêu:

- Trình bày những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Việt Nam;
- Nâng cao lòng tự hào yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân trong việc góp phần xây dựng, bảo vệ và giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Sẵn sàng thực hiện tốt trách nhiệm công dân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Nội dung:

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1.1 Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Quốc gia là thực thể pháp lý bao gồm ba yếu tố cấu thành: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia. Theo luật pháp quốc tế hiện đại, tất cả các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền.

Quốc gia có khi được dùng để chỉ một nước hay đất nước. Hai khái niệm đó có thể được dùng thay thế cho nhau.

Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia. Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải), vùng trời quốc gia, ngoài ra còn gồm lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

Vùng đất quốc gia (kể cả các đảo và quần đảo) là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thủy, lãnh hải. Vùng đất quốc gia có thể gồm những lục địa ở những điểm khác nhau (tách rời nhau), nhưng các vùng đất đó đều thuộc lãnh thổ thống nhất của quốc gia; hoặc cũng có thể chỉ bao gồm các đảo, quần đảo ở ngoài biển hợp thành quốc gia quần đảo. Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú, Hà Giang đến mũi Cà Mau; các đảo như Phú Quốc, Cái Lân... và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Việt Nam có ba mặt trông ra biển: Đông, Nam và Tây Nam, với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long; các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ...; xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.

Nội thủy là vùng biển nằm ở phía trong của đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải. Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại ngân nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố. Vùng nước thuộc nội thủy có chế độ pháp lý như lãnh thổ trên đất liền. Nội thủy của Việt Nam bao gồm: Các vùng nước phía trong đường cơ sở; vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở, có chế độ pháp lý như lãnh thổ đất liền. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển. Trong lãnh hải, tàu thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại và thường đi theo tuyến phân luồng giao thông biển của nước ven biển. Lãnh hải của Việt Nam bao gồm lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo. Nước ta có thêm lục địa rộng lớn, là vùng đất và lòng đất đáy biển kéo dài tự nhiên từ lãnh thổ đất liền ra đến bờ ngoài của rìa lục địa, giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở lãnh hải. Việt Nam có chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với thêm lục địa; chủ quyền của nước ta đối với thêm lục địa là đương nhiên, không phụ thuộc vào việc có tuyên bố hay không.

Lãnh thổ quốc gia đặc biệt là loại lãnh thổ đặc thù của một quốc gia tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi ở của cơ quan đại diện ngoại giao...

Vùng trời quốc gia là khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia; là bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia đó. Việc làm chủ vùng trời quốc gia trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt được thực hiện theo quy định chung của công ước quốc tế.

Chủ quyền quốc gia là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.

Tất cả các nước, không tính đến quy mô lãnh thổ, dân số, chế độ xã hội, đều có chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia; không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia khác.

Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia; mọi tư tưởng và hành

động thể hiện chủ quyền quốc gia vượt quá biên giới quốc gia của mình đều là hành động xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác và trái với công ước quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là thực hiện tổng thể các giải pháp, biện pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh nhằm thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thuỷ, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của quốc gia. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền nhà nước đối với lãnh thổ quốc gia.

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là yêu cầu tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nội dung của việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam gồm:

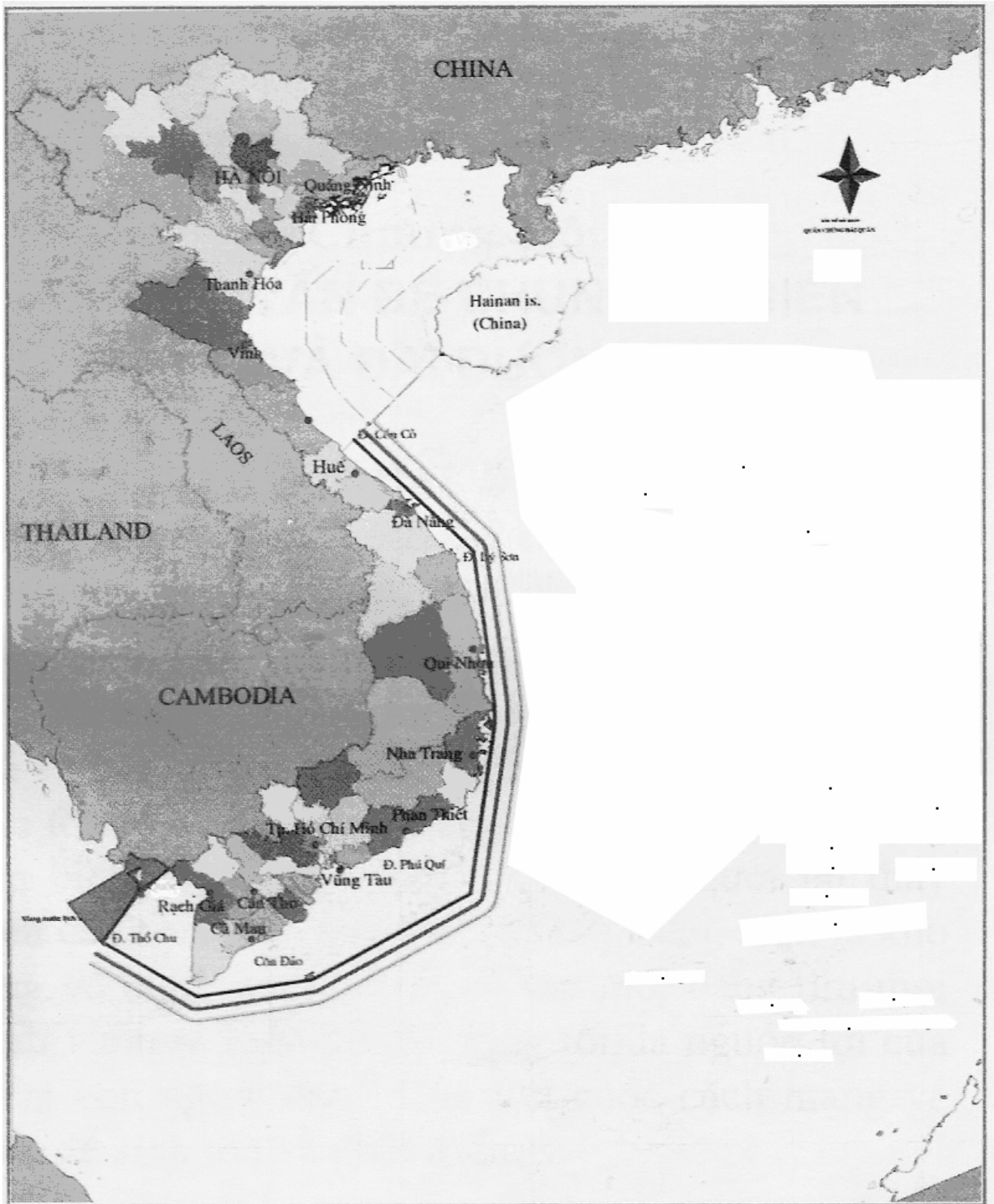
- Xây dựng, phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ của mình.

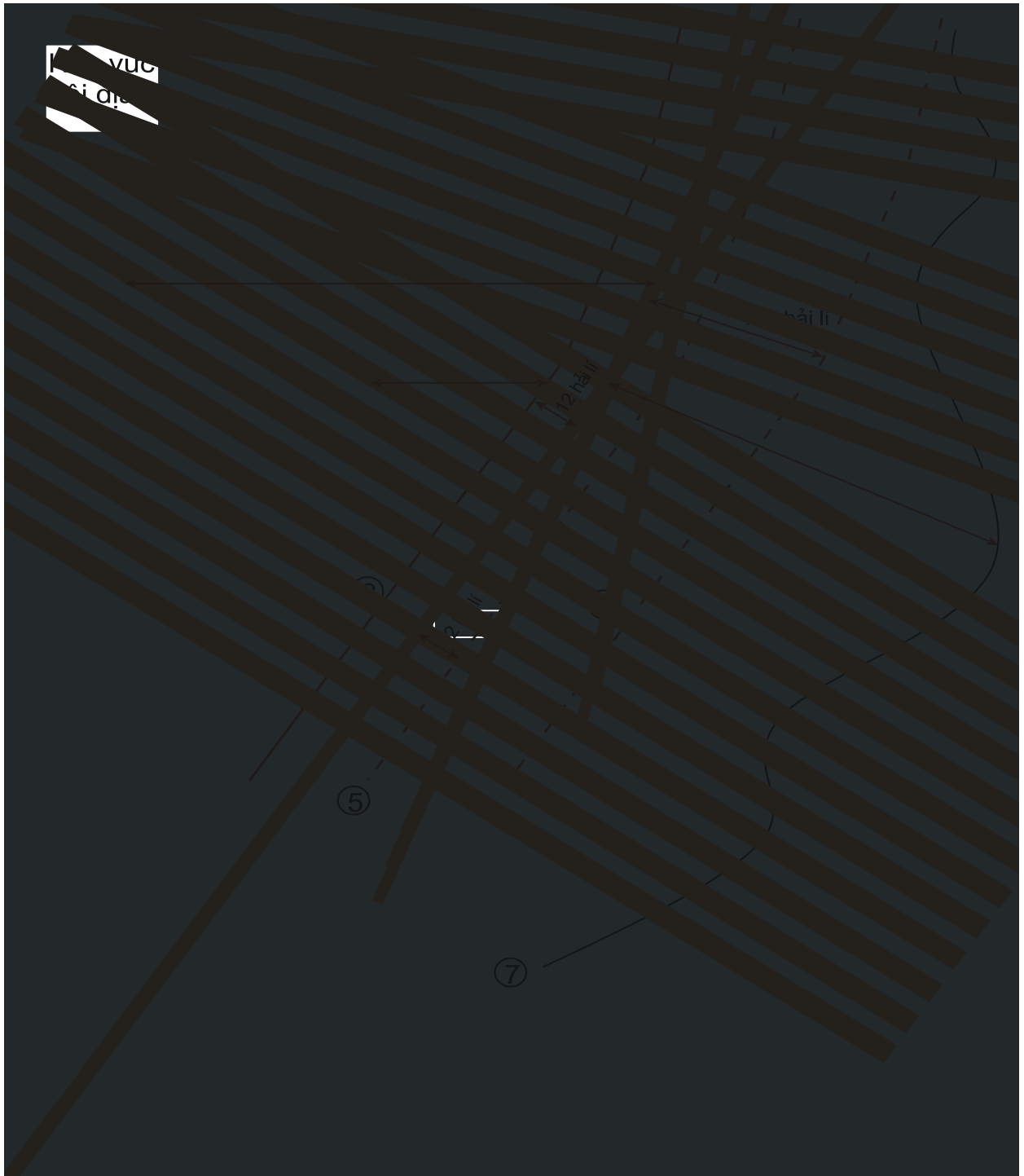
- Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thuỷ, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của Việt Nam; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, vi phạm chủ quyền, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

- Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ của đất nước, thống nhất về quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại mọi hành động chia cắt lãnh thổ Việt Nam; mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cả bên trong lẫn bên ngoài hòng phá hoại quyền lực tối cao của Việt Nam.

- Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn bó chặt chẽ và đặt trong tổng thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Hình 1. Sơ đồ lãnh thổ và các vùng biển Việt Nam



Hình 2. Sơ đồ khu vực biên giới và các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam

2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

2.1 Biên giới quốc gia

Luật Biên giới quốc gia của Việt Nam năm 2004 xác định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất,

vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trên không, biên giới quốc gia trong lòng đất.

Biên giới quốc gia trên đất liền là biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng ...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường lối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây, phía Đông giáp Biển Đông.

Biên giới quốc gia trên biển là biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo. Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thủy và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới quốc gia trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kỹ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới quốc gia trong lòng đất.

Khu vực biên giới là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới. Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm: khu vực biên giới trên đất liền gồm xã,

phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; khu vực biên giới quốc gia trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

2.2 Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là thực hiện tổng thể các biện pháp làm cho khu vực biên giới quốc gia mạnh lên và giữ gìn biên giới quốc gia, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Do vị trí địa lý và chính trị, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, việc xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia luôn là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển đất nước. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, là một biện pháp hiệu quả chống lại sự xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Trong hoà bình, bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp mà hệ thống chính trị, xã hội, các lực lượng vũ trang khu vực biên giới áp dụng nhằm tuần tra, giữ gìn nguyên vẹn, chống lại sự xâm phạm biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia. Khi có xung đột hoặc chiến tranh, các biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia được thể hiện rõ qua các trạng thái sẵn sàng chiến đấu: thường xuyên, tăng cường và cao.

Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2004 xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại”. Xây dựng, bảo vệ biên giới quốc gia bao gồm các nội dung sau:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có chính sách ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khu vực biên giới định cư ổn định, phát triển và sinh sống lâu dài ở khu vực biên giới; điều chỉnh dân cư theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh khu vực biên giới.

- Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới; phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

- Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Nhà nước chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

- Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường. Sử dụng tổng hợp các biện

pháp đấu tranh ngăn chặn mọi hành động xâm phạm tài nguyên, đặc biệt là xâm phạm tài nguyên trong lòng đất, trên biển, trên không, thềm lục địa của Việt Nam. Ngăn chặn, đấu tranh với mọi hành động phá hoại, huỷ hoại, gây ô nhiễm môi sinh, môi trường khu vực biên giới, bảo đảm cho người Việt Nam, nhân dân khu vực biên giới có môi trường sinh sống bền vững, ổn định và phát triển lâu dài.

- Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới. Thực thi quyền lực chính trị tối cao (quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên khu vực biên giới; chống lại mọi hành động xâm phạm về lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước trên khu vực biên giới. Bảo đảm mọi lợi ích của người Việt Nam phải được thực hiện ở khu vực biên giới theo luật pháp Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam ký kết với các nước hữu quan.

- Giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Đập tan mọi âm mưu và hành động gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới quốc gia. Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự ổn định, phát triển khu vực biên giới.

- Phối hợp với các nước láng giềng đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước láng giềng. Trấn áp mọi hành động khủng bố, tội phạm xuyên biên giới quốc gia.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

3.1 Quan điểm

- *Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; là sự kế thừa và phát triển mới Tổ quốc, đất nước, dân tộc và con người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước trong điều kiện mới.

Lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của đất nước Việt Nam, của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lãnh thổ và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định, bền chắc của đất nước Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ, gồm cả vùng đất, vùng trời, nội thuỷ, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

không thể trọn vẹn và thành công nếu chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia không được xây dựng và bảo vệ tốt, bị xâm phạm.

- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là nơi sinh ra và lưu giữ, phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt Nam đã phải đổ biết bao mồ hôi, xương máu mới xây dựng nên, mới giữ gìn, bảo vệ được lãnh thổ quốc gia toàn vẹn, thống nhất và tươi đẹp như ngày hôm nay. Nhờ đó mà con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam có thể tồn tại, sinh sống, vươn lên và phát triển một cách độc lập, bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế; những giá trị, truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam được khẳng định, lưu truyền và phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử. Từ thừa Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, đứng trước những kẻ thù to lớn và hung bạo, dân tộc Việt Nam luôn có ý thức và quyết tâm bảo vệ. Dù phải trải qua hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, phải chịu dưới ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc, người Việt Nam luôn phát cao hào khí anh hùng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong dựng nước và giữ nước, xây dựng và giữ gìn biên cương lãnh thổ quốc gia, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng “Sông núi nước Nam vua Nam ở”, ý chí quyết tâm “Đánh cho nó phiến giáp bắt hoàn; đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” của ông cha ta được tiếp nối, khẳng định và nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ gìn và bảo vệ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó. Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước”.

- Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định; giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Quan điểm này phù hợp với lợi ích và luật pháp của Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan. Đảng và Nhà nước ta coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định

để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

Trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Về những vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ, trên biển do lịch sử để lại, hoặc mới nảy sinh, Đảng và Nhà nước ta khẳng định: “Việt Nam luôn sẵn sàng thương lượng hoà bình để giải quyết một cách có lý, có tình”. Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực thông qua đối thoại, thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Nhưng Việt Nam cũng sẵn sàng tự vệ chống lại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ đất liền, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là: Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng đàm phán hoà bình để giải quyết, trước mắt là đạt tới sự thoả thuận về “Bộ quy tắc ứng xử” trong khi tiếp tục tìm kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt.

Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta xác định xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Công dân Việt Nam phải làm đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia do pháp luật quy định. Đó là quan điểm cơ bản, đồng thời là nguyên tắc chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Đảng và Nhà nước ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Nhà nước thống nhất quản lý việc xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia.

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

3.2 Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam.

Đây là quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sâu sắc tính chất nhân dân của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Trách nhiệm của công dân Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam được Nhà nước ban hành cụ thể trong Hiến pháp và luật. Điều 64, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2014 (sửa đổi) quy định: “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân...Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.”. Điều 1, Luật Nghĩa vụ quân sự chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân”. Điều 10, Luật Biên giới quốc gia cũng xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý”.

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, mọi công dân Việt Nam phải:

- Nhận thức rõ nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Mọi công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nơi cư trú đều có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2014 (sửa đổi) nêu rõ: “Mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị”. Đồng thời phải luôn nâng cao ý thức quốc phòng, an ninh, xây dựng ý thức, thái độ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; có những hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành

mọi nhiệm vụ được giao. “Công dân phải trung thành với Tổ quốc, làm nghĩa vụ quân sự, được giáo dục về quốc phòng và huấn luyện về quân sự; tham gia dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự; chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền khi đất nước có tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng”.

Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

- Học sinh phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lập, tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng, cao quý và bất khả xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định rõ vinh dự và trách nhiệm của công dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Thực hiện tốt những quy định về chương trình giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối với học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong thời gian học tập tại trường.

- Sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi Nhà nước và người có thẩm quyền huy động, động viên. Sau khi tốt nghiệp, sẵn sàng tự nguyện, tự giác tham gia quân đội nhân dân, công an nhân dân khi Nhà nước yêu cầu. Tích cực, tự giác, tình nguyện tham gia xây dựng và phục vụ lâu dài tại các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần xây dựng khu vực biên giới, hải đảo vững mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử, là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Học sinh đang học tại các trường trung học chuyên nghiệp cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với sự toàn vẹn, thống nhất lãnh thổ; quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

đối với việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Trên cơ sở đó, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ý thức trách nhiệm công dân, học tập tốt, thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia khi được giao.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là gì? Trình bày nội dung cơ bản về bản xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia?

2. Biên giới quốc gia là gì? Trình bày nội dung cơ bản về xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia?

3. Trình bày quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia? Liên hệ trách nhiệm của sinh viên?

Bài QA16: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Nhận thức rõ những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và giải pháp đấu tranh phòng, chống.

- Vận dụng tốt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước.

Nội dung:

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

1.1 Một số vấn đề chung về dân tộc

1.1.1 Khái niệm, đặc trưng của dân tộc: Hiện nay ở Việt Nam, thuật ngữ dân tộc thường được hiểu theo hai nghĩa.

Thứ nhất: dân tộc dùng để chỉ cộng đồng tộc người (Ethnie). Theo đó, dân tộc là một cộng đồng người hình thành trong lịch sử, cùng chung nguồn gốc và những đặc điểm tương đối bền vững về ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác dân tộc. Ví dụ: dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Hán...

Theo nghĩa này, dân tộc có các đặc trưng sau:

- Các thành viên cùng dân tộc sử dụng một ngôn ngữ chung (tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp nội bộ dân tộc.

- Các thành viên cùng dân tộc có chung những đặc điểm sinh hoạt văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc.

- Các thành viên cùng dân tộc có chung một ý thức tự giác dân tộc. Đó là sự tự ý thức về dân tộc mình, từ nguồn gốc nhân chủng, ngôn ngữ, bản sắc văn hoá đến tên gọi; ý thức tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của dân tộc mình. Đây là kết quả phức hợp của các đặc trưng trên và trở thành đặc trưng quan trọng nhất để phân định tộc người.

Thứ hai, dân tộc theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc (Nation): là một cộng đồng chính trị - xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung, như: dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Pháp...

Theo nghĩa này, dân tộc có các đặc trưng: dân tộc là một cộng đồng người cùng chung sống trên một lãnh thổ, cùng chung một thể chế chính trị, cùng chung một chế độ kinh tế, cùng chung một ngôn ngữ và cùng chung một nền văn hoá, tâm lý dân tộc. Trong đó, cùng chung một cộng đồng kinh tế, chính trị - xã hội là đặc trưng quan trọng nhất; cùng chung một nền văn hoá, tâm lý là đặc trưng tạo nên bản sắc dân tộc.

Như vậy, với nghĩa thứ nhất, dân tộc là một bộ phận trong quốc gia đa dân tộc; với nghĩa thứ hai, dân tộc bao gồm toàn bộ nhân dân của quốc gia đó. Cả hai nghĩa đó liên hệ chặt chẽ với nhau. Chuyên đề này chủ yếu nghiên cứu nghĩa thứ nhất, có mở rộng ra nghĩa thứ hai nhằm làm cho nội dung nghiên cứu được đầy đủ, sâu sắc hơn.

1.1.2 Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới.

Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường.

Một mặt, như Đảng ta đã nhận định: trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc. Toàn cầu hoá và các vấn đề toàn cầu làm cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc tăng lên, thúc đẩy xu thế khu vực hoá. Đồng thời các dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, chống can thiệp áp đặt và cường quyền.

Mặt khác, quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn, xung đột dân tộc, sắc tộc, xu hướng ly khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới... Đúng như Đảng ta nhận định: “Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp”. Vấn đề quan hệ dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường... cho các quốc gia, đe dọa hoà bình, an ninh khu vực và thế giới.

Quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động xấu đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc với nhau cần phải giải quyết.

Thực chất của vấn đề dân tộc là sự va chạm, mâu thuẫn lợi ích giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Bởi do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau; do sự khác biệt về lợi ích; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lý; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ty dân tộc...; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc...

Vấn đề dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề dân tộc gắn kết chặt chẽ với vấn đề giai cấp. Giải quyết vấn đề dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mỗi giai cấp khác nhau có quan điểm, chính sách giải quyết vấn đề dân tộc khác nhau. Trong chủ nghĩa xã hội, *thực chất giải quyết vấn đề dân tộc* là nhằm làm thay đổi tình trạng lạc hậu, biệt lập, phân biệt, bất bình đẳng giữa các dân tộc; xác lập quan hệ công bằng, bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc trong quốc gia đa tộc và giữa các quốc gia dân tộc trong quan hệ quốc tế để cùng phát triển.

Giải quyết vấn đề dân tộc cần tuân theo Cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin. Đó là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng là các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế ; xoá bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật hoá và thực hiện trên thực tế. Đây là quyền thiêng liêng, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết, xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

Các dân tộc được quyền tự quyết, là quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc: quyền tự quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, bao gồm cả quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với lợi ích chính đáng của các dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống việc lợi dụng quyền tự quyết để can thiệp, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là sự đoàn kết công nhân các dân tộc trong phạm vi quốc gia và quốc tế, và cả sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc, các lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, giai cấp, quốc tế. Đây là nội dung vừa phản ánh bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, vừa phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh và khả năng để giành thắng lợi.

Cương lĩnh dân tộc của Lênin là cơ sở lý luận khoa học và cách mạng của đường lối, chính sách dân tộc của các đảng cộng sản và các nhà nước xã hội chủ nghĩa.

1.1.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.

Trung thành với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng Việt Nam, tình hình đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm dân tộc đúng đắn, góp phần cùng toàn Đảng, lãnh đạo nhân dân ta giải phóng dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh về nội dung toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng; đó là những luận điểm cơ bản chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc; xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam và giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia dân tộc trên thế giới. Khi Tổ quốc bị thực dân Pháp xâm lược, đô hộ, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, cùng Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Khi Tổ quốc được độc lập, tự do, Người đã cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng mối quan hệ mới, tốt đẹp giữa các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người rất quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kỳ thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi... Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc. Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

Thực tế khối đại đoàn kết dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh đã góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó chính là minh chứng tính khoa học và cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

1.2 Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

1.2.1 Khái quát đặc điểm các dân tộc ở nước ta hiện nay:

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc ở Việt Nam có đặc trưng sau:

Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất. Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, do yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa dân tộc ta đã phải sớm đoàn kết thống nhất. Các dân tộc ở Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản - quyền được tồn tại, phát triển... Đó là cơ sở khách quan quy định, tạo nên sự đoàn kết thống nhất các dân tộc. Đoàn kết thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo. Không có dân tộc thiểu số nào cư trú duy nhất trên một địa bàn mà không xen kẽ với một vài dân tộc khác. Nhiều tỉnh miền núi các dân tộc thiểu số chiếm đa số dân số như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu...

Ba là, các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều. Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009, nước ta có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh có 73,594 triệu người (chiếm 85,7%), các dân tộc còn lại có 12,253 triệu người (chiếm 14,3%) dân số cả nước. Dân số của các dân tộc thiểu số dân số cũng chênh lệch nhau. Có 5 dân tộc có dân số từ 1 triệu trở lên, có 14 dân tộc có số dân từ dưới 1 triệu đến 100 ngàn người; 18 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người; 11 dân tộc có số dân từ dưới 10 ngàn người đến 1 ngàn người; 5 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người là: Sila, Púpé, Romăm, Ođư, và Brâu.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau. Có dân tộc đã đạt trình độ phát triển cao, đời sống đã tương đối khá như dân tộc Kinh, Hoa, Tày, Mường, Thái..., nhưng cũng có dân tộc trình độ phát triển thấp, đời sống còn nhiều khó khăn như một số dân tộc ở Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên...

Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hoá Việt Nam. Các dân tộc đều có sắc thái văn hoá về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn hoá Việt Nam. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thống nhất về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hoá các dân tộc ở Việt Nam.

2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.1 Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.1.1 Khái niệm tôn giáo

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo thế giới tự nhiên vào đầu óc con người, qua sự phản ánh đó giới tự nhiên trở thành siêu nhiên, chi phối, quyết định số phận con người; con người phải phục tùng và tôn thờ lực lượng siêu tự nhiên đó. Đúng như Ph.Ăngghen nhận xét: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"

Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội, với các yếu tố: Hệ thống giáo lí tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sĩ và tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo.

Cần phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan. Mê tín dị đoan là những hiện tượng (ý thức, hành vi) cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, phải kiên quyết bài trừ, nhằm lành mạnh hoá đời sống tinh thần xã hội.

2.1.2 Nguồn gốc của tôn giáo

Các yếu tố *kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý* là nguồn gốc quy định sự ra đời, tồn tại, biến đổi của tôn giáo.

Nguồn gốc kinh tế - xã hội: Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, lệ thuộc và bất lực trước tự nhiên. Vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những lực lượng siêu tự nhiên có sức mạnh, quyền lực to lớn, quyết định đến cuộc sống của họ, và họ phải tôn thờ.

Khi xã hội có giai cấp đối kháng, nạn áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động là nguồn gốc nảy sinh tôn giáo. V.I.Lênin đã viết: "Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia..." . Hiện nay, con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội; các cuộc xung đột giai cấp, dân tộc, tôn giáo, thiên tai, bệnh tật, ... vẫn còn diễn ra, nên vẫn còn nguồn gốc để tôn giáo tồn tại.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo.

Tôn giáo bắt nguồn từ sự nhận thức hạn hẹp, mơ hồ về tự nhiên, xã hội có liên quan đến đời sống, số phận của con người. Con người đã gán cho nó những sức mạnh siêu nhiên, tạo ra các biểu tượng tôn giáo. Mặt khác, trong quá trình biện chứng của nhận thức, con người nảy sinh những yếu tố suy diễn, tưởng tượng xa lạ với hiện thực khách quan, hình thành nên các biểu tượng tôn giáo.

Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo. Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi, buồn chán, tuyệt vọng đã dẫn con người đến sự khuất phục, không làm chủ được bản thân là cơ sở tâm lý để hình thành tôn giáo. Dưới chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin nhấn mạnh: “Sự sợ hãi trước thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản... sự phá sản “đột ngột”, “bất ngờ”, “ngẫu nhiên” làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành người ăn xin..., đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại...”. Mặt khác, lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức trong tình cảm, tâm lý con người cũng là cơ sở để tôn giáo nảy sinh.

2.1.3. Tính chất của tôn giáo

Cũng như các hình thái ý thức xã hội khác, tôn giáo có tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

Tính lịch sử của tôn giáo. Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi phản ánh và phụ thuộc vào sự vận động, phát triển của tồn tại xã hội. Tôn giáo còn tồn tại rất lâu dài, nhưng sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

Tính quần chúng của tôn giáo: tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái (dù đó là hư ảo). Tôn giáo đã trở thành nhu cầu tinh thần, đức tin, lối sống của một bộ phận dân cư. Hiện nay, một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân tin theo các tôn giáo.

Tính chính trị của tôn giáo: xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp. Giai cấp thống trị lợi dụng tôn giáo làm công cụ hỗ trợ để thống trị áp bức bóc lột và mê hoặc quần chúng. Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ lợi ích của những lực lượng xã hội khác nhau lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

2.2 Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

2.2.1 Tình hình tôn giáo trên thế giới

Theo Từ điển Bách khoa Tôn giáo thế giới năm 2001, hiện nay trên thế giới có tới 10.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 150 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ. Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có: Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin Lành, Anh giáo hay Chính thống giáo) có khoảng 2 tỷ tín đồ, chiếm 33% dân số thế giới; Hồi giáo: 1,3 tỷ tín đồ, chiếm 22% dân số thế giới; Ấn Độ giáo: 900 triệu tín đồ, chiếm 15% dân số thế giới và Phật giáo: 360 triệu, chiếm 6% dân số thế giới. Như vậy, chỉ tính các tôn giáo lớn đã có 4,2 tỷ người tin theo, chiếm 76% dân số thế giới.

Trong những năm gần đây hoạt động của các tôn giáo khá sôi động, diễn ra theo nhiều xu hướng. Các tôn giáo đều có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu; các tôn giáo cũng có xu hướng dân tộc hoá, bình dân hoá, mềm hoá các giới luật lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc; các tôn giáo cũng tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn

giáo theo hướng thể tục hoá, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp. Đáng chú ý là gần đây, xu hướng đa thần giáo phát triển song song với xu hướng nhất thần giáo, tuyệt đối hoá, thần bí hoá giáo chủ đang nổi lên; đồng thời, nhiều “hiện tượng tôn giáo lạ” ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế giới hiện nay. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia dân tộc độc lập.

Tình hình, xu hướng hoạt động của các tôn giáo thế giới có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến sinh hoạt tôn giáo ở Việt Nam. Một mặt, việc mở rộng giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới đã giúp cho việc tăng cường trao đổi thông tin, góp phần xây dựng tinh thần hợp tác hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích của các giáo hội và đất nước; góp phần đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch với Việt Nam; góp phần đào tạo chức sắc tôn giáo Việt Nam... Mặt khác, các thế lực thù địch cũng lợi dụng sự mở rộng giao lưu đó để tuyên truyền, kích động đồng bào tôn giáo trong và ngoài nước chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2.2.2 Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết vấn đề tôn giáo là một nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm *giải phóng nhân dân lao động* khỏi sự áp bức của tôn giáo về tinh thần; tập hợp, đoàn kết các lực lượng cách mạng tạo nên *động lực* của cách mạng xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn âm mưu và hành động của các giai cấp bóc lột lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Giải quyết vấn đề tôn giáo là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, cần thực hiện các vấn đề có tính nguyên tắc sau:

Một là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới- xã hội xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, chỉ có thể giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Đó phải là kết quả của sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện. Theo đó, giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát... Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế để tuyên chiến, xoá bỏ tôn giáo.

Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan

Trong chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, còn tồn tại lâu dài. Bởi vậy, phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là: Bất kỳ ai cũng được tự do theo tôn giáo mà mình lựa chọn, tự do không theo tôn giáo, tự do chuyển đạo hoặc bỏ đạo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho mọi công dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Mọi tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Tôn trọng gắn liền với không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng tiến bộ mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật.

Ba là, quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Tôn giáo có tính lịch sử, nên vai trò, ảnh hưởng của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng thay đổi theo sự biến đổi của tồn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét, đánh giá, giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo cần phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, tránh giáo điều, máy móc, rập khuôn cứng nhắc. Những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật được tôn trọng, hoạt động ích nước lợi dân được khuyến khích, hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích dân tộc bị xử lý theo pháp luật.

Bốn là, phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn: Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo. Mâu thuẫn không đối kháng giữa những người có tín ngưỡng khác nhau, hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo.

Cho nên, một mặt phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo. Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quần chúng nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo; Phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo; Kiên quyết vạch trần và xử lý kịp thời theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng.

2.3 Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1 Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo với số tín đồ lên tới gần 20 triệu. Có người cùng lúc tham gia nhiều hành vi tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Trong những năm gần đây các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động nhằm phát triển tổ chức, phát huy ảnh hưởng trong đời sống tinh thần xã hội. Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẹp đẽ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi. Đại đa số tín đồ chức sắc tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, theo hướng “tốt đời, đẹp đạo”.

Tuy nhiên tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích gây tổn hại đến lợi ích dân tộc; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lẫn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội.

Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với cái gọi là “tự do tôn giáo” để chia rẽ tôn giáo, dân tộc; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

3. Quan điểm chính sách của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

3.1 Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn có quan điểm nhất quán: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”.

Trong công tác dân tộc ở nước ta hiện nay, Đảng, Nhà nước ta *tập trung vào việc*: khắc phục sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc; nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định chính trị - xã hội, chống phá cách mạng; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc.

Văn kiện Đại hội X chỉ rõ quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay là: "*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược*

lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế- xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc”.

3.2 Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo; bám sát tình hình đặc điểm tôn giáo Việt Nam; từ thực tiễn công tác tôn giáo; trước âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo của các thế lực thù địch; từ yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng, Nhà nước ta luôn có quan điểm chính sách tôn giáo đúng đắn.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta khẳng định: tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tôn giáo có những giá trị văn hoá, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Về chính sách tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Đồng bào *các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật

chất, văn hóa của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân".

3.3 Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc cho đồng bào dân tộc, tôn giáo

Đề nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc, tôn giáo, củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ở Việt Nam thì giải pháp chung cơ bản nhất là thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội, mà trực tiếp là chính sách dân tộc, tôn giáo, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc, các tôn giáo. Hiện nay, cần tập trung vào những giải pháp cơ bản, cụ thể sau:

Một là, ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Đây là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân mà trực tiếp là của đồng bào các dân tộc, tôn giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc.

Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện, tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước, khơi dậy lòng tự tôn tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lương giáo của các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lừa gạt lôi kéo lợi dụng. Vận động đồng bào các dân tộc, tôn giáo đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

Hai là, tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù. Cần tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải dựa trên nền gốc là khối liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện đại đoàn kết phải rộng rãi, lâu dài. Mở rộng, đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết đấu tranh loại trừ nguy cơ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Riêng đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, trước tiên cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, các tôn giáo. Chống kỳ thị chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti mặc cảm

dân tộc, tôn giáo. Chủ động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để vô hiệu hoá sự chống phá của kẻ thù.

Ba là, chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Khi đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, đồng bào sẽ đoàn kết, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ công dân thì không kẻ thù nào có thể lợi dụng vấn đề chia rẽ gây mất đoàn kết.

Bởi vậy, phải đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả các chương trình, dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng dân tộc, vùng tôn giáo tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhanh chóng xoá đói giảm nghèo nâng cao dân trí, sức khoẻ, bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc. Khắc phục sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, các tôn giáo; sự kỳ thị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng đoàn kết các dân tộc các tôn giáo phải bằng các những hành động thiết thực cụ thể như: ưu tiên đầu tư sức lực tiền của giúp đồng bào phát triển sản xuất.

Bốn là, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia vào tuyên truyền, giám sát, đóng góp tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ cả cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên môn kỹ thuật, giáo viên... là người dân tộc thiểu số, người có tôn giáo Bởi đây là đội ngũ cán bộ sở tại có rất nhiều lợi thế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo.

Đôi mới công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù từng dân tộc, từng tôn giáo. Cán bộ công tác vùng dân tộc, tôn giáo phải biết tiếng dân tộc, am hiểu phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào, thực hiện tốt phong cách công tác dân vận: trọng dân, gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân; không quan liêu tham nhũng để bị kẻ thù lợi dụng chống phá.

Năm là, chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng; kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng. Cần thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù gây chia rẽ mất đoàn kết để nhân dân nhận rõ và không bị lừa bịp. Đồng thời, vận động, bảo vệ đồng bào các dân tộc, tôn giáo để đồng bào tự vạch mặt bọn xấu cùng những thủ đoạn xảo trá của chúng. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này. Đây là cách thiết thực nhất để đồng bào các dân tộc, tôn giáo tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa, không nghe theo kẻ xấu xúi giục gây mất đoàn kết giữa các dân tộc tôn giáo.

Kịp thời chủ động giải quyết tốt các điểm nóng liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo. Khi xuất hiện điểm nóng, cần tìm rõ nguyên nhân, biện pháp giải quyết kịp thời, không để lan rộng, không để kẻ thù lấy cớ can thiệp; xử lý nghiêm minh theo pháp luật những kẻ cầm đầu, ngoan cố chống phá cách mạng. Đồng thời, kiên trì thuyết phục vận động những người nhẹ dạ, cả tin nghe theo

kẻ xấu quay về với cộng đồng; đối xử khoan hồng, độ lượng, bình đẳng với những người làm lỗi đã ăn năn hối cải, phục thiện.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc?
2. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo?
2. Nêu những đặc điểm cơ bản của các dân tộc Việt Nam?
3. Trình bày những quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về đề dân tộc, tôn giáo?

Bài QA17: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ AN NINH QUỐC GIA

Mục tiêu:

- Trình bày những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia
- Phân tích được quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ an ninh quốc gia.
- Vận dụng vào thực tiễn để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia.

Nội dung:

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo và an ninh quốc gia

1.1 Khái niệm an ninh quốc gia

An ninh quốc gia luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia, vùng lãnh thổ, bởi lẽ đây là vấn đề tồn vong của chính mỗi quốc gia. Quan niệm về an ninh quốc gia đối với các xã hội khác nhau và ở những giai đoạn lịch sử khác nhau luôn không đồng nhất mà trái lại có thể khác nhau về nội dung và bản chất. Từ chỗ được quan niệm một cách truyền thống gắn với chiến tranh - hoà bình, độc lập chủ quyền quốc gia hoặc sự tồn tại của hệ thống chính trị, gần đây dưới tác động về của quá trình toàn cầu hoá, dần dần khái niệm an ninh quốc gia ngày càng được quan niệm một cách tổng thể hơn, bao quát cả những bình diện mang bản chất phi quân sự.

Trong từ điển bách khoa công an nhân dân năm 2005 thì an ninh quốc gia của một quốc gia là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của quốc gia. Tuy nhiên, khi định nghĩa về an ninh quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật An ninh quốc gia được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03/12/2004 có hiệu lực từ ngày 01/7/2005 quy định: an ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển

bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. An ninh quốc gia bao gồm an ninh trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

- Bảo vệ an ninh quốc gia: tổng hợp các hoạt động nhằm bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của một chế độ xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của một quốc gia. Theo Luật về an ninh quốc gia thì bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh làm thất bại các âm mưu và hoạt động xâm hại an ninh quốc gia, trong Luật này còn quy định hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam. Nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia là những nhân tố bên trong, bên ngoài lãnh thổ Việt nam có khả năng thực tế gây nguy hại cho an ninh quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam. Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo qui định của pháp luật. Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ bảo an ninh quốc gia bao gồm:

- Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

- Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

- Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng với hoạt động đối ngoại.

- Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, bao gồm:

- Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh sát, cảnh vệ CAND.

- Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh Quân đội, tình báo Quân đội nhân dân.

- Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển.

Các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm: Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang.

1.2 Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm:

- Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ: Đó là các hoạt động bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam; giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của tổ chức Đảng, Nhà nước; bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, lưu học sinh và người lao động Việt Nam đang công tác, học tập và lao động ở nước ngoài. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá hệ thống chính trị (cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế), gây chia rẽ mất đoàn kết, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ luôn là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp.

- Bảo vệ an ninh kinh tế: Đó là bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chống các biểu hiện chệch hướng và các hoạt động phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phá hoại nền kinh tế, gây ảnh hưởng tác hại đến lợi ích của quốc gia. Bảo vệ đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh giỏi không để nước ngoài lôi kéo mua chuộc gây tổn thất hoặc làm chuyển hướng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng: An ninh văn hóa, tư tưởng là sự ổn định và phát triển bền vững của văn hóa, tư tưởng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng là bảo vệ sự đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội; bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ. Đấu tranh chống lại sự công kích, bôi nhọ, nói xấu của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, thiếu lành mạnh, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

- Bảo vệ an ninh dân tộc: Đó là bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật của nhà nước; ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc ít người để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến an ninh quốc gia.

- Bảo vệ an ninh tôn giáo: Bảo vệ an ninh tôn giáo là đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đảm bảo tốt đời đẹp đạo, phụng sự Tổ quốc.

- Bảo vệ an ninh biên giới: Biên giới quốc gia là hàng rào pháp lý ngăn cách chủ quyền quốc gia và không gian hợp tác phát triển với các nước mà trước hết là với các nước láng giềng. Vấn đề bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia đang được Đảng, Nhà nước đặt ra như là một nhiệm vụ chiến lược cực kỳ quan trọng. Bảo vệ an ninh biên giới là bảo vệ nền an ninh, trật tự của Tổ quốc ở khu vực biên giới quốc gia, cả trên đất liền và trên biển, chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới từ phía nước ngoài, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng theo tinh thần “giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo”. Chống các thế lực thù địch lợi dụng việc xuất, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam để tiến hành các hoạt động chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Bảo vệ an ninh thông tin: An ninh thông tin là sự an toàn, nhanh chóng, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lý và lưu giữ tin. Bảo vệ an ninh thông tin là một bộ phận quan trọng của công tác bảo vệ an ninh quốc gia nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn tội phạm khác nhằm khai thác, sử dụng hệ thống thông tin liên lạc hoặc tiến hành các hoạt động phá hủy công trình, phương tiện thông tin liên lạc gây thiệt hại cho an ninh quốc gia của nước ta; chông lộ lọt những thông tin bí mật của nhà nước; ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin trái phép, dò tìm mật mã, mật khẩu để đánh cắp thông tin trên mạng...

2. Tình hình an ninh quốc gia

Trong những năm qua, sau khi Liên Xô - Đông Âu tan rã đã có tác động tiêu cực và tạo thuận lợi cho các hoạt động chống phá của các tổ chức, thế lực phản động cả ở trong nước lẫn bọn phản động lưu vong bên ngoài. Chúng cho rằng thời cơ đã đến trong lúc chúng ta gặp rất nhiều khó khăn và chúng đã hy vọng vào một cuộc "lật đổ" ở Việt Nam. Chính vì thế mà hoạt động chống phá của các tổ chức và các thế lực phản động nhằm cản trở công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta cũng có những diễn biến rất phức tạp.

- Các tổ chức phản động ngoài nước

Trước hết là hoạt động của các tổ chức phản động của người Việt Nam ở nước ngoài. Hiện nay có khoảng 200 tổ chức chính trị phản động người Việt lưu

vong tại các nước tư bản núp dưới các danh nghĩa khác nhau bao gồm các tổ chức phản động mang tính chính trị rõ nét, các tổ chức tập hợp bọn nguy quân, nguy quyền, các tổ chức lợi dụng nhân quyền hoặc núp dưới các danh nghĩa “từ thiện”. Các tổ chức phản động này có cơ sở vật chất tương đối khá gồm 50 nhà xuất bản, 500 tờ báo Việt ngữ, 6 chương trình truyền hình, 10 đài phát thanh. Các tổ chức phản động này đều có sự dung túng của chính quyền một số nước tư bản nên có điều kiện về kinh phí, trụ sở để hoạt động. Hiện nay tại các nước như: Mỹ, Pháp, Bỉ, Canada, Oxtây-lia... có các tổ chức phản động lớn như các tổ chức của Võ Văn Ái, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn...

Hầu hết các tổ chức phản động lưu vong này đều kêu gọi các nước cấm vận, trừng phạt Việt Nam bằng mọi thủ đoạn, chúng lợi dụng khó khăn, thiếu sót trong quản lý của ta để thực hiện kế hoạch “chuyên lửa về quê” đưa ra các lời kêu gọi lật đổ và tiếp tay, kích động cho các hoạt động của bọn phản động trong nước.

Mặc dù chúng ta đã làm thất bại các hoạt động đó nhưng vẫn còn nhiều nhóm hoạt động rất ráo riết như các nhóm của Võ Văn Ái, đặc biệt là tổ chức phản động do Hữu Chánh cầm đầu trong những ngày gần đây lại bày trò đại hội lập ra “Chính phủ Việt Nam tự do”, đưa tên "tướng" Nguyễn Khánh lên làm quốc trưởng và ra tuyên bố sẽ về giải phóng Việt Nam.

Cùng với hoạt động của các tổ chức phản động của người Việt lưu vong thì các thế lực thù địch cũng không từ bỏ ý đồ mục đích chống phá cách mạng Việt Nam với nhiều âm mưu, phương thức, thủ đoạn hết sức thâm độc, trong đó nổi bật là hoạt động diễn biến hòa bình với 3 nội dung chủ yếu là: chiếm lĩnh thị trường ngoại giao hữu nghị và khoét sâu mâu thuẫn mà mục đích chính là xóa bỏ Việt Nam, làm thối rữa từ bên trong đi đến thôn tính Việt Nam.

Hoạt động của các tổ chức phản động nội địa như các tổ chức phản động của bọn nguy quân, nguy quyền còn chống đối không chịu cải tạo, cũng như bọn phản động lợi dụng tôn giáo, lợi dụng dân tộc và số cơ hội bất mãn trong những năm qua cũng diễn biến khá phức tạp, nhiều nơi chúng cấu kết với các tổ chức nước ngoài, được các tổ chức nước ngoài cung cấp tài liệu, tiền bạc, vũ khí để tập hợp lực lượng, nhen nhóm tổ chức, tiến hành các vụ gây rối bạo loạn. Một số đối tượng bất mãn viết tin tài liệu nói xấu chống lại Đảng và Nhà nước ta, đòi thay đổi đường lối rồi tán phát qua mạng Internet hoặc phổ biến thông qua các cuộc gặp gỡ với các phóng viên báo chí nước ngoài. Có những đối tượng chống đối điên cuồng, quyết liệt như các tên: Thích Quảng Độ, Nguyễn Văn Lý... Diễn hình gần đây như các đối tượng Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân ở Văn phòng luật sư Thiên Ân, Trần Khải Thanh Thủy...

- An ninh văn hóa tư tưởng

Tình hình an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế trong những năm qua còn nhiều bất cập. Phá hoại tư tưởng là một dạng đặc biệt của chiến tranh lạnh, một hình thức chủ yếu trong cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc chống chủ nghĩa xã hội. Trong những năm qua các hoạt động phá hoại văn hóa tư tưởng được các bọn phản động nhất là bọn phản động bên ngoài tiến hành

thông qua hoạt động của các đài phát thanh, mạng Internet. Hiện tại có nhiều đài phát thanh và chương trình do bạn phản động lưu vong tham gia, trong đó có 5 chương trình, 300 báo được thực hiện ở Mỹ, có 175 tờ báo chống cộng như “Quê mẹ”, “Hoa sen”, “Công luận” hoạt động phá hoại văn hoá tư tưởng được tiến hành theo các chiến dịch, có sự phối hợp giữa các nước đế quốc với bạn phản động và gắn liền với các hoạt động tình báo gián điệp. Tất cả các hoạt động đó đều nhằm vào xuyên tạc, nói xấu, kích động nhằm gây mất ổn định trong nước.

- An ninh thông tin

Trong những năm qua, tình hình lộ bí mật, mất thông tin bí mật về kinh tế đã xảy ra ở nhiều cơ quan, xí nghiệp và đã gây ra nhiều thiệt hại. Các hoạt động nhằm phá hoại về kinh tế được tiến hành cả bề rộng lẫn bề sâu thông qua các hoạt động lấy cắp bí mật kinh tế, tuyên truyền và kéo cán bộ quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật phá hoại cơ sở vật chất. Trong tình hình hiện nay, chúng nhằm vào phá hoại các chủ trương đường lối kinh tế, các công trình trọng điểm của ta.

- An ninh biên giới

Tình hình an ninh biên giới còn nhiều phức tạp, các vụ xâm nhập qua biên giới diễn ra với nhiều hình thức, hoạt động xuất nhập cảnh cũng có nhiều thiếu sót dẫn đến tình trạng nhập cảnh trái phép, nhất là các khu vực giáp biên. Lợi dụng các mối quan hệ của các dân tộc hai bên biên giới, các đối tượng bên ngoài qua lại, móc nối, lôi kéo, chia rẽ các dân tộc, dòng họ trong nước hòng làm suy yếu, tiến tới gây bạo loạn ở những nơi này. Một số nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động cũ còn ở trong nước phần lớn đã cải tà, quy chính và đã nhận thức rõ được chính sách đúng đắn của Nhà nước, nhất là chính sách khoan hồng. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không chịu cải tạo, chúng vẫn ngấm ngầm chống đối dưới nhiều hình thức, tìm mọi cách móc nối với các đối tượng từ ngoài vào để được giúp đỡ.

- An ninh trật tự trong nước

Trong nhiều năm qua xuất hiện nhiều điểm nóng về an ninh trật tự, xuất phát từ những bức xúc, bất bình của nhân dân trước những việc làm sai trái, thiếu sót của cán bộ cơ sở trong việc giải quyết đền bù đất đai... Do làm chưa triệt để, chưa công bằng nên đã để một bộ phận nhân dân bị một số phần tử quá khích kích động dẫn đến manh động làm rối loạn an ninh trật tự ở một số địa phương. Đây chính là những nguyên nhân tiềm ẩn, là mảnh đất tốt mà các thế lực thù địch nhằm vào để kích động, gây ngòi nổ hòng gây mất ổn định trong xã hội ta.

Tóm lại: Tình hình về an ninh quốc gia trong những năm qua nổi lên những vấn đề khá phức tạp và nhạy cảm. Đó chính là những yếu tố có thể gây ra tình hình mất ổn định, ảnh hưởng đến sự an nguy của quốc gia, vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta.

3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia trong thời gian tới

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khoá IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới thì mục tiêu công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân là: Huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong đó lực lượng Công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt, xung kích, tiếp tục xây dựng lực lượng Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc với Đảng và gắn bó mật thiết với nhân dân, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, ngăn chặn các loại tội phạm.

Yêu cầu cơ bản nhất trong thời gian tới là phải tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm chủ đạo nhằm tạo ra một sự chuyển biến thực sự, rõ nét hơn về tổ chức và hoạt động của lực lượng Công an nhân dân, để trong bất cứ tình huống nào cũng phải giữ vững được an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào thực tiễn về ANTT đã và đang diễn ra có đưa ra dự báo sau:

3.1 Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn

Một là, sau cuộc chiến tranh Irắc, các thế lực hiếu chiến tiếp tục thực hiện chiến lược "đánh đòn phủ đầu" lợi dụng đòn tấn công chống lại "chủ nghĩa khủng bố" ra sức lộng hành đe dọa hoà bình chủ quyền của các quốc gia dân tộc.

Hai là, quan hệ giữa các nước lớn tiếp tục đan xen cả hai mặt đấu tranh và thoả hiệp. Một mặt, vì lợi ích của dân tộc, quốc gia và giai cấp mà họ đại diện, họ tìm cách xoa dịu các mâu thuẫn, tìm những điểm tương đồng để hợp tác tránh đối đầu. Mặt khác, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đơn phương, sự lộng hành của các thế lực hiếu chiến sẽ gia tăng.

Ba là, phong trào nhân dân thế giới chống chiến tranh bảo vệ hoà bình, độc lập dân tộc sẽ tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh chống mặt trái của toàn cầu hoá do chủ nghĩa tư bản chi phối sẽ tiếp tục dâng cao. Tuy nhiên, các lực lượng đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội hiện nay vẫn chưa có sức mạnh thống nhất.

Bốn là, xu thế toàn cầu hoá về kinh tế sẽ tiếp tục phát triển. Tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2014, WTO có 160 thành viên, trong thời gian tới sẽ có thêm nhiều nước tham gia. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực vật liệu, công nghệ sinh học và tin học sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn. Tình hình đó sẽ mở ra những cơ hội mới, đồng thời đặt ra nhiều thách thức mới.

Năm là, tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục không ổn định. Cuộc khủng hoảng của các trung tâm kinh tế lớn sẽ tiếp tục trầm trọng thêm gây bất ổn định trên thị trường tài chính. Khoảng cách giữa các nước công nghiệp phát triển và các nước đang phát triển sẽ ngày càng rộng ra. Các cuộc tranh chấp trên biển và tranh chấp về nguồn dầu khí ở Trung Đông và ở Nga sẽ gay gắt hơn.

Tuy vậy, những diễn biến phức tạp đó chưa làm đảo lộn chiều hướng đã diễn ra sau khi chủ nghĩa xã hội bị sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của thời đại.

3.2 Tình hình khu vực Đông Nam Á và trên thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định

- Chủ nghĩa khủng bố vẫn hoạt động ở một số nước gây ra những thảm họa cho nhân dân và chính quyền ở nơi đó; mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo làm bùng nổ những cuộc xung đột ở một số khu vực khá nghiêm trọng.

- Sự tranh chấp giữa các nước lớn ngày càng tăng. Mỹ đã tăng cường hiện diện lực lượng quân sự ở Đông Nam Á. Bằng những hiệp định song phương và đa phương về hợp tác chống khủng bố, Mỹ can thiệp sâu hơn vào khu vực, kích động li khai, đồng thời lôi kéo Đông Nam Á vào quỹ đạo của mình, kiềm chế các nước lớn khác trong khu vực. Một số nước lớn khác đã và đang tăng cường phát huy ảnh hưởng của mình bằng các quan hệ kinh tế, quân sự.

- An ninh ở Campuchia và Lào có khả năng phức tạp hơn. Các thế lực bên ngoài sẽ can thiệp sâu hơn, đẩy mạnh chiến lược "Diễn biến hoà bình", đe dọa an ninh và ổn định khu vực. Tuy nhiên, chúng không thể làm thay đổi chiều hướng phát triển của Lào và Campuchia vì hoà bình, độc lập, hợp tác và phát triển.

- Tình hình biển đông ngày càng có nhiều diễn biến phức tạp đe dọa đến an ninh khu vực.

- Trước tình hình đó sự gắn kết trong ASEAN và vị trí của Hiệp hội trên trường quốc tế sẽ gặp nhiều thách thức nhưng ASEAN tiếp tục là nhân tố quan trọng đối với hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Cơ chế AFTA của 10 nước ASEAN sẽ được thực hiện triệt để. Các cơ chế hợp tác ASEM (hợp tác Á - Âu), cơ chế thương mại tự do với Trung Quốc đang mở rộng sự tác động trên một quy mô rộng lớn và hiệu quả hơn trước.

3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia ở Việt Nam trong những năm tới

- Thuận lợi

+ Tiềm lực và vị thế quốc tế của nước ta được tăng cường. Sau hơn 30 năm đổi mới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thành tựu hết sức to lớn. Tăng trưởng kinh tế liên tục trong nhiều năm đạt trên 7%, được xếp vào loại cao của thế giới. Đời sống vật chất được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 1960 USD/người (Báo của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại diễn đàn Đối tác phát triển Việt Nam (VDPF) 05/12/2013). Nếu tính theo sức mua của đồng tiền thì con số đó lớn hơn nhiều lần. Chỉ số phát triển con người (HDI) đã vươn lên thứ 110/192 quốc gia. Do chính sách ngoại giao cởi mở, trên cơ sở độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, chủ động hội nhập, phương châm "là bạn, là đối tác tin cậy của các nước", chúng ta đã đặt quan hệ ngoại giao với 167 nước và quan hệ thương mại với trên 192 quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ

thu hút đầu tư từ nước ngoài trên 40 tỷ USD. Vị thế quốc tế của Việt Nam được tăng cường.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam có bản lĩnh chính trị vững vàng, dày dặn kinh nghiệm; đường lối đổi mới của Đảng đã được kiểm chứng qua thực tiễn là đúng đắn, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

+ Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào Đảng và chế độ; ngày càng thể hiện bản lĩnh năng động, sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Lực lượng vũ trang cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, nhân dân, vươn lên làm tròn nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Với những thuận lợi trên, chúng ta hoàn toàn có khả năng giữ vững hoà bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN.

- Khó khăn

+ Thách thức lớn nhất đối với an ninh trật tự ở nước ta là các mối đe dọa (các nguy cơ): tụt hậu xa hơn về kinh tế đối so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chệch hướng XHCN; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; "Diễn biến hoà bình".

+ Những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, các vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nếu không được kịp thời khắc phục có hiệu quả sẽ là nguy cơ tiềm ẩn đối với an ninh trật tự của nước ta.

+ Hoạt động "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch sẽ gia tăng. Các thế lực phản động tiếp tục sử dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào nội bộ nước ta.

+ Các hành động xâm hại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta vẫn sẽ tiếp diễn.

4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia

4.1 Đối tác

Trong tình hình hiện nay, cần có cách nhìn nhận mới và thống nhất về vấn đề đối tác và đối tượng đấu tranh theo nguyên tắc:

- Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta.

- Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng cần phải đấu tranh.

- Mặt khác, trong tình hình diễn biến mau lẹ và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn nhận biện chứng: trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên cơ sở đó, cần khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lý các tình huống cụ thể.

Trong hoạt động thực tiễn, chúng ta phải thường xuyên đấu tranh với các cơ quan tình báo nước ngoài hoạt động phương hại đến an ninh quốc gia của nước ta; các trung tâm thông tin chống phá Việt Nam; các tổ chức và bọn phản động người Việt lưu vong; các loại phản động ở trong nước và bọn tội phạm hình sự nguy hiểm. Để xác định đúng các đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự cần dựa vào các căn cứ sau:

- Căn cứ vào nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh của cách mạng trong từng giai đoạn.

- Căn cứ vào nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

- Căn cứ vào thực tế hoạt động của các loại đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội từ trước đến nay ở nước ta.

4.2 Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia

Có nhiều loại đối tượng cụ thể các loại sau:

- Gián điệp:

Gián điệp là người Việt Nam hay người nước ngoài, hoạt động cá nhân hay có tổ chức, chịu sự chỉ huy của nước ngoài để tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tình báo, gây cơ sở bí mật và phá hoại

- Phản động:

Phản động là những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ XHCN, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài.

Trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với những loại sau:

+ Các tổ chức và cá nhân phản động trong số người Việt Nam ở nước ngoài đang có những hoạt động chống Việt Nam.

+ Bọn phản động lợi dụng tôn giáo.

+ Bọn phản động lợi dụng dân tộc ít người, nhất là bọn có sự câu kết của các lực lượng phản động bên ngoài.

+ Bọn phản động trong nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động cũ không chịu cải tạo.

+ Bọn có tư tưởng, quan điểm sai trái, những phần tử trong nội bộ bất mãn thoái hóa biến chất trở thành phản động, chống Đảng, chống CNXH; số cơ hội chính trị.

5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia

5.1 Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, Công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia

- Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong đó có công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Chỉ có Đảng lãnh đạo mới có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, của toàn xã hội, bảo đảm thắng lợi trọn vẹn và triệt để trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Đảng lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt thể hiện: Đảng đề ra đường lối chính sách và phương pháp đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội một cách đúng đắn, đồng thời lãnh đạo chặt chẽ bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối chính sách đó.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của nhân dân, là nghĩa vụ đồng thời cũng là lợi ích thiết thân của nhân dân. An ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội có được bảo vệ tốt hay không thì vấn đề rất quan trọng là do sự giác ngộ của nhân dân về quyền làm chủ của mình trên lĩnh vực đó. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân thực chất đó là cuộc vận động phong trào cách mạng của quần chúng nhằm xây dựng thế trận an ninh, trật tự nhân dân từ cơ sở. Nhân dân có điều kiện và khả năng để thực hiện quyền làm chủ đó.

Nội dung phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động thể hiện:

Quán triệt sâu sắc và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ thể lệ nội quy về bảo vệ an ninh trật tự. Đấu tranh kiên quyết với các thế lực thù địch, bọn phản cách mạng và bọn phạm tội khác, với mọi hành vi vi phạm pháp luật và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội; kiên quyết giữ vững an ninh trật tự ở mọi nơi mọi lúc. Tự giác tham gia các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tích cực giúp đỡ các cơ quan chuyên trách nhất là lực lượng Công an nhân dân, các lực lượng bảo vệ ở địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tự giác tổ chức, tham gia xây dựng và quản lý cuộc sống mới văn minh trật tự, yên vui lành mạnh ở địa phương, đơn vị công tác, sản xuất, chiến đấu.

- Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia

Trong chế độ XHCN, Nhà nước là công cụ sắc bén để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình trên mọi lĩnh vực, trong đó có công tác bảo

vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nhà nước có mạnh (hiệu lực) thì quyền làm chủ của nhân dân mới được đảm bảo vững chắc.

Nội dung tăng cường hiệu lực quản của Nhà nước:

Phát huy mạnh mẽ tác dụng của pháp chế XHCN làm cho nó trở thành vũ khí sắc bén để xây dựng và quản lý nền trật tự xã hội XHCN. Phải thường xuyên quan tâm xây dựng các cơ quan chuyên trách trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Phát huy vai trò tác dụng của HĐND và UBND các cấp trong việc ban hành và đôn đốc tổ chức thực hiện những quy định về công tác bảo vệ ở địa phương. Phối kết hợp chức năng quản lý của các cơ quan Nhà nước vào việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

- Công an là lực lượng nòng cốt

Lực lượng Công an là chỗ dựa trực tiếp và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Lực lượng Công an phải tập trung giải quyết những khâu cơ bản nhất; tổ chức hướng dẫn các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Qua thực tiễn tiến hành cuộc đấu tranh, lực lượng Công an phải làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về những vấn đề có liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoạt động của xã hội. Do đó để đảm bảo thắng lợi hoàn toàn và triệt để trong cuộc đấu tranh, lực lượng Công an phải biết kết hợp tính tích cực cách mạng của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn. Sự kết hợp đó thể hiện: Quần chúng phát hiện cung cấp tình hình, cơ quan chuyên môn thu thập ý kiến đó. Những ý kiến đó phải được tổng hợp, kết hợp với nghiệp vụ chuyên môn của các ngành để tìm ra bản chất của vấn đề và biện pháp xử lý. Phải coi trọng cả hai mặt đó, không được coi nhẹ mặt nào.

5.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là truyền thống của dân tộc ta trong quá trình dựng nước và giữ nước. Đảng, Nhà nước ta đã kế thừa và phát huy truyền thống đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Sự ổn định và phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội là nền tảng vững chắc của an ninh trật tự và ngược lại an ninh trật tự vững chắc mới có điều kiện ổn định phát triển đất nước về mọi mặt. Cần nhận thức an ninh trật tự được giữ vững củng cố và phát triển là dựa trên nền tảng kinh tế, xã hội ổn định và phát triển. Hiện nay kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và quốc phòng là một yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Sự kết hợp giữa quốc phòng với an ninh, an ninh với quốc phòng có nội dung rất rộng, hình thức và cơ chế kết hợp cũng rất phong phú và đa dạng. Một trong những nội dung quan trọng của việc kết hợp giữa an ninh với quốc phòng là kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng thể trận an ninh nhân dân với thể trận quốc phòng toàn dân.

5.3 Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

An ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là hai thành phần cấu thành trật tự xã hội. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả của cách mạng XHCN, tạo ra một trong những điều kiện cơ bản nhất để xây dựng sự vững mạnh về mọi mặt trong xã hội. An ninh quốc gia được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện cơ bản thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự an toàn xã hội. Trật tự, an toàn xã hội được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc, hiệu lực quản lý của Nhà nước được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm vững chắc, cuộc sống của mọi người được yên vui, hạnh phúc.

6. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia

6.1 Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2014:

Điều 44. Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.

Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

Điều 45.

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.
2. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Điều 46. Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

- Luật Thanh niên của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong bảo vệ Tổ quốc

“1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của thanh niên.

2. Được huấn luyện chương trình giáo dục quốc phòng; thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia các lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn bí mật quốc gia, xung kích đấu tranh chống mọi hành vi xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội”.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong quản lý nhà nước và xã hội

“1. Nâng cao ý thức công dân, chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2. Được ứng cử, đề cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị với cơ quan, tổ chức về những vấn đề mà mình quan tâm; tham gia góp ý xây dựng các chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và các chính sách, pháp luật khác.

3. Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

- Luật an ninh quốc gia năm 2004

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia

+ Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

+ Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

+ Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi gần nhất.

+ Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

+ Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia

+ Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia có thành tích thì được khen thưởng, bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tuyên truyền, giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia

+ Giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia là một nội dung giáo dục quốc dân. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia vào chương trình dạy học trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với ngành học, cấp học.

- Bộ luật hình sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21/12/1999.

6.2 Trách nhiệm của học sinh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia

Học sinh trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá cần phải nhận thức đúng vai trò trách nhiệm của mình và tham gia trực tiếp vào việc bảo vệ an ninh quốc gia, cụ thể là:

- Nhận thức đúng cuộc đấu tranh để bảo vệ an ninh quốc gia, là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài. Nhất là trong điều kiện hiện nay, khi các thế lực thù địch và các phần tử chống đối Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang ra sức tiến hành các hoạt động diễn biến hoà bình bằng mọi thủ đoạn. Trong đó, chúng triệt để chú ý địa bàn là các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; lợi dụng lừa phỉnh học sinh, những người rất năng động, sáng tạo nhưng chưa có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống là địa bàn và đối tượng để thực hiện diễn biến hoà bình. Do vậy, người học sinh cần phải cảnh giác, rất tích cực trong đấu tranh với những hành động sai trái, với các phần tử thoái hoá biến chất trong các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước nhưng không để các thế lực thù địch, các phần tử chống đối lợi dụng mình để thực hiện diễn biến hoà bình nhằm làm suy yếu, tiến tới xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xoá bỏ chế độ XHCN ở nước ta.

- Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia:

+ Phát hiện những tổ chức, người có hành vi tuyên truyền lôi kéo học sinh tham gia các hoạt động trái quy định của pháp luật nhằm chống lại Đảng, Nhà nước để báo cho lãnh đạo của trường, chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật biết, có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước.

+ Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học, ký túc xá, khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia.

+ Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị khoa học kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn có liên quan để có thể cống hiến cao nhất những khả năng của mình góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Chăm chỉ rèn luyện sức khỏe để tăng cường thể lực, luyện tập quân sự theo chương trình giáo dục quốc phòng để góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc

- Hướng nghiệp tham gia các lực lượng vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, như tham gia lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng

Kết luận:

Với truyền thống của mình, bằng sự năng động sáng tạo của học sinh dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, của lãnh đạo các nhà trường các tổ chức đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức của học sinh, sinh viên chắc chắn học sinh, sinh viên trong các trường đại học cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chúng ta sẽ đóng góp, cống hiến những khả năng cao nhất của mình cùng toàn Đảng, toàn dân và các cơ quan chuyên trách bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan điểm: “Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, làm nòng cốt”. ý nghĩa thực tiễn rút ra đối với bản thân?

2. Tại sao xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội phải đi đôi với bảo vệ an ninh quốc gia?

3. Em hãy phân tích nội dung công tác bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay?

4. Trách nhiệm của học sinh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay như thế nào?

Bài QA18: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ (Tiểu đội, trung đội)

Mục tiêu:

- Trình bày được thứ tự, nội dung cách thực hành các động tác của từng người trong đội ngũ đơn vị.

- Thực hiện được động tác đội ngũ đơn vị làm cơ sở vận dụng trong học tập quân sự và các hoạt động khác của nhà trường.

- Chấp hành tốt kỷ luật nơi luyện tập.

Nội dung:

1. Đội hình tiểu đội

1.1 Đội hình tiểu đội một hàng ngang

- Ý nghĩa:

Đội hình tiểu đội một hàng ngang thường dùng trong học tập, hạ đạt mệnh lệnh, khi sinh hoạt, kiểm tra, kiểm điểm, khám súng, giá súng. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

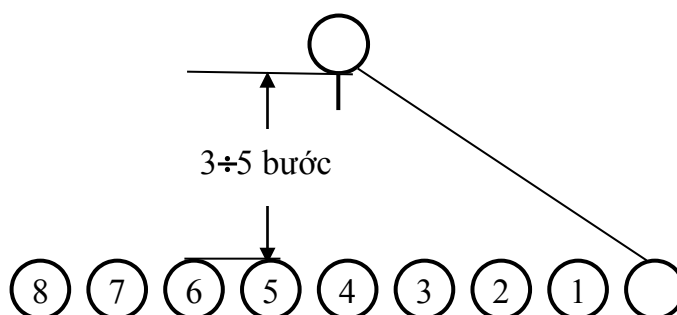
+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội, thành một hàng ngang... TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Tiểu đội, thành một hàng ngang*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

+ Động tác: Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập hợp, rồi quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh: “*Tiểu đội*” (nếu có các tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình).

Ví dụ: “*Tiểu đội 1*”. Nếu không có tiểu đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô: “*Tiểu đội*”, khi nghe hô “*Tiểu đội*”, toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh.

Khi toàn tiểu đội đã sẵn sàng chờ lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Thành một hàng ngang... TẬP HỢP*”, rồi quay về phía hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

Nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*” toàn tiểu đội nhanh chóng, im lặng chạy vào tập hợp, đứng về phía bên trái của tiểu đội trưởng thành một hàng ngang, giãn cách 70cm (tính từ giữa gót chân của hai người đứng bên cạnh nhau) hoặc cách nhau 20cm (tính khoảng cách hai cánh tay của hai người đứng cạnh nhau).



Hình 1: Đội hình tiểu đội một hàng ngang

Khi đã có từ 2÷3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước chính giữa đội hình cách 3÷5 bước, quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người, khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động gióng hàng đứng giãn cách sau đó đứng nghỉ (xem hình 1).

- Điềm số:

+ Khẩu lệnh: “ĐIỀM SỐ” không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐIỀM SỐ”, các chiến sỹ theo thứ tự từ bên phải sang trái lần lượt điềm số từ một cho đến hết tiểu đội. Khi điềm số của mình, phải kết hợp quay mặt sang trái 45°, khi điềm số xong phải quay mặt trở lại; người đứng cuối cùng không phải quay mặt, sau khi điềm số của mình xong thì hô “HẾT”.

Từng người, trước khi điềm số của mình phải đứng nghiêm, nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới điềm số của mình, điềm số xong phải về tư thế đứng nghỉ. Điềm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

- Chinh đôn hàng ngũ:

Trước khi chinh đôn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái)* - THẰNG”, có dự lệnh và động lệnh, “*Nhìn bên phải (trái)* là dự lệnh; “THẰNG” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “THẰNG”, trừ chiến sỹ làm chuẩn (người đứng đầu bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, còn các chiến sỹ khác phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xô dịch lên, xuống để gióng hàng và giữ gián cách.

Khi gióng hàng ngang, từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của người đứng thứ tư về bên phải (trái) của mình (đối với chiến sỹ nữ nhìn ve cổ áo).

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “THÔI”. Nghe dứt động lệnh “THÔI”, tất cả tiểu đội đều quay mặt trở lại, đứng nghiêm, không xô dịch vị trí đứng.

Tiểu đội trưởng kiểm tra gián cách giữa các chiến sỹ, sau đó quay nửa bên trái (phải) đi đều về phía người làm chuẩn cách 2÷3 bước, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Nếu thấy gót chân và ngực của các chiến sỹ nằm trên một đường thẳng là hàng ngang đã thẳng.

Nếu chiến sỹ nào đứng chưa thẳng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh: “*Đông chí X hoặc số X Lên hoặc xuống*”, chiến sỹ nghe gọi tên hoặc số của mình phải quay mặt nhìn về hướng tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi các chiến sỹ đã đứng thẳng hàng tiểu đội trưởng hô “ĐƯỢC”, các chiến sỹ quay mặt trở về hướng cũ.

Thứ tự sửa cho người đứng gần, người làm chuẩn trước, tiểu đội trưởng có thể qua phải (trái) một bước để kiểm tra hàng.

Cũng có thể sửa cho 2÷3 chiến sỹ cùng một lúc. Ví dụ: “Từ số 3 đến số 7, lên hoặc xuống”, các chiến sỹ trong số được gọi làm động tác như khi sửa từng người.

Chinh đôn xong tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy.

Nếu lấy chiến sĩ đứng ở giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đôn thì: Tiểu đội trưởng phải dùng khẩu lệnh để chỉ định người làm chuẩn: “*Đồng chí X hoặc số X làm chuẩn*”, chiến sĩ X nghe gọi, đứng nghiêm trả lời “*Có*” và giơ tay trái lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Nhìn giữa. THĂNG*”, các chiến sĩ đứng hai bên lấy người làm chuẩn để gióng hàng. Chiến sĩ làm chuẩn sau khi nghe dứt động lệnh “*THĂNG*”, khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống vẫn đứng nghiêm. Khi chỉnh đôn hàng, tiểu đội trưởng có thể về bên phải (trái) để chỉnh đôn hàng ngũ.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ làm như khi nhìn bên phải (trái) để chỉnh đôn hàng ngang.

- Giải tán:

+ Khẩu lệnh: “*GIẢI TÁN*”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*GIẢI TÁN*”, mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra, nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi tản ra.

1.2 Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

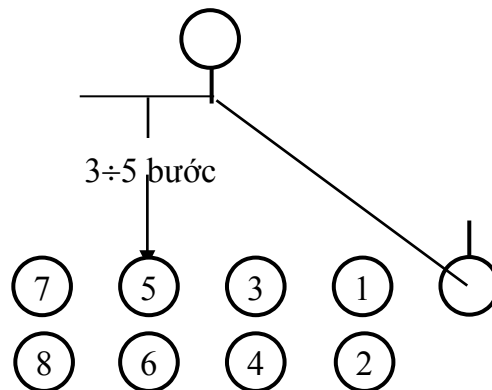
- Ý nghĩa và các bước thực hiện cơ bản giống đội hình tiểu đội một hàng ngang. Những điểm khác:

+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội, thành 2 hàng ngang- TẬP HỢP*”.

+ Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên (số 1, 3, 5, 7), các số chẵn đứng hàng dưới (số 2, 4, 6, 8,). Cự ly giữa hàng trên và hàng dưới làm 1m (hình 2).

+ Đội hình hai hàng ngang không có điểm số.

+ Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng hàng thứ hai vừa phải gióng hàng ngang và dùng ánh mắt gióng hàng dọc để đứng đúng cự ly và giãn cách.



Hình 2: Tiểu đội hai hàng ngang

1.3 Đội hình tiểu đội một hàng dọc

- Ý nghĩa:

Đội hình tiểu đội một hàng dọc thường dùng trong hành tiến, trong đội hình tập hợp cả trung đội, đại đội khi tập trung sinh hoạt học tập.

Đội hình tiểu đội một hàng dọc thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

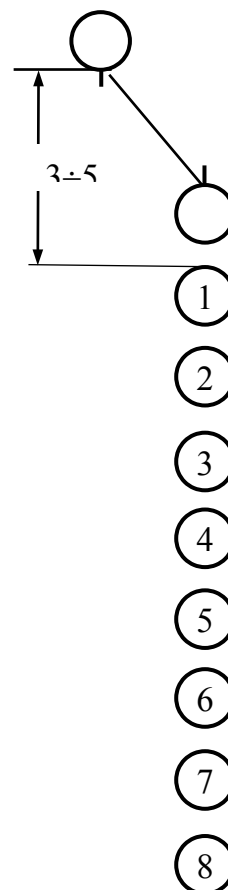
Khẩu lệnh: “*Tiểu đội, thành một hàng dọc- TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Tiểu đội, thành một hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

Động tác của tiểu đội trưởng giống như ở đội hình một hàng ngang.

Khi nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*”, toàn tiểu đội im lặng nhanh chóng chạy vào tập hợp, đứng sau tiểu đội trưởng thành một hàng dọc, cự ly giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m (tính từ hai gót chân của hai người).

Khi đã có từ 2÷3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước đội hình, chệch về bên trái cách đội hình 3÷5 bước, quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người, khi đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động dóng hàng đứng đúng cự ly, sau đó đứng nghỉ. (Hình 3).



Hình 3. *Đội hình tiểu đội một hàng dọc*

- Điểm số:

+ Khẩu lệnh: “*ĐIỂM SỐ*”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Giống như ở phần tiểu đội một hàng ngang, chỉ khác: Khi quay mặt phải quay hết cỡ sang bên trái và điểm số từ trên xuống dưới.

- Chỉnh đốn hàng ngũ:

Trước khi chỉnh đốn, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

Khẩu lệnh: “*Nhìn trước THẰNG*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “*THẰNG*” là động lệnh.

Khi nghe dứt động lệnh “*THẰNG*”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, còn các chiến sĩ khác dóng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người đứng thứ hai trước mình), tự xê dịch sang phải, trái để thẳng hàng dọc và xê dịch lên, xuống để đúng cự ly.

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “*thôi*”, toàn tiểu đội đứng nghiêm. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái đi đều về trước, chính giữa đội

hình các đội hình từ 2÷3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng là đầu (mũ), cạnh vai của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng.

Nếu chiến sĩ nào chưa đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh gọi tên (hoặc số) để sửa: “*Qua phải*”, “*Qua trái*”. Chiến sĩ (số) được gọi tên làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “**ĐƯỢC**”, lần lượt sửa từ trên xuống dưới, cũng có thể sửa cho 2÷3 chiến sĩ cùng một lúc. Sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy ở bên trái phía trước đội hình.

- Giải tán:

Khẩu lệnh, động tác giống như ở đội hình một hàng ngang.

1.4 **Đội hình tiểu đội hai hàng dọc**

- Ý nghĩa và các bước thực hiện cơ bản giống như tiểu đội một hàng dọc.

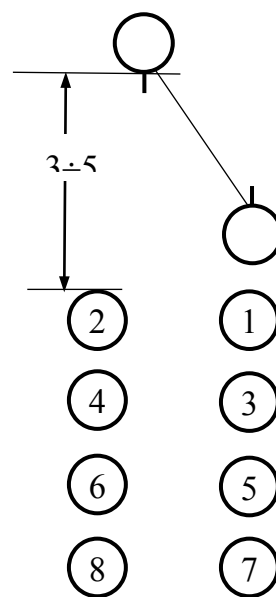
Những điểm khác:

+ Khẩu lệnh: “*Tiểu đội, thành hai hàng dọc*
– **TẬP HỢP**”.

+ Các chiến sĩ số lẻ đứng thành một hàng dọc ở bên phải, các chiến sĩ số chẵn đứng thành một hàng dọc ở bên trái. (Hình 4).

+ Đội hình hai hàng dọc không điểm số.

+ Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng bên trái (hàng số chẵn) vừa gióng hàng dọc, vừa dùng ánh mắt để gióng hàng ngang.



Hình 4: Tiểu đội hai hàng dọc

- Những điểm chú ý:

- Trước khi tập hợp, người chỉ huy phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình, thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và hướng của đội hình. Khi tập hợp nên tránh hướng gió, hướng mặt trời chiếu thẳng vào mắt chiến sĩ, (nếu không ảnh hưởng đến việc xem tập, xem động tác mẫu).

- Phải xác định được đội hình, vị trí tập hợp, hướng đội hình rồi đứng tại vị trí tập hợp hô khẩu lệnh tập hợp, sau đó làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp. Nếu vị trí tập hợp xa nơi tiểu đội trưởng đứng (quá 20m) thì tiểu đội trưởng phải đôn đốc, nhắc nhở tiểu đội về vị trí tập hợp. Tiểu đội trưởng không được hô dứt động lệnh “**TẬP HỢP**”, rồi mới chạy đến vị trí tập hợp tiểu đội (dù chỉ 3÷ 4m).

- Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, chuẩn xác, mẫu mực. Khi sửa cho chiến sĩ phải dùng khẩu lệnh để chỉ huy, không sờ vào người.

- Từng người khi đã vào tập hợp phải trật tự, động tác giống hàng đứng cự ly, giãn cách, tập trung nghe lệnh của tiểu đội trưởng.

2. Đội hình trung đội

2.1 Đội hình trung đội một hàng ngang

- Ý nghĩa:

Đội hình trung đội một hàng ngang thường dùng trong huấn luyện, nói chuyện, điểm danh, kiểm tra, điểm nghiệm, khám súng, giá súng, đặt súng...

Đội hình trung đội một hàng ngang thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

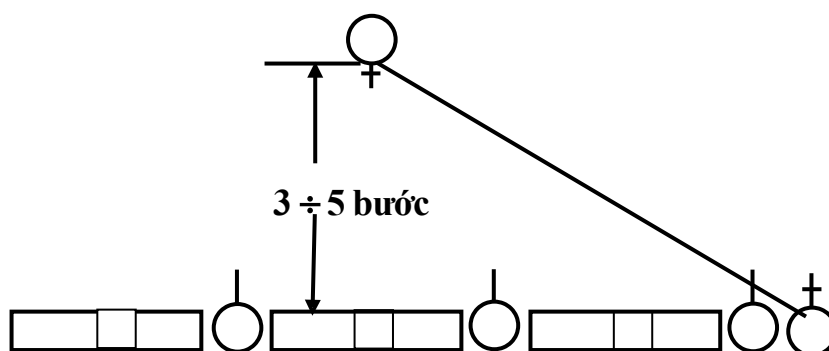
+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành một hàng ngang - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành một hàng ngang*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

+ Động tác: Cơ bản giống như phân tiểu đội hàng ngang.

Khi nghe dứt động lệnh, toàn trung đội im lặng chạy vào tập hợp đứng về phía bên trái của trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành một hàng ngang) trung đội thành một hàng ngang.

Khi tiểu đội đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chính giữa đội hình cách 5÷8 bước quay vào đội hình đôn đốc trung đội tập hợp.

Từng người vào vị trí phải nhanh chóng tự động giống hàng ngang, đứng giãn cách, sau đó đứng nghỉ (hình 5).



Hình 5: Đội hình trung đội một hàng ngang

Nếu trung đội ở nơi không có các phân đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô khẩu lệnh: “*Trung đội thành 1 hàng ngang- TẬP HỢP*”, không phải hô phiên hiệu đơn vị.

Nếu trung đội đang vui chơi, trung đội trước khi hô khẩu lệnh tập hợp, phải thổi còi (nếu có) hoặc phát tín hiệu để mọi người ngừng hoạt động, chú ý nghe khẩu lệnh.

- Điểm số:

+ Điểm số theo từng tiểu đội để đổi hình, đổi hướng:

Khẩu lệnh: “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”, không có dự lệnh.

Nghe dứt động lệnh, từng tiểu đội điểm số theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Các tiểu đội trưởng không điểm số. Người đứng cuối cùng của tiểu đội điểm số xong thì hô “HẾT”, không phải quay mặt.

+ Điểm số toàn trung đội để nắm quân số.

Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ”, không có dự lệnh.

Động tác: Khi nghe dứt động lệnh, toàn trung đội điểm số, các tiểu đội trưởng cũng điểm số. Lần lượt điểm số theo thứ tự và nối tiếp nhau từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3. Người đứng cuối cùng của tiểu đội 3 điểm số xong thì hô: “HẾT”, không phải quay mặt.

Động tác điểm số của từng người giống như điểm số đội hình tiểu đội.

- Chinh đồn hàng ngũ:

Trước khi chinh đồn, trung đội trưởng phải hô cho toàn trung đội đứng nghiêm.

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như chinh đồn hàng ngũ của phân tiểu đội 1 hàng ngang.

Chỉ khác: Khi trung đội trưởng quay nửa bên trái (phải) chạy đều về phía bên phải (trái) người làm chuẩn để chinh đồn đội hình, cách người làm chuẩn $3\div 5$ bước, quay vào đội hình để chinh đồn hàng ngũ.

- Giải tán:

Khẩu lệnh, động tác giống như giải tán ở đội hình tiểu đội một hàng ngang.

2.2 *Đội hình trung đội hai hàng ngang*

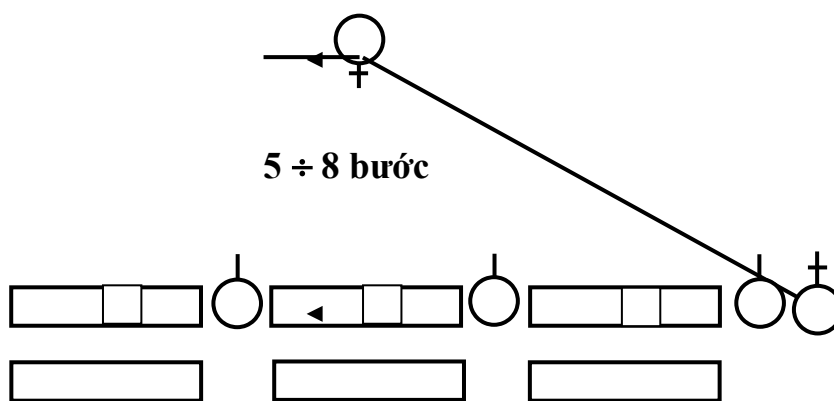
- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở tiểu đội hai hàng ngang cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành hai hàng ngang- TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn trung đội im lặng chạy vào tập hợp đứng bên trái của trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành hai hàng ngang, số lẻ đứng trên, số chẵn đứng dưới) toàn trung đội thành hai hàng ngang.

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra đứng ở phía trước chính giữa đội hình cách 5÷ 8 bước quay vào đội hình dôn đốc trung đội tập hợp (xem hình 6).



Hình 6: *Đội hình trung đội hai hàng ngang*

- Chính đôn hàng ngũ:

Khẩu lệnh và động tác của trung đội trưởng, động tác của chiến sĩ trong trung đội giống như chính đôn hàng ngũ của đội hình trung đội một hàng ngang.

Chỉ khác: Cả hai hàng đều phải quay mặt và dóng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng dưới vừa giống hàng ngang vừa phải dùng ánh mắt để giống hàng dọc. Người làm chuẩn đứng ở đầu (hoặc cuối) của từng hàng nhìn thẳng.

Trung đội trưởng kiểm tra hàng trên trước, sau đó mới kiểm tra hàng dưới.

- Giải tán: Như ở đội hình tiểu đội hàng ngang.

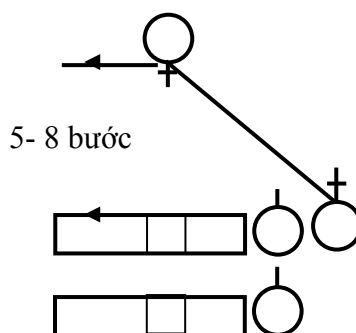
2.3 *Đội hình trung đội ba hàng ngang*

- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội hai hàng ngang cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành ba hàng ngang- TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn trung đội vào vị trí tập hợp theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng bên trái trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng sau tiểu đội 2 (mỗi tiểu đội thành một hàng ngang, trung đội thành ba hàng ngang, vị trí chỉ huy của trung đội trưởng và các động tác giống như phân tập hợp trung đội hai hàng ngang (xem hình 7)).



Hình 7: Trung đội ba hàng ngang

- Điềm số:

+ Khẩu lệnh: “ĐIỀM SỐ”, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐIỀM SỐ”, chỉ có tiểu đội 1 điềm số (giống như phần tiểu đội một hàng ngang điềm số), tiểu đội trưởng không điềm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điềm số mà lấy số của tiểu đội 1 mà tính số của mình.

Nếu tiểu đội 2 và tiểu đội 3 thừa hoặc thiếu quân số so với quân số đã điềm của tiểu đội 1, thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 và tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết, khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong đứng nghỉ.

Ví dụ: Tiểu đội 1 có 7 người.

Tiểu đội 2 có 8 người.

Tiểu đội 3 có 6 người.

Khi báo cáo, người đứng cuối hàng tiểu đội 2 báo: “Tiểu đội 2 thừa một”. Người đứng cuối hàng tiểu đội 3 báo: “Tiểu đội 3 thiếu một”.

- Chinh đồn hàng ngũ:

Trước khi chinh đồn hàng ngũ, trung đội trưởng phải hô cho trung đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái)*- THĂNG”, có dự lệnh và động lệnh. *Nhìn bên phải (trái)* là dự lệnh, “THĂNG” là động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “THĂNG”, cả ba hàng đều phải quay mặt hết cỡ về bên làm chuẩn để gióng hàng, ba người làm chuẩn của 3 hàng nhìn thẳng và giữ đúng cự ly.

Hàng thứ hai và ba phải dùng ánh mắt để giữ hàng dọc.

Các động tác khác thực hiện như phần chinh đồn hàng ngũ ở đội hình trung đội một hàng ngang.

- Giải tán:

Như ở đội hình trung đội một hàng ngang.

2.4 *Đội hình trung đội một hàng dọc*

- Ý nghĩa:

Đội hình một hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển ở ngoài bãi tập được nhanh chóng, thuận tiện. Đội hình một hàng dọc thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành một hàng dọc - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành một hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

Hô khẩu lệnh xong, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*”, toàn trung đội nhanh chóng im lặng vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng 1m theo thứ tự: Tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc) nối tiếp nhau thành trung đội một hàng dọc (cự ly mỗi người cách nhau 1m).

Khi thấy tiểu đội 1 đã vào vị trí, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra phía trước chéo về bên trái đội hình, cách 5÷8 bước, quay vào đội hình để đôn đốc các tiểu đội tập hợp.

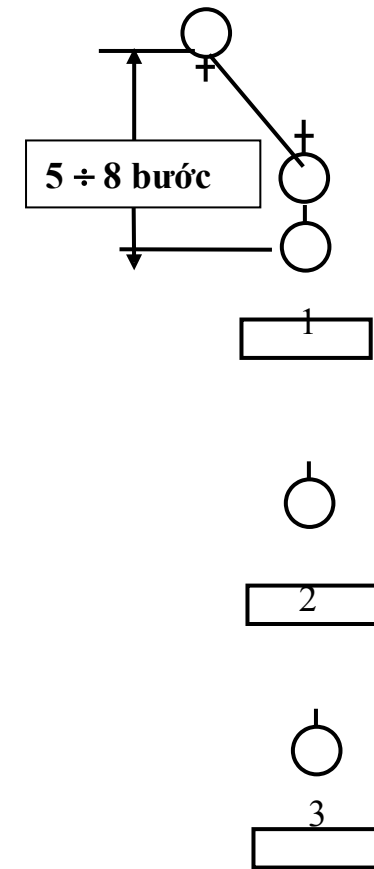
Từng người đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động gióng hàng ngang, đứng giãn cách, sau đó đứng nghiêm.

Nếu trung đội ở một nơi không có các phân đội khác ở bên cạnh, thì chỉ hô khẩu lệnh: “*Trung đội một hàng dọc- TẬP HỢP*”, không phải hô phiên hiệu đơn vị. Nếu trung đội đang vui chơi, trung đội trưởng trước khi hô khẩu lệnh tập hợp, phải thổi còi (nếu có) hoặc phát tín hiệu để mọi người ngừng hoạt động, chú ý nghe khẩu lệnh. (xem hình 8)

- Điểm số: (có hai cách điểm số)

Giống như điểm số ở đội hình trung đội một hàng ngang.

Nếu nghe thấy khẩu lệnh: “*TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ*”, thì theo thứ tự tiểu đội 1, 2, 3 điểm số, tiểu đội trưởng không điểm số.



Nếu nghe khẩu lệnh: “*ĐIỂM SỐ*”, thì toàn trung đội điểm số từ một đến hết, các tiểu đội trưởng cũng phải điểm số. Động tác điểm số của từng người như phần điểm số ở đội hình tiểu đội.

- Chính đôn hàng ngũ:

Trước khi điểm số, hô

Hình 8: Trung đội một hàng dọc

cho trung đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn trước THĂNG*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “*THĂNG*” là động lệnh.

+ Động tác: Giống như ở phần tiểu đội một hàng dọc, chỉ khác: Trung đội trưởng đi về phía đầu đội hình, cách người đứng đầu 3÷5 bước để kiểm tra hàng.

- Giải tán: Thực hiện như ở đội hình hàng ngang.

2.5 *Đội hình trung đội hai hàng dọc*

* Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội hai hàng dọc cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp:

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành hai hàng dọc - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành hai hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

Hô khẩu lệnh xong, trung đội trưởng quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn.

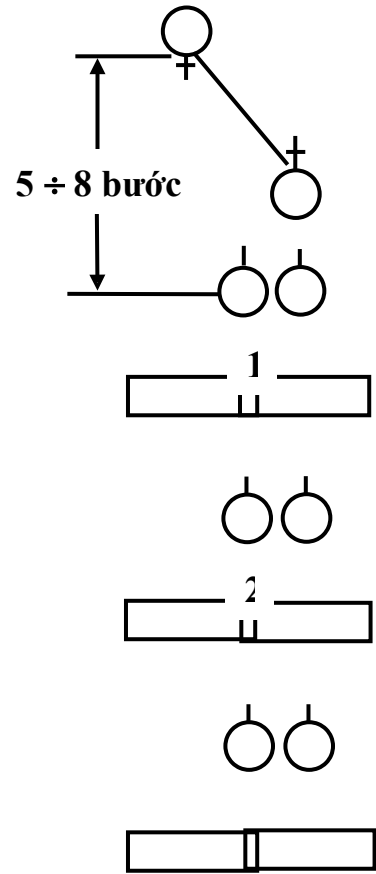
+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*”, toàn trung đội nhanh chóng, im lặng vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng sau trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng sau tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành 2 hàng dọc, số lẻ đứng bên phải, số chẵn đứng bên trái, thành trung đội hai hàng dọc.

- Chính đồn hàng ngũ: Cơ bản giống như đội hình tiểu đội hai hàng dọc.

Chỉ khác: Khi nghe dứt động lệnh: “*THĂNG*”, các tiểu đội trưởng qua trái 1/2 bước để đứng trước chính giữa đội hình tiểu đội của mình. Tất cả nhìn thẳng để giống hàng dọc và dùng ánh mắt để giống hàng ngang (hình 9).

Khoảng cách của trung đội trưởng đến tiểu đội 1 khi kiểm tra hàng là 3÷5 bước.

- Giải tán: Thực hiện như ở đội hình trung đội hàng ngang.



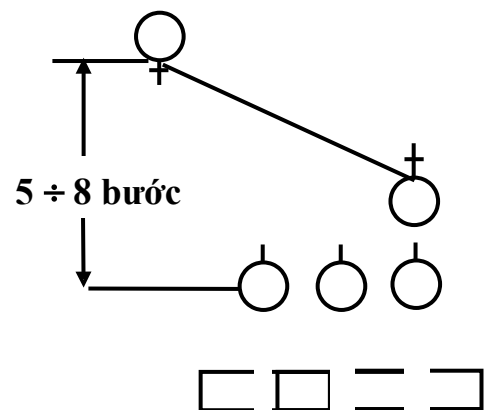
Hình 9: Trung đội hai hàng dọc

2.6 *Đội hình trung đội ba hàng dọc*

- Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội một hàng dọc cấu thành. Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp

+ Khẩu lệnh: “*Trung đội, thành ba hàng dọc - TẬP HỢP*”, có dự lệnh và động lệnh. “*Trung đội, thành ba hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.



Hình 10: Trung đội ba hàng dọc

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “*TẬP HỢP*”, toàn trung đội nhanh chóng, im lặng vào vị trí tập hợp, đứng sau trung đội trưởng theo thứ tự: Tiểu đội 1 đứng sau

trung đội trưởng, tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành một hàng dọc, trung đội thành ba hàng dọc (xem hình 10).

- Điềm số:

Khẩu lệnh, động tác giống như điềm số của trung đội ba hàng ngang. Chỉ khác là điềm số theo đội hình hàng dọc.

- Chinh đốn hàng ngũ:

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như chinh đốn hàng ngũ ở đội hình trung đội hàng dọc (các tiểu đội trưởng không điềm số).

- Giải tán: Thực hiện như đội hình trung đội một hàng dọc.

3. Đối hướng đội hình

Ý nghĩa: Dùng để đối hướng đội hình cho phù hợp với nhiệm vụ và địa hình cụ thể, đồng thời rèn luyện ý thức hiệp đồng động tác trong đội hình.

a) *Đối hướng đội hình khi đứng tại chỗ*

* *Đối hướng đội hình về phía bên phải bằng cách quay bên phải:*

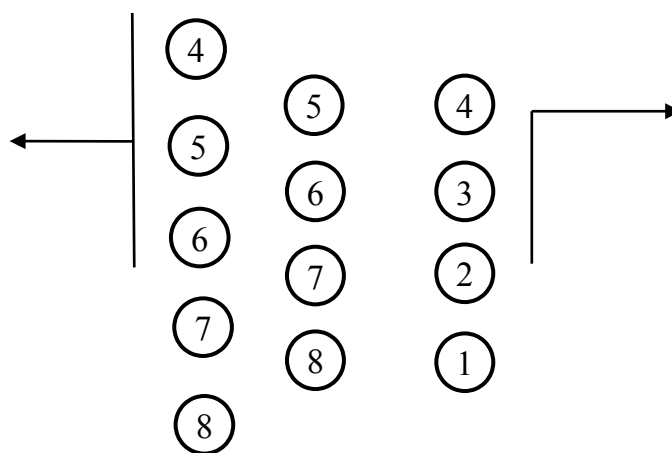
- Khẩu lệnh: “*Bên phải...QUAY*”, có dự lệnh và động lệnh.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “**QUAY**”, từng người trong đội hình đều thực hiện động tác quay bên phải.

* *Đối hướng đội hình về phía bên trái bằng cách quay bên trái:*

- Khẩu lệnh: “*Bên trái...QUAY*”, có dự lệnh và động lệnh.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “**QUAY**”, từng người trong đội hình đều thực hiện động tác quay bên trái. đội hình lúc này đổi sang hướng mới nhưng không thể giữ được đội hình hàng dọc (ngang) như trước khi đổi (xem hình 11).

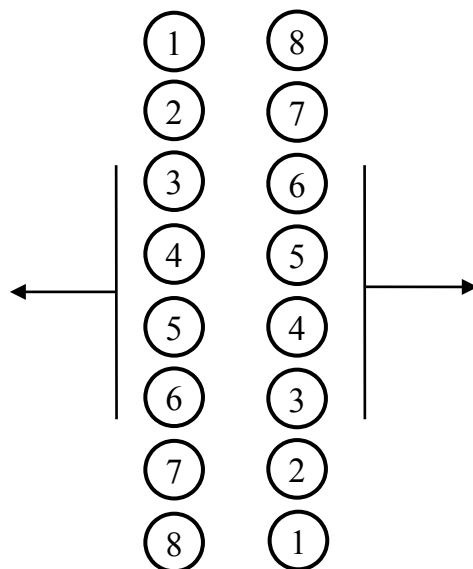


Hình 11: Đối hướng đội hình về bên phải (trái)

* *Đổi hướng đội hình về đằng sau bằng cách quay đằng sau:*

- Khẩu lệnh: “*Đằng sau...QUAY*”, có dự lệnh và động lệnh.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “**QUAY**”, từng người trong đội hình đều thực hiện động tác quay đằng sau. đội hình lúc này đổi sang hướng mới nhưng không thể giữ được đội hình hàng dọc (ngang) như trước khi đổi nhưng ngược số thứ tự (xem hình 12)



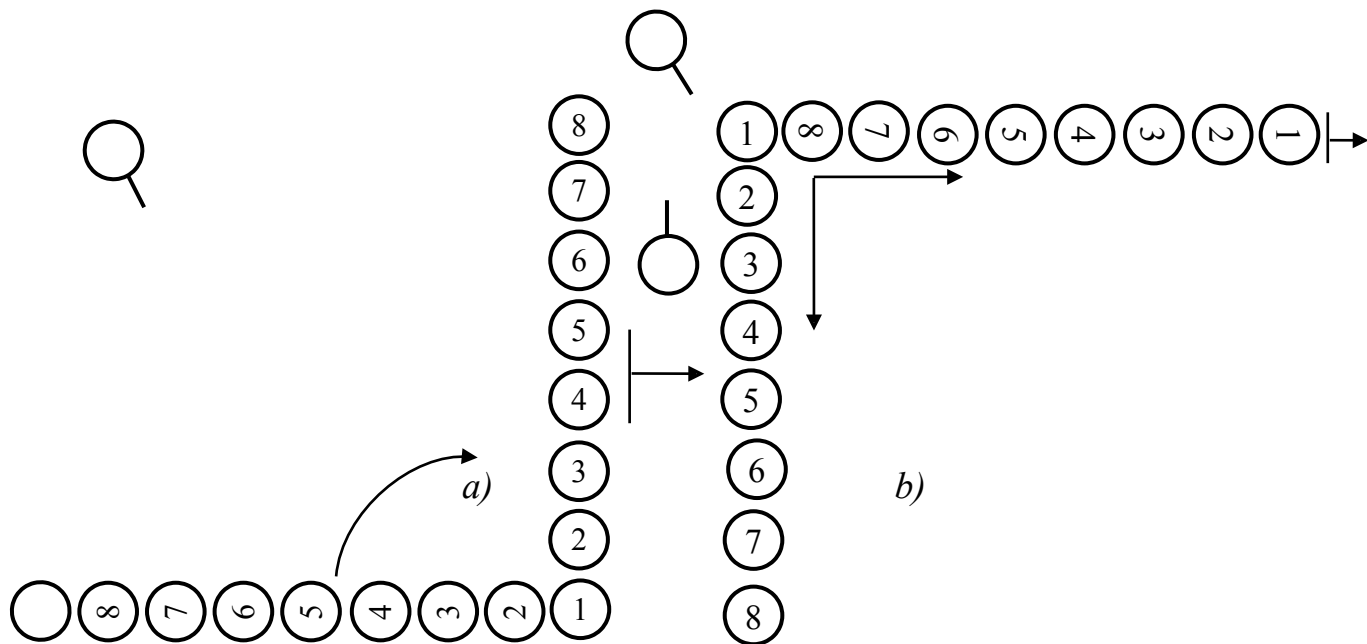
Hình 12: Đổi hướng đội hình về đằng sau

b) *Đổi hướng đội hình trong khi đi*

- Động tác vòng bên phải:

+ Khẩu lệnh: “*Vòng bên phải...BUỐC*”, có dự lệnh và động lệnh, động lệnh rơi vào chân phải.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “**BUỐC**”, người đầu hàng bên phải làm động tác giậm chân xoay dần sang bên phải rồi đi tiếp, các số ở bên trái lấy người bên phải làm chuẩn vừa đi vừa chuyển hướng sang bên phải giữ hàng ngang thẳng, các hàng sau đi đều đến vị trí hàng trước thì làm động tác như hàng trước đổi hướng sang bên phải (xem hình 13).

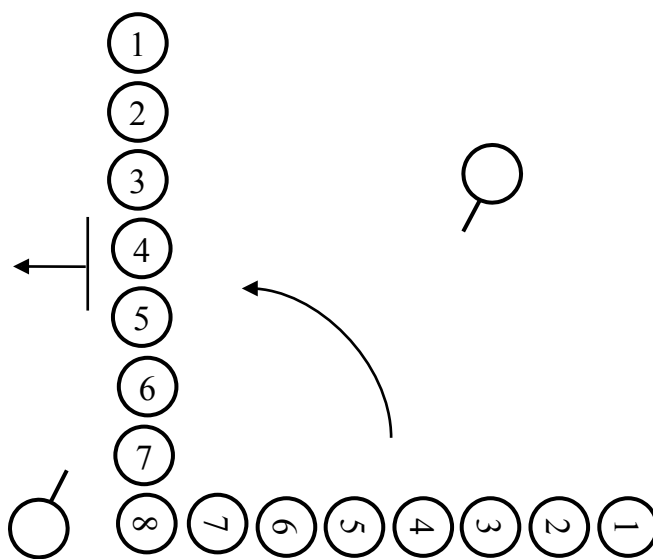


Hình 13: Đổi hướng khi đi - Vòng bên phải

- Động tác vòng bên trái:

+ Khẩu lệnh: “Vòng bên trái...BUỐC”, có dự lệnh và động lệnh, động lệnh rơi vào chân trái.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “BUỐC”, người đầu hàng bên trái làm động tác giậm chân xoay dần sang bên trái rồi đi tiếp, các số ở bên phải lấy người bên trái làm chuẩn vừa đi vừa chuyển hướng sang bên trái giữ hàng ngang thẳng, các hàng sau đi đều đến vị trí hàng trước thì làm động tác như hàng trước đổi hướng sang bên trái (xem hình 14).



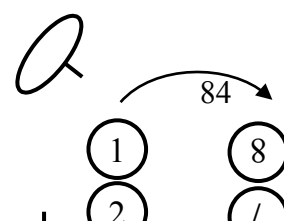
- Động tác vòng đằng sau:

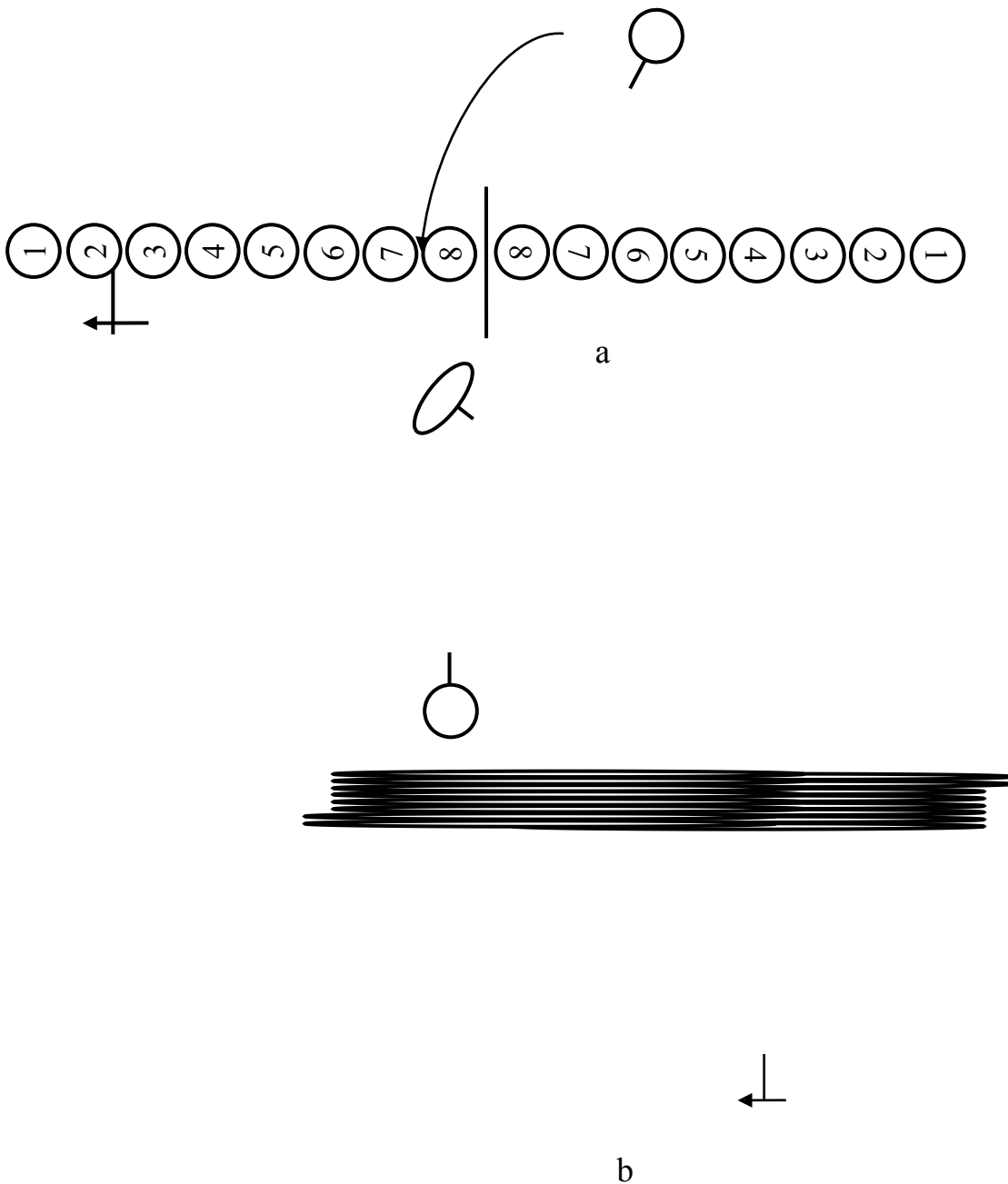
+ Khẩu lệnh: “Vòng bên phải (trái) vòng đằng sau”

Hình 14: Đi vòng bên trái

sau...BUỐC”, có dự lệnh và động lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh “BUỐC”, toàn đội hình làm động tác vòng giống như động tác vòng bên phải bên (trái). Chỉ khác người làm trụ phối hợp với trong hàng xoay dần sang hướng mới 180° (xem hình 15).





Hình 15: Đi vòng đằng sau

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình tiểu đội hàng ngang.
2. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình tiểu đội hàng dọc.
3. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình trung đội hàng ngang.
4. Ý nghĩa, thứ tự nội dung các bước tập hợp đội hình trung đội hàng dọc.
5. Ý nghĩa, nội dung các bước đội hình khi đứng tại chỗ và khi đang đi đều.

**Bài QA19: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK
SÚNG TRƯỜNG CKC**

Mục tiêu:

- Trình bày được lý thuyết bắn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả bắn;
- Vận dụng để ngắm bắn, ngắm chụm và trúng; bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK, tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK;
- Đảm bảo an toàn trong tập luyện.

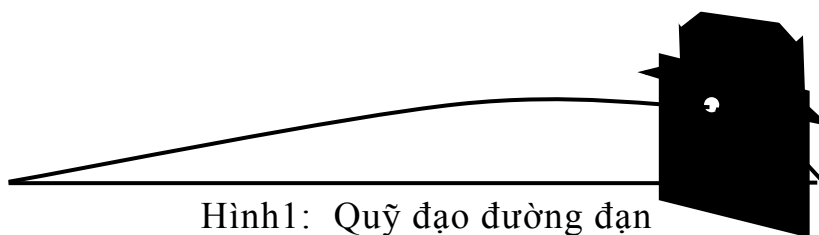
Nội dung:

1. Ngắm bắn

1.1 Khái niệm về ngắm bắn

- Tại sao phải ngắm bắn

Trong bắn súng, muốn bắn trúng mục tiêu phải ngắm bắn. Khi bắn đầu đạn vận động trong nòng súng ra ngoài không khí, ngay lập tức đầu đạn chịu tác động của không khí và lực hút trái đất, tạo thành đường cong không cân đối, nên người bắn phải xác định góc bắn, để cho quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu..

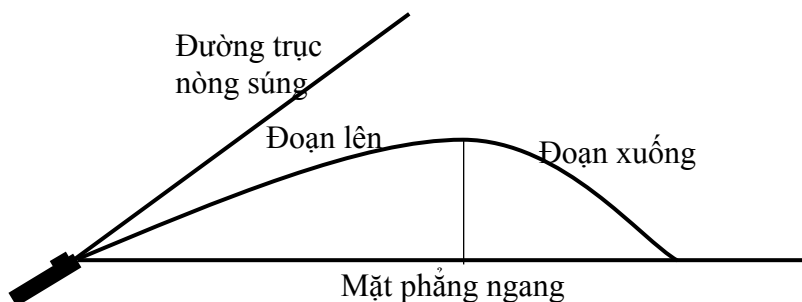


Hình1: Quỹ đạo đường đạn

Đối với súng tiểu liên AK ở cự ly 50m đầu đạn dần dần tách ra khỏi đường phóng, đồng thời chuyển động theo quán tính.

Vì vậy để đạn trúng một điểm trên mục tiêu, không thể đưa thẳng nòng súng vào điểm định bắn mà phải hướng nòng súng chệch lên trên 1 góc nhất định (góc bắn) để điểm chạm (điểm rơi) của đầu đạn trúng vào điểm định bắn trúng.

Nếu gọi đường đạn là đường do trọng tâm đầu đạn vạch ra trong không gian, có thể hình dung đường đạn là một đường cong không cân đối, đoạn đi lên (V_{max}) bao giờ cũng dài hơn đoạn đường đạn đi xuống (hình 2)



Hình 2: Đường đạn trong không gian

Để lấy hướng bắn và góc bắn nhanh chóng, chính xác người ta làm sẵn bộ phận ngắm trên súng. Sau khi người bắn ước lượng cự ly bắn, lấy thước ngắm tương ứng, dùng bộ phận ngắm ngắm vào mục tiêu, khi lấy được đường ngắm chính xác thực hiện bóp cò. Làm như vậy gọi là ngắm và bắn.

Vậy: Ngắm là đóng súng vào mục tiêu, lấy góc bắn và hướng bắn để đưa quỹ đạo đường đạn vào điểm định bắn.

1.2 Thứ tự thực hành ngắm

- Lấy thước ngắm

Người bắn căn cứ vào cự ly từ người bắn đến mục tiêu là bao nhiêu mét, thực hiện động tác lấy thước ngắm (lấy thước ngắm về tâm).

Ví dụ: Cự ly 300m, lấy thước ngắm 3.

Thực chất của bước này là tạo góc tương ứng giữa đường ngắm và trục nòng súng, tạo cho súng một góc bắn về tâm khi bắn.

- Lấy đường ngắm cơ bản

Lấy đường ngắm cơ bản thực chất là tạo cho súng một góc bắn về tâm và về hướng

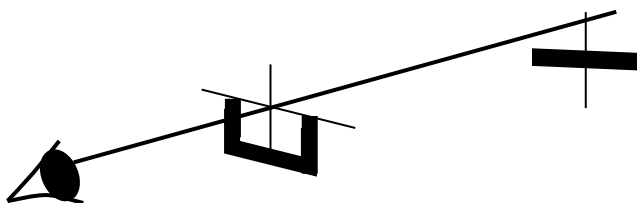
Nội dung lấy đường ngắm cơ bản là giống một đường thẳng từ mắt người ngắm qua khe thước ngắm đến đỉnh đầu ngắm, sao cho đỉnh đầu ngắm ở chính giữa và ngang bằng với 2 mép trên của thành khe ngắm (hoặc tâm lỗ ngắm) với điều kiện mặt súng không bị nghiêng

Việc lấy đường ngắm cơ bản có ý nghĩa quyết định đến tính chính xác của đường ngắm, hay độ chính xác của góc bắn về tâm và về hướng đối với mục tiêu (hình 3a, 3b)

+ Đường ngắm cơ bản

Với thước ngắm cơ khí:

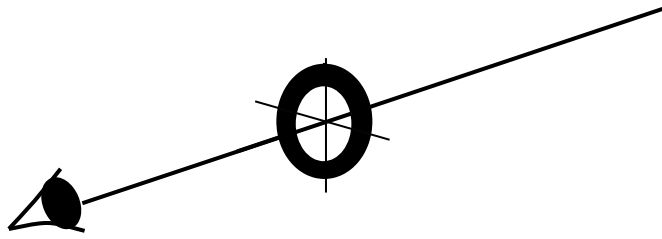
Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt ngắm qua chính giữa mép trên khe ngắm (tâm lỗ ngắm) đến chính giữa đỉnh đầu ngắm.



Hình 3a: Đường ngắm cơ bản với thước ngắm cơ khí

Với kính ngắm quang học:

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt qua tâm kính nhìn tới giao điểm của vạch khắc tâm và vạch khắc hướng đã xác định với điều kiện kính phải sáng tròn đều.



Hình 3b: Đường ngắm cơ bản với kính ngắm quang học

- Lấy đường ngắm đúng

Trong chiến đấu không phải lúc nào mục tiêu cũng ở cự li chắn tương ứng cự li ghi trên thước ngắm, ngoài ra đầu đạn còn chịu ảnh hưởng của gió, mật độ không khí, nhiệt độ môi trường...

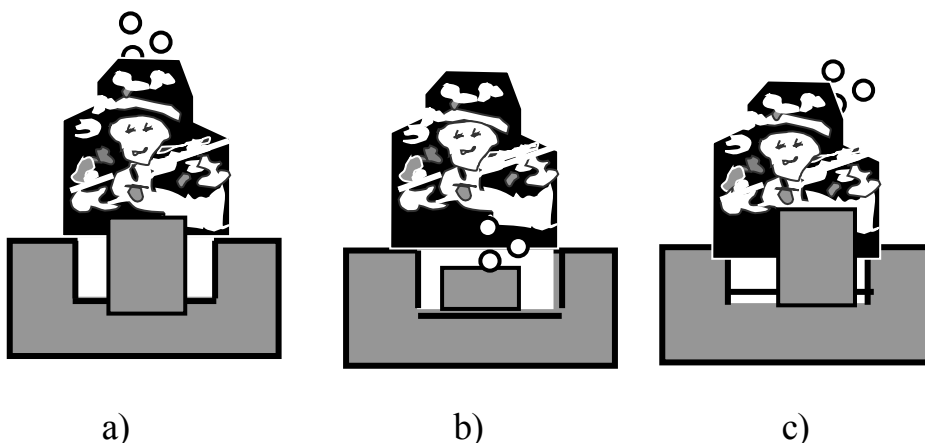
Lấy đường ngắm đúng là đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu

Việc lấy đường ngắm là một quá trình phối hợp liên tục giữa lấy đường ngắm cơ bản và đưa đường ngắm cơ bản vào điểm định ngắm trên mục tiêu, phải được duy trì trong suốt quá trình bắn (bắn phát một hoặc trong một loạt bắn liên thanh). Do đặc điểm mắt ngắm chỉ nhìn rõ được 2 điểm còn một điểm trên mục tiêu thường bị mờ.

1.3 ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn

- Lấy sai đường ngắm cơ bản

Lấy sai đường ngắm cơ bản là sai góc bắn về tầm và hướng bắn đối với mục tiêu nghĩa là: Lấy thước ngắm không đúng, đỉnh đầu ngắm không ở chính giữa và ngang bằng với 2 mép trên của thành khe ngắm (Hình 4)



Hình 4: Đường ngắm cơ bản sai

- a. Đầu ngắm cao hơn khe ngắm ; b. Đầu ngắm thấp hơn khe ngắm;
- c. đầu ngắm cao hơn khe ngắm và lệch sang phải

Nếu đầu ngắm cao hơn khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu cao hơn so với điểm định bắn trúng (Hình 4a). Nếu đầu ngắm thấp hơn khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu thấp hơn so với điểm định bắn trúng (Hình 4b). Nếu đầu ngắm cao hơn khe ngắm và lệch sang phải thì điểm chạm trên mục tiêu cao và lệch sang bên phải so với điểm định bắn trúng (Hình 4c).

Bảng chỉ số sai lệch của đạn ở một số cự li của súng trường, tiểu liên có cùng mức sai lệch về đường ngắm cơ bản.

- Mặt súng nghiêng

Mặt súng nghiêng là hiện tượng mép trên thành khe ngắm không song song với mặt phẳng ngang. Khi bắn mặt súng nghiêng về bên nào thì đạn lệch về bên đó và thấp xuống.

- Lấy sai điểm ngắm

Khi bắn ngắm sai điểm ngắm bao nhiêu đạn sai lệch bấy nhiêu

Ví dụ: Khi người ngắm, ngắm sai so với điểm ngắm 5cm thì điểm chạm sai là 5cm so với điểm định bắn trúng.

Vì vậy trong quá trình ngắm mặc dù súng có rung động nhỏ, nếu người bắn lấy đường ngắm cơ bản đúng, đường ngắm đúng chuẩn xác, khi người bắn thực hành bóp cò kết thúc phát bắn đạn vẫn trúng mục tiêu.

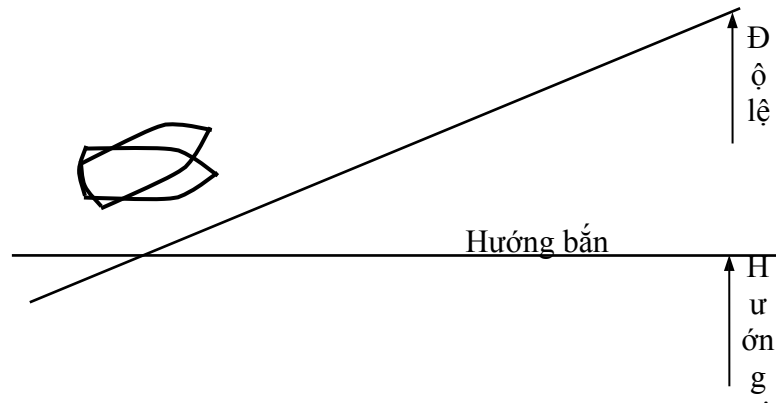
- Ảnh hưởng của gió

Ảnh hưởng của gió dọc theo hướng bắn: Nếu gió xuôi theo hướng bắn làm cho đầu đạn bay cao và xa hơn, nếu hướng gió ngược chiều với hướng bắn làm cho đầu đạn thấp xuống đạn gần hơn so với điểm định bắn trúng; nhưng đối với đạn súng bộ binh thông thường có sơ tốc lớn: (AKM :715m/s; RPĐ: 739m/s; súng đại liên PKMS: 825m/s) nếu bắn trong tầm bắn thẳng, ảnh hưởng gió dọc là không đáng kể.

Ảnh hưởng của gió ngang sẽ làm đạn lệch theo hướng theo chiều xuôi hướng gió; gió thổi từ phải sang trái làm đạn lệch sang trái và ngược lại (hình 5), nếu đạn có sơ tốc lớn ảnh hưởng của đầu đạn đến kết quả bắn là không đáng kể.

Ví dụ: Khi bắn súng AK; CKC; RPĐ khi gió thổi ngang so với hướng bắn (70° ? 90°), cự li 200m, tốc độ gió 2m/s mức sai lệch là 6cm; tốc độ gió 3m/s mức sai lệch là 10cm; tốc độ gió 4m/s mức độ sai lệch là 14cm.

Qua ví dụ trên ta có thể rút ra kết luận, khi bắn ở cự ly trong tầm bắn thẳng của các loại súng bộ binh có sơ tốc đầu đạn lớn, ảnh hưởng của đầu đạn là không đáng kể, nếu người bắn làm đúng động tác bắn, đảm bảo đạn vẫn trúng và chụm.



Hình 5: Ảnh hưởng của gió đối với đầu đạn khi bay trong không khí

2. Ngắm chụm và trúng

2.1 Ý nghĩa ngắm chụm và trúng

- Giúp cho người tập biết được mức độ chính xác đường ngắm của người tập khi thực hiện động tác ngắm bắn, biết độ trúng và độ chụm, điểm ngắm sang phải hay sang trái, cao hay thấp... trong quá trình luyện tập để rèn luyện sửa đường ngắm cho người tập có kết quả tập tốt nhất.

- Giúp cho người chỉ huy (cán bộ) biết được mức độ tập của từng người để chỉ đạo giúp đỡ trong quá trình tập bắn

2.2 Tập ngắm chụm

- Vật chất tập ngắm chụm gồm: Súng CKC, AK; bệ ngắm; bao cát; bảng ngắm chụm có dán giấy trắng; đồng tiền di động (dụng cụ báo bia); bút chì đen vót nhọn.

- Thứ tự tập

+ Người phục vụ: Cắm bảng ngắm chụm có dán giấy trắng ở cự li 10m (cự li được tính từ tâm bệ đặt súng đến vị trí cắm bảng ngắm); làm xong ngồi sang phải hoặc trái, quay mặt vào bia phục vụ cho người tập ngắm, tay phải cầm đồng tiền di động, 3 ngón tay (ngón tay cái, ngón trỏ và ngón giữa) cầm cán đồng tiền, ngón đeo nhẫn và ngón út tì lên thành hoặc kẹp phía sau bảng ngắm để tránh sự rung động; đầu tiên đặt đồng tiền áp sát vào mặt bia ở một vị trí nhất định trên bảng ngắm chụm.

+ Người tập: Làm động tác nằm chuẩn bị bắn, đặt súng trên bệ. (Trước khi đặt súng, tháo hộp tiếp đạn đặt sang một bên cạnh bệ ngắm), người ngắm thực hành điều chỉnh súng thẳng hướng bia và bắt đầu ngắm; khi ngắm, một tay chống vào cầm đỡ cho đầu khỏi rung động, một tay điều chỉnh súng đưa đường ngắm cơ bản vào chính giữa mép dưới vòng đen của đồng tiền (chú ý không được tỳ súng vào vai và điều chỉnh để ngắm); khi đã ngắm được người ngắm hô “được” và không đụng tay vào súng và hô tiếp “chấm”.

+ Người phục vụ: Giữ đồng tiền ở nguyên vị trí, dùng bút chì vót nhọn chấm thẳng vuông góc lỗ chính giữa tâm bia đồng tiền đen vào bảng bia có dán

giấy trắng, sau khi chấm xong đưa bia đồng tiền ra chỗ khác, cách điểm vừa chấm từ 2cm - 4cm.

+ Người tập: Súng để nguyên vị trí (không động vào súng), 2 tay chống vào má để đầu khỏi rung, tiếp tục ngắm và điều khiển người phục vụ đưa đồng tiền về vị trí ngắm lần đầu; cách điều khiển có thể dùng ký hiệu hoặc lời nói; khi vòng tròn đen của đồng tiền đã vào đúng đường ngắm (điểm ngắm trước); hô “chấm”; cứ như vậy tiếp tục ngắm tiếp lần 3;

Chú ý: (Trong quá trình ngắm không xô dịch người). Ngắm từ lần thứ 2 trở đi nếu động vào súng người tập phải ngắm lại từ đầu.

+ Người phục vụ: Sau mỗi lần đánh dấu bằng chì “chấm” xong đưa đồng tiền ra khỏi vị trí đánh dấu “chấm” như lần đầu.

Sau khi người tập đã ngắm xong 3 lần, người phục vụ dùng bút chì khoanh 3 điểm vừa chấm, đánh số lần ngắm, dùng 3 lỗ trên đồng tiền kiểm tra độ chụm của người tập để đánh giá kết quả tập như sau:

Loại giỏi: 3 điểm ngắm được chấm, lọt vào lỗ có đường kính 2mm

Loại khá: 3 điểm ngắm được chấm, lọt vào lỗ có đường kính 5mm

Loại đạt: 3 điểm ngắm được chấm, lọt vào lỗ có đường kính 10mm

2.3 Ngắm chụm và trúng

Giống như ngắm chụm chì khác: Trước khi người tập vào ngắm, giảng viên hoặc cán bộ hoặc người ngắm giỏi lấy đường ngắm đầu tiên làm chuẩn (có thể dùng tập thể 3 - 4 người ngắm giỏi kiểm tra chính xác); ngắm xong đánh dấu lại, coi đó là điểm kiểm tra. Súng để nguyên trên bệ tập; sau đó gọi từng người vào tập ngắm đủ 03 lần, ngắm xong ngoài việc bình độ chụm còn bình về độ trúng so với điểm kiểm tra. Cách bình thành tích ngắm trúng như sau:

- Tìm điểm ngắm trung bình của 3 điểm vừa ngắm

- So sánh điểm ngắm trung bình với điểm kiểm tra

Loại giỏi: Cách điểm kiểm tra 5cm trở lại

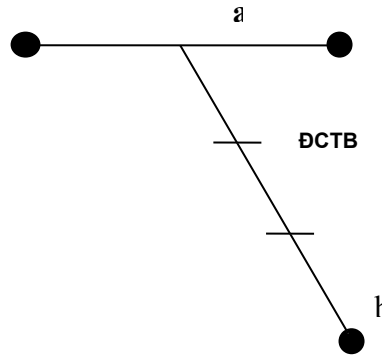
Loại khá: Cách điểm kiểm tra 10cm trở lại

Loại giỏi: Cách điểm kiểm tra 15cm trở lại

Ngắm chụm và ngắm trúng cần nâng dần từ dễ đến khó, lúc đầu không hạn chế thời gian, sau khi đã ngắm được giảng viên hoặc cán bộ phải hạn chế thời gian đối với người tập để rèn cho người tập ngắm nhanh và chính xác.

Cách tìm điểm ngắm trung bình của 03 điểm vừa ngắm như sau:

Nối 2 điểm chạm gần nhất với nhau, được đoạn thẳng a, chia đoạn thẳng a thành 2 phần bằng nhau, nối điểm giữa đoạn thẳng a với điểm chạm thứ 3 được đoạn thẳng b, chia đoạn thẳng b thành 3 phần bằng nhau, điểm chia đoạn thẳng b gần điểm nối với đoạn thẳng a là điểm chạm trung bình của 3 điểm chạm, viết tắt là: (ĐCTB).



3. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK (cho động tác nằm bắn)

3.1 Động tác nằm bắn không tỳ

- Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu khi điều kiện địa hình không cho phép người bắn không thể vận dụng các tư thế quỳ, đứng bắn. Theo lệnh của người chỉ huy, người bắn phải thực hiện động tác nằm bắn để tiêu diệt mục tiêu...

- Động tác nằm bắn không tỳ

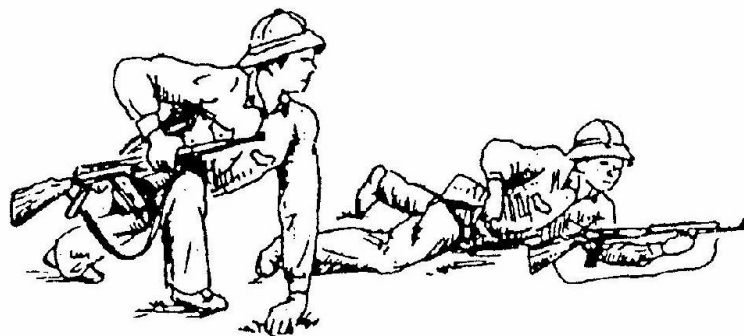
Động tác chuẩn bị bắn

+ Khẩu lệnh: "Mục tiêu.....nằm chuẩn bị bắn!".

+ Động tác: Người bắn tay phải xách súng lên ngang thắt lưng, nòng súng chéch lên trên về trước hợp với thân người một góc 45° .

Cử động 1: Chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải.

Cử động 2: Chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20 cm, mũi bàn tay hướng chéch về bên phải phía sau, thứ tự đặt cánh tay, khuỷu tay trái, đùi trái xuống đất.



Hình 7: Nằm chuẩn bị bắn

Cử động 3: Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái ngửa đỡ lấy thân súng khoảng dưới thước ngắm, duỗi chân phải về sau, người nằm úp xuống đất, hai bàn chân mở rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng sang hai bên. Người nằm chệch so với hướng bắn một góc khoảng 30° .

Động tác lắp đạn: Tay phải rời ốp lót tay, dùng ngón cái tay phải đẩy lấy giữ hộp tiếp đạn, tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng trao sang tay trái. Ngón giữa và ngón đeo nhẫn tay trái kẹp giữ hộp tiếp đạn vào mép phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất. Tay phải mở túi đựng hộp tiếp đạn, lấy hộp tiếp đạn có đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng hộp tiếp đạn.

Dùng ngón cái tay phải đẩy cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí bắn phát 1 hoặc liên thanh, đồng thời kéo bộ khoá nòng về phía sau hết cỡ rồi thả đột nhiên để lò xo đẩy về đẩy bộ khoá lao mạnh về phía trước, khoá nòng đẩy đạn vào buồng đạn, gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí an toàn. Tay phải nắm tay cầm trên súng, ngón trỏ duỗi thẳng đặt ra ngoài vành cò, mặt súng hướng lên trên. Mắt luôn quan sát mục tiêu chờ lệnh.

Động tác bắn

Đang ở tư thế nằm chuẩn bị bắn; để thực hành bắn trúng mục tiêu người bắn phải thực hiện các động tác: Giương súng, ngắm, bóp cò.

Động tác giương súng

Trước khi giương súng phải lấy thước ngắm động tác như sau:

Tay trái nắm ốp lót tay dưới, giữ súng để mặt súng hướng lên trên. Tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ bóp then hãm cỡ thước ngắm xê dịch cho mép trước cỡ thước ngắm khớp vào vạch khắc thước ngắm định lấy. Muốn lấy thước ngắm chữ "D" bóp then hãm cỡ thước ngắm, kéo cỡ thước ngắm về sau hết mức, thả tay ra rồi đẩy cỡ thước ngắm về trước nghe thấy tiếng "tách" là được. Sau đó tay phải gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về đúng vị trí đã định.

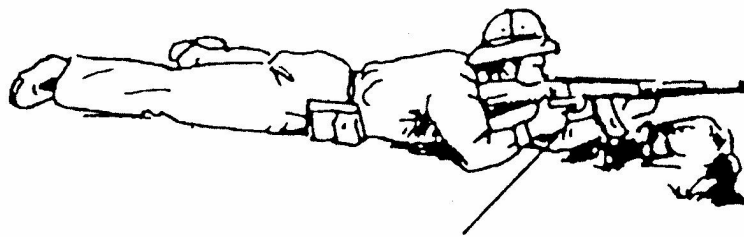
Trường hợp lấy thước ngắm ban đêm: Tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ bóp then hãm cỡ thước ngắm kéo hết cỡ về sau, sau đó đẩy nhẹ núm cỡ lên trên nghe "tách" ta được thước ngắm chữ "D", tiếp tục bóp núm cỡ đẩy nhẹ lên trên cho núm cỡ rời khỏi khắc mắc chữ "D" buông tay ra, thấy mắc hoặc nghe tiếng "tách", tiếp tục làm như vậy lần 2 ta được thước ngắm 1; từ thước ngắm 1 trở đi cứ mỗi lần đẩy núm cỡ lên trên nghe một tiếng "tách" là tăng 1 thước ngắm.

Động tác: Tay trái ngửa nắm ốp lót tay dưới hoặc nắm hộp tiếp đạn, tùy theo tay dài, ngắn của từng người và tư thế bắn. Khi nắm ốp lót tay dưới, bàn tay ngửa, ốp lót tay dưới nằm trong lòng bàn tay, ngón tay cái duỗi thẳng hoặc cong tự nhiên, bốn ngón tay con khép kín cùng với ngón tay cái nắm chắc ốp lót tay (với súng AK cải tiến, các ngón con bám vào gờ nổi bên phải ốp lót tay). Khi nắm hộp tiếp đạn, hộ khẩu tay đặt phía sống hộp tiếp đạn các ngón con và ngón cái nắm chắc hộp tiếp đạn; má phải căng tay trái sát với má trái hộp tiếp đạn, căng tay hợp với mặt phẳng địa hình một góc khoảng $40^\circ - 60^\circ$.

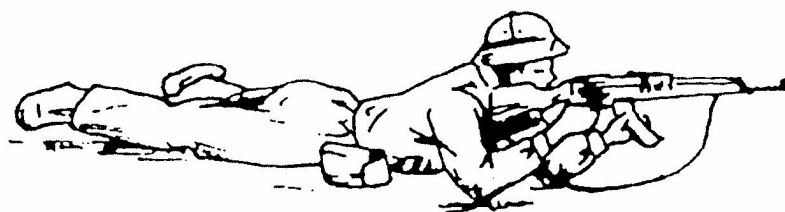


Hình 8: Nằm bắn không bệ tỳ

Tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, về nắm tay cầm, hộ khẩu tay nắm chính giữa phía sau tay cầm, đặt cuối đốt thứ nhất đầu đốt thứ 2 của ngón trỏ vào tay cò. Kết hợp 2 tay nâng súng lên, đặt phần trên đế báng súng vào hõm vai, 2 khuỷu tay chống xuống đất rộng bằng vai, kết hợp 2 tay giữ chắc súng cân bằng trên vai. Nhìn sơ qua đường ngắm thấy súng chưa đúng hướng thì dịch chuyển cả thân người để chỉnh súng vào mục tiêu, không dùng tay để điều chỉnh làm động tác giữ súng không tự nhiên, gò bó.



Hình 9: Nằm bắn không tỳ (tay trái nắm ốp lót tay)



Hình 10: Nằm bắn không tỳ (tay trái nắm hộp tiếp đạn)

Động tác ngắm: Khi lấy đường ngắm, má phải áp sát vào báng súng với lực vừa phải để đầu người ít bị rung động, không gồi má vào báng súng làm mặt súng nghiêng, khi bắn liên thanh dễ làm súng tụt dần xuống.

Khi ngắm: Mắt trái nheo tự nhiên, dùng mắt phải để ngắm hoặc có thể mở cả 2 mắt nhưng tập trung thị lực vào mắt ngắm; nhìn qua khe ngắm đến đầu ngắm lấy đường ngắm cơ bản; rồi đưa đường ngắm cơ bản đến điểm định ngắm trên mục tiêu.

Động tác bóp cò: Trước khi bóp cò phải làm động tác ngưng thở để cho người và súng bớt rung động, có thể hít vào hoặc thở ra một ít rồi ngưng thở.

Bóp cò: Dùng lực độc lập của ngón trỏ bóp cò từ từ êm đều từ trước về sau theo trục nòng súng cho đến khi đạn nổ; không tăng cò đột ngột trong quá trình bóp cò, không bóp quá nhanh, làm rung động bắn mất chính xác. Muốn bắn liên thanh từ 2-3 viên, khi bóp cò phải bóp hết cỡ rồi thả ra từ từ. Không bóp quá nhanh, mạnh, thả cò quá vội hoặc nháy cò đều dẫn đến bắn phát 1.

Động tác thôi bắn (Thôi bắn gồm có thôi bắn tạm thời và thôi bắn hoàn toàn).

. Thôi bắn tạm thời (ngừng bắn). Khẩu lệnh: "Ngừng bắn!"

Người bắn làm động tác như sau: Đang bắn hạ súng xuống, khoá an toàn hai tay giữ súng như khi chuẩn bị bắn, mắt quan sát mục tiêu. Nếu súng hết đạn, phải thay hộp tiếp đạn hết đạn ở súng ra và lắp hộp tiếp đạn có đạn vào súng.

. Thôi bắn hoàn toàn: Khẩu lệnh: "Thôi bắn tháo đạn khám súng... đứng dậy".

Người bắn làm động tác như sau: Ngón trỏ tay phải thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống. Tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra trao sang tay trái, ngón giữa và ngón đeo nhẫn kẹp hộp tiếp đạn vào bên phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất.

Tay trái vẫn giữ súng, mặt súng hướng lên trên; tay phải kéo bộ khoá nòng từ từ về sau, ngón trỏ lướt trên cửa thoát vỏ đạn, các ngón con khép lại chắn cửa lắp hộp tiếp đạn để đỡ viên đạn từ trong buồng đạn văng ra.

Lắp viên đạn vừa tháo ở súng ra vào hộp tiếp đạn, bóp chết cò, khoá an toàn, lấy hộp tiếp đạn không có đạn trong túi đựng hộp tiếp đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào trong túi đựng.

Động tác đứng dậy

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay, hơi nghiêng người sang trái, co chân trái lên, đầu gối ngang thắt lưng đồng thời tay phải đưa súng về đặt trên đùi trái, hộp tiếp đạn quay sang phải, bàn tay trái thu về úp dưới ngực.

Cử động 2: Phối hợp sức tay trái và hai chân nâng người đứng dậy, xoay mũi bàn tay trái về trước, chân phải bước lên một bước, bàn chân ngang với mũi bàn tay trái đồng thời nâng người đứng dậy.

Cử động 3: Dùng gót chân phải làm trụ, xoay mũi bàn chân sang phải sao cho bàn chân hợp với hướng bắn một góc $22^{\circ}30'$; chân trái kéo lên ngang bàn chân phải về tư thế đứng nghiêm, làm động tác xách súng hoặc mang súng.

Động tác đứng dậy vận dụng trong chiến đấu

Trong chiến đấu ta có thể vận dụng đứng dậy bằng cách thứ 2 vọt tiến; 2 cử động sau:

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về sau, gập cánh tay vào phía thân người (nắm tay ngang vai phải, bàn tay giữa nắm súng, khuỷu tay đặt

ngoài súng, hộp tiếp đạn quay sang trái), cánh tay đặt xuống đất, tay phải thu về sau, bàn tay úp xuống đất và ngang vai trái, chân phải hơi co.

Cử động 2: Dùng sức của 2 tay và chân phải nâng người lên, đồng thời chân trái bước lên một bước nâng người đứng dậy, chân phải bước lên tiếp tục tiến.

3.2 Động tác bắn có tỳ

Động tác cơ bản như nằm bắn không có tỳ chỉ khác:

+ Do bắn có vật tỳ cho nên khi giương súng đặt lên vật tỳ, đặt từ khâu đầu nòng đến phần trước ốp lót tay dưới lên vật tỳ, hộp tiếp đạn tựa vào vật tỳ để bắn cho chắc chắn, tay trái đặt hộ khâu tay hoặc mu bàn tay lên vật tỳ (tùy theo vật tỳ cao hay thấp).

+ Nếu vật tỳ cao, tay trái có thể nắm hộp tiếp đạn.

+ Muốn bắn được trúng, chụm, trúng liên thanh khi giương súng phải đạt được các yếu tố chắc; đều; bền.

+ Bằng: Mặt súng phải thẳng bằng.

+ Chắc: Là 2 tay giữ súng chắc, ghì súng chắc vào vai.

+ Đều: Lực nắm súng và ghì súng phải đều nhau.

+ Bền: Lực nắm và giữ súng phải bền trong suốt quá trình loạt bắn.

4. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng trường CKC, súng tiểu liên AK

4.1 Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

Ý nghĩa

Bắn mục tiêu cố định là bài bắn cơ bản của các loại súng trường và súng tiểu liên nhằm rèn luyện cho người học động tác cơ bản biết bắn trúng, chụm vào các mục tiêu cố định ban ngày.

Hoàn thành tốt bài tập bắn này, là cơ sở cho các bài bắn sau này và trong chiến đấu khi chiến tranh nổ ra.

Đặc điểm

+ Người bắn: Có thời gian chuẩn bị, thời gian bắn không hạn chế vì vậy thực hiện đúng động tác yếu lĩnh. Tư thế nằm bắn có tỳ đường ngắm ổn định.

+ Mục tiêu: Mục tiêu cố định có vòng tính điểm, cự ly từ người bắn đến mục tiêu gần, dễ quan sát.

Yêu cầu

+ Tích cực, tự giác trong quá trình luyện tập, rút ra được những nhược điểm, khuyết tật trong từng tư thế, từng phát bắn để khắc phục.

+ Nắm chắc động tác cơ bản, tư thế bắn vững chắc.

Phân tích yêu cầu:

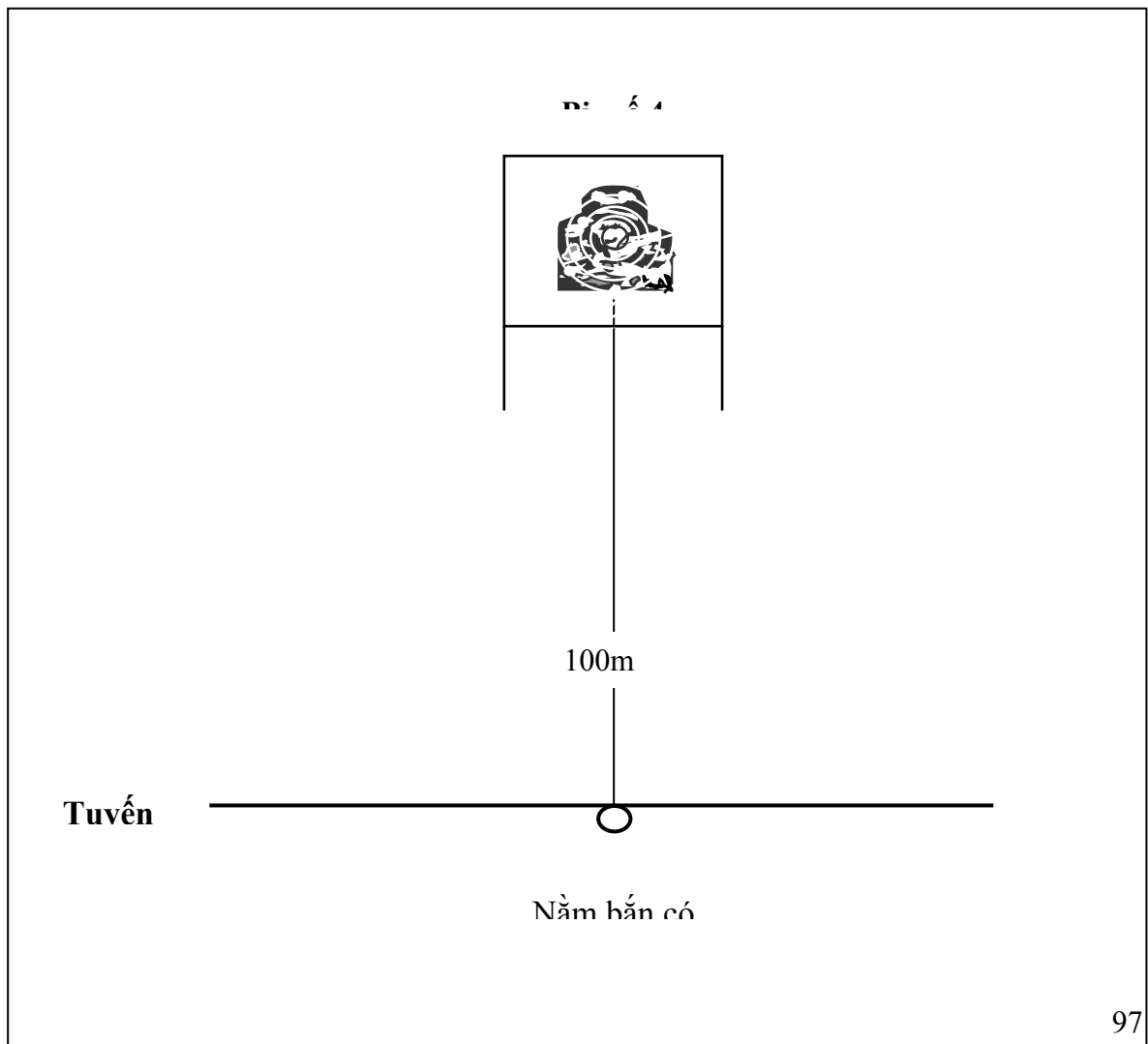
Trong quá trình tập bắn phải công phu, tích cực, tự giác rèn động tác bắn cơ bản, khắc phục các động tác sai, thực hiện sai đâu sửa đấy một cách nghiêm túc, quá trình luyện tập phải tích lũy kiến thức, tập động tác từ dễ đến khó, có tính cơ bản, hệ thống.

Khi thực hành tập bắn các loại súng bộ binh, việc rèn luyện bản lĩnh, tâm lý bắn rất quan trọng, có bản lĩnh, tâm lý tốt sẽ có động tác bắn chính xác, bắn trúng và chụm. Vì vậy ngoài việc nghiên cứu nắm chắc yếu lĩnh bắn, còn phải rèn luyện sức khỏe một cách toàn diện như: Chạy xa, thể dục thể thao, tập xà, tạ, có như vậy mới có được động tác giữ súng ổn định, vững chắc, hạn chế tâm lý khi vào bắn.

4.2 Phương án tập bắn

- Điều kiện tập
- Mục tiêu: Bia số 4 có vòng tượng trưng cho tên địch nằm bắn
- cự ly bắn: 100m
- Tính chất Mục tiêu: Mục tiêu cố định
- Tư thế: Nằm bắn có tựa

Phương án tập bắn



4.3 Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm

Cách chọn thước ngắm

Căn cứ

- + Độ cao đường đạn.
- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.
- + Điều kiện khí tượng (mưa, gió...).

Cách chọn: Khi chọn thước ngắm có thể chọn theo 2 cách :

- + Thước ngắm tương ứng cự ly bắn.
- + Thước ngắm lớn hơn cự ly bắn.

Cách chọn điểm ngắm

Căn cứ :

- + Thước ngắm đã chọn.
- + Độ cao đường đạn khi bắn ở cự ly đó.
- + Tính chất mục tiêu (to, rõ...).
- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu.
- + Điều kiện khí tượng (mưa, gió...).

Cách chọn: Với mục tiêu phương án tập trên thường chọn như sau:

- + Bia số 4: Chính giữa mép dưới mục tiêu.

Ví dụ: Dùng súng tiểu liên AK bắn vào mục tiêu bia số 4 cự ly 100m, chọn thước ngắm 3 (thước ngắm lớn hơn cự ly bắn), điểm ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Vì: Thước ngắm 3 ở cự ly 100m đường đạn cao hơn so với điểm ngắm đối với súng AK khoảng 25 - 28cm, từ mép dưới mục tiêu lên tâm của vòng 10 bia số 4 khoảng 23 cm, như vậy đạn vẫn trúng vào vòng 10 trên mục tiêu.

Đối với súng trường CKC: Thước ngắm 3 ở cự ly 100m đường đạn cao hơn so với điểm ngắm là 25cm, từ mép dưới mục tiêu lên tâm của vòng 10 bia số 4 khoảng 23 cm, như vậy đạn trúng vào vòng 10 trên mục tiêu.

Kết luận : Bài bắn này ta chọn như sau: Với mục tiêu bia số 4 lấy thước ngắm 3, ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

Chú ý: Có thể vận dụng lấy thước ngắm 1 ngắm đầu trúng đó, nhưng xác định điểm ngắm trên mục tiêu khó chính xác hơn so với ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu.

4.4 Thực hành tập bắn

Trước khi tập: Người tập mang đeo trang bị đầy đủ ở tuyến chuẩn bị, khi có lệnh vận động vào tuyến xuất phát làm động tác chuẩn bị bắn.

Có khẩu lệnh: “Tiên”; người tập nhanh chóng cơ động lên tuyến tập bắn đã xác định, làm động tác chuẩn bị bắn vào mục tiêu bia số 4.

Khi có khẩu lệnh: “Bắn”; người tập làm động tác nằm bắn vào mục tiêu bia số 4 từ 3-5 lần, tùy theo mức quy định trong kế hoạch tập của người phụ trách tiếp tục cho tập lần tiếp theo hoặc đổi tập cho bộ phận khác.

Khi có khẩu lệnh: “Thôi tập!”; người tập thôi tập, khám súng, quay về vị trí phía sau chờ đợi tiếp tục tập lần tiếp theo.

4.5 Kế hoạch luyện tập

Xây dựng kế hoạch luyện tập phải dựa trên quỹ thời gian, đối tượng huấn luyện để xác lập nội dung, tổ chức, phương pháp cho sát đối tượng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu cách chọn thước ngắm điểm ngắm khi thực hành bắn vào mục tiêu bia số 4 cự ly 100m?
2. Trình bày điều kiện bắn bài 1b khi bắn súng tiểu liên AK, súng trường CKC?
3. Tại sao khi bắn mục tiêu bia số 4, cự ly 100m lấy thước ngắm 3, ngắm chính giữa mép dưới mục tiêu, đạn vẫn trúng vào tâm mục tiêu (vòng 10)?

Bài QA20: KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

Mục tiêu:

- Trình bày được tính năng, cấu tạo, chuyển động gây nổ, quy tắc sử dụng lựu đạn.
- Thực hiện đúng tư thế động tác và ném lựu đạn được xa, đúng hướng
- Đảm bảo an toàn trong luyện tập.

Nội dung:

1. Một số loại lựu đạn phổ biến

1.1 Lựu đạn cần 97 Việt Nam

- Tác dụng, tính năng chiến đấu
- + Lựu đạn cần 97 trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá hủy các phương tiện chiến tranh của địch bằng mảnh kim loại và sức ép của khí thuốc.
- + Thời gian cháy chậm: 3,2s đến 4,2s

- + Bán kính sát thương: 5 m.
- + Khối lượng toàn bộ : 450g
- Cấu tạo: Lựu đạn gồm hai bộ phận

+ Thân lựu đạn: Vỏ bằng gang có khía tạo thành múi, đường kính 50mm, bên trong chứa 45gam thuốc nổ TNT, cổ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ. Khi lắp bộ phận gây nổ lựu đạn dài 98mm

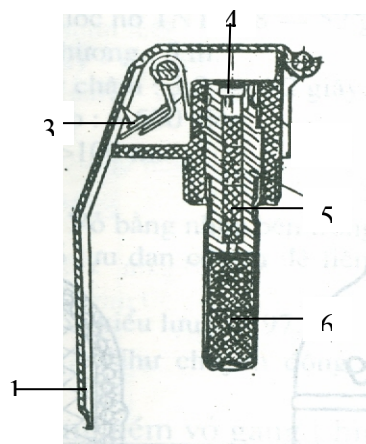
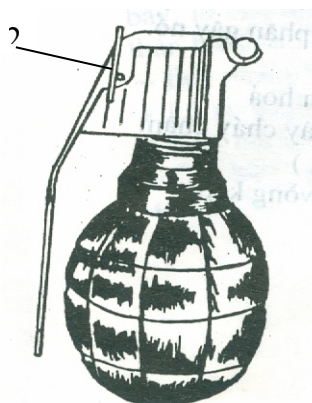
+ Bộ phận gây nổ

. Thân bộ phận gây nổ để chứa búa, kim hoả, lò xo kim hoả, chốt an toàn; phía trên có tai giữ đầu cần bẫy, lỗ để chứa chốt an toàn; phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

. Búa (kim hoả) và lò xo.

. Hạt lửa, dây cháy chậm, kíp.

. Cần bẫy (mỏ vịt); chốt an toàn, vòng kéo chốt an toàn.



Hình 1: Lựu đạn cần 97 Việt nam và bộ phận gây nổ
 a) Lựu đạn cần 97 VN nhì từ bên ngoài b) Bộ phận gây nổ

1. Cần bẫy (mỏ vịt); 2. Chốt an toàn, vòng kéo; 3. Kim hoả và lò xo kim hoả; 4. Hạt lửa
 5 Dây cháy chậm 6 Kíp

- Chuyển động gây nổ

+ Lúc bình thường, chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, cần bẫy đè kim hoả ngả về sau thành thế dương.

+ Rút chốt an toàn, cần bẫy bật lên rời khỏi tai giữ, lò xo đẩy kim hoả đập về phía trước (theo kiểu đập vòng), kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm phụt lửa vào kíp, kíp nổ gây nổ lựu đạn.

1.2 Lựu đạn Φ -1 (ϕ i-1)

- Tác dụng, tính năng chiến đấu

+ Lựu đạn Φ -1 trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá huỷ các phương tiện chiến tranh của địch bằng mảnh kim loại và sức ép của khí thuốc.

+ Thời gian cháy chậm: 3,2s đến 4,2s

+ Bán kính sát thương: 5 m.

+ Khối lượng toàn bộ : 450g

- Cấu tạo

Lựu đạn gồm hai bộ phận

+ Thân lựu đạn: Vỏ bằng gang có khía tạo thành múi, đường kính 50mm, bên trong chứa 45gam thuốc nổ TNT, cổ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ. Khi lắp bộ phận gây nổ lựu đạn dài 118mm.

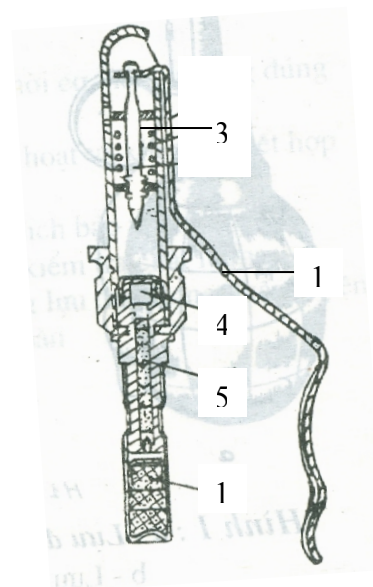
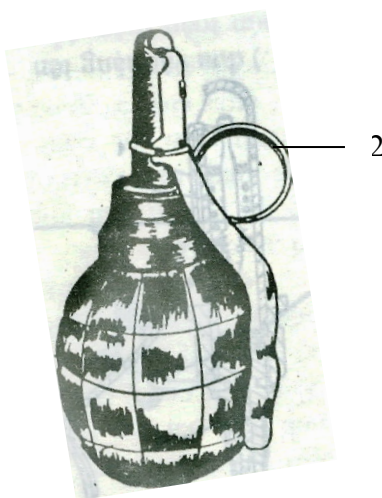
+ Bộ phận gây nổ

Thân bộ phận gây nổ để chứa đầu cần bẫy, kim hoả, lò xo kim hoả, chốt an toàn; phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

Kim hoả và lò xo.

Hạt lửa, dây cháy chậm, kíp

Cần bẫy (mỏ vịt); chốt an toàn, vòng kéo chốt an toàn.



Hình 2: Lựu đạn Φ -1 (phi -1)

a) Lựu đạn Φ -1 (phi-1) nhìn từ bên ngoài

b) Bộ phận gây nổ

1. Cần bẫy (mỏ vịt); 2. Chốt an toàn, vòng kéo 3. Kim hoả và lò xo kim hoả; 4. Hạt lửa
5. Dây cháy chậm: 6. Kíp

- Chuyển động gây nổ

+ Lúc bình thường, chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, đầu cần bẫy giữ đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bị ép lại.

+ Rút chốt an toàn, đuôi cần bẫy bật lên, đầu cần bẫy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm phụt lửa gây nổ kíp, kíp nổ gây nổ lựu đạn.

2. Quy tắc chung sử dụng lựu đạn

2.1 Sử dụng, giữ gìn lựu đạn thật

- Sử dụng lựu đạn

+ Chỉ những người đã được huấn luyện nắm vững tính năng cấu tạo của lựu đạn mới được sử dụng lựu đạn. Chỉ sử dụng lựu đạn khi đã kiểm tra chất lượng.

+ Sử dụng lựu đạn theo lệnh của người chỉ huy hoặc theo nhiệm vụ hợp đồng chiến đấu.

+ Tùy theo địa hình địa vật và tình hình địch để vận dụng các tư thế ném cho phù hợp, bảo đảm tiêu diệt địch, giữ an toàn cho mình và đồng đội.

- Giữ gìn lựu đạn

+ Lựu đạn phải để nơi quy định, khô ráo, thoáng gió, không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, vật dễ cháy.

+ Không để rơi, không va chạm mạnh.

+ Các loại lựu đạn bộ phận gây nổ để riêng, chỉ khi dùng mới lắp vào lựu đạn. Khi mang, đeo lựu đạn không móc mỏ vịt vào thắt lưng, không rút chốt an toàn.

2.2 Sử dụng lựu đạn trong huấn luyện

- Cấm sử dụng lựu đạn thật để huấn luyện.

- Không sử dụng lựu đạn tập để đùa nghịch hoặc tập không có tổ chức.

- Khi luyện tập cấm ném lựu đạn trực tiếp vào người, không đứng đối diện để ném lựu đạn vào nhau. Người nhặt lựu đạn và người kiểm tra kết quả ném lựu đạn phải đứng về một bên, luôn theo dõi hướng bay của lựu đạn, đề phòng nguy hiểm. Nhặt lựu đạn xong phải đem về vị trí không được ném trả lại.

3. Tư thế động tác ném

3.1 Đứng ném lựu đạn

- Trường hợp

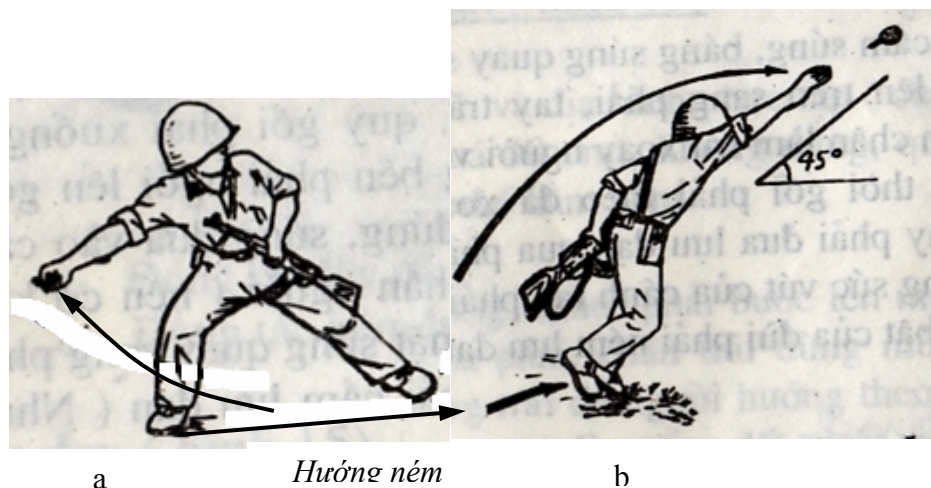
Đứng ném lựu đạn thường được dùng trong trường hợp địch và địa hình cho phép, có thể đứng tại chỗ ném hoặc ném khi đang vận động. Tư thế đứng ném là tư thế ném được xa nhất.

- Động tác

+ Chuẩn bị: Tay trái cầm súng (cầm khoảng dưới ốp che tay) xách súng lên ngang tầm thắt lưng mũi súng chéch lên trên. Nếu địa hình cho phép, có thể dựa súng vào vật chắn bên trái phía trước, mặt súng quay sang phải. Tay phải lấy lựu đạn ra, bàn tay phải nắm lựu đạn (các ngón con choàng lên cần bẫy), tay trái bẻ

thẳng chốt an toàn (nếu là ngòi nổ Φ -1), ngón trỏ móc vào vòng kéo, kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn. Khi rút chốt an toàn phải rút thẳng theo hướng trục lỗ hoặc vừa xoay vừa rút chốt an toàn (nếu là ngòi lựu cần 97).

+ Động tác ném:



Hình 3: Động tác ném lựu đạn
a- Động tác lấy đà ném b- Động tác ném lựu đạn đi

Cử động 1: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, lấy mũi bàn chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải (gót trái kiểm), người hơi cúi về phía trước, gối trái khụy, chân phải thẳng.

Cử động 2: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau để lấy đà, người ngả về phía sau, chân trái thẳng, gối phải hơi chùng.

Cử động 3: Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước một góc khoảng 45° (hợp với mặt phẳng ngang), thì buông lựu đạn ra đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía sau cho cân bằng và bảo đảm an toàn. Chân phải theo đà bước lên một bước dài, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác.

Chú ý:

Muốn ném được xa phải biết phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút mạnh và đột nhiên của cánh tay.

Khi vung lựu đạn về phía trước phải giữ cánh tay ở độ cong, độ chùng tự nhiên (không thẳng hẳn cũng không cong quá) mới có sức vút mạnh, buông lựu đạn đi phải đúng thời cơ, đúng góc ném, đúng hướng.

3.2 Ném lựu đạn khi đang vận động

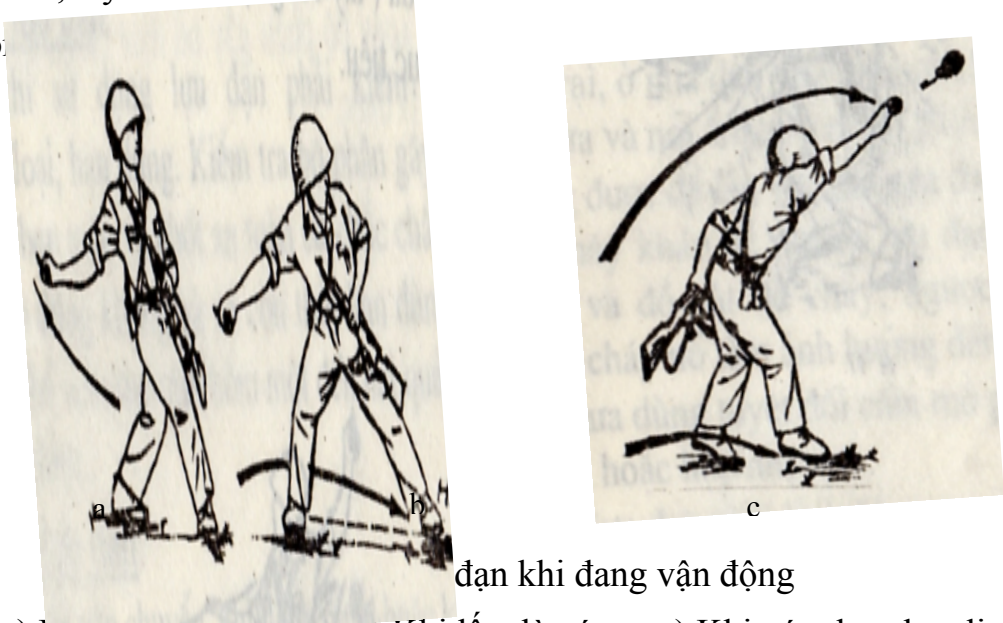
- Trường hợp

Ném lựu đạn khi đang vận động để tranh thủ thời cơ tiêu diệt địch.

- Động tác

+ Chuẩn bị lựu đạn: Vừa vận động vừa chuyển súng sang tay trái, tay phải lấy lựu đạn ra, tay trái rút chốt an toàn.

+ Độ



a) Lúc chuẩn bị chạy b) Khi lấy đà ném c) Khi ném lựu đạn đi

Cử động 1: Chân phải bước lên hơi chùng ghìm đà lại, bàn chân đặt hơi ngang (mũi bàn chân quay sang phải) người hơi ngả, thân người hơi xoay sang phải đồng thời tay phải đưa lựu đạn xuống dưới sang phải về sau hết cỡ.

Cử động 2: Chân trái bước bên thẳng hướng mục tiêu, mũi bàn chân đặt xuống đất, chân phải khuyu xuống.

Cử động 3: Dùng sức bật của chân, sức rướn của thân người và sức vút mạnh của cánh tay phải ném lựu đạn vào mục tiêu. Chân phải theo đà bước lên, hai tay cầm súng tiếp tục tiến.

Chú ý: Ngoài những điểm chú ý như khi đứng tại chỗ ném còn phải biết lợi dụng đà vận động để ném được xa. Mỗi cử động phải làm trong tư thế vận động, không được dừng lại vì sẽ mất đà.

Phải phối hợp đúng bước chân, ghìm đà khi bước chân phải lên, chân trái bước lên vừa chạm đất là kết hợp sức toàn thân ném lựu đạn đúng thời cơ.

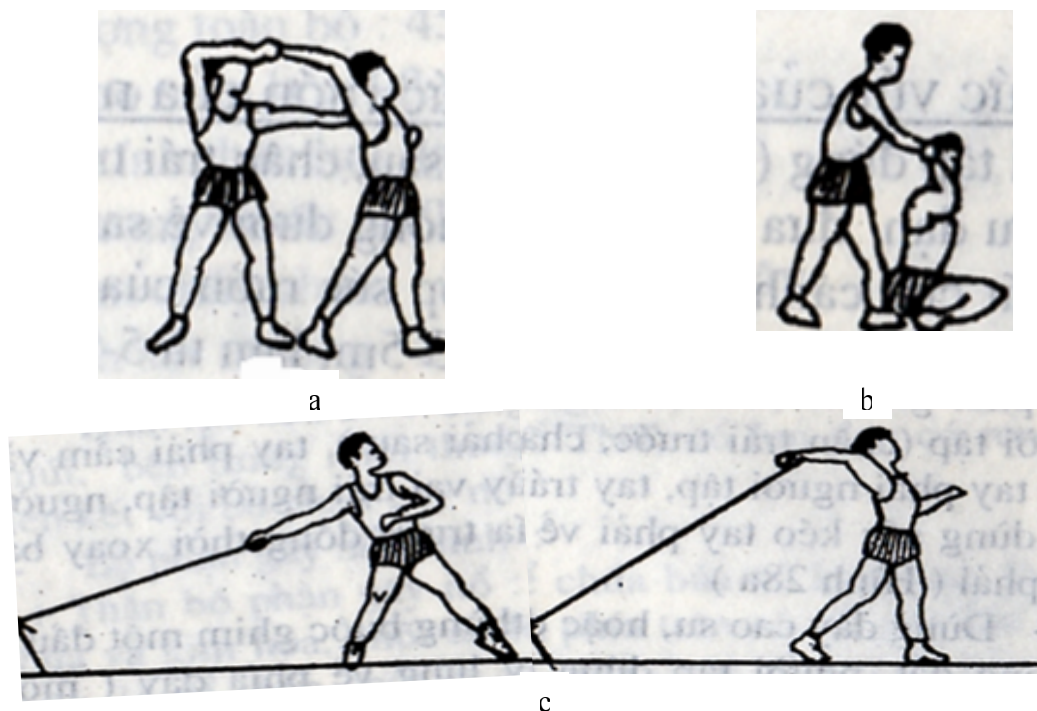
4. Một số động tác bổ trợ cho tập ném lựu đạn

4.1 Tập sức vút của tay và sức rướn của thân người

Người tập đứng (chân phải sau, chân trái trước), tay phải cầm lựu đạn đưa lựu đạn xuống dưới, về sau hết cỡ rồi dùng sức vút của cánh tay kết hợp sức rướn của thân người ném lựu đạn xuống trước mặt xa 3 ÷ 5m làm từ 5 ÷ 7 lần.

Người tập đứng trước (chân trái trước, chân phải sau), tay phải giơ lên trên đầu ra sau, người phục vụ đứng sau người tập (chân trái trước, chân phải sau) tay phải cầm và kéo tay phải người tập, tay trái đẩy vai trái người tập, người tập dùng sức kéo tay phải về phía trước đồng thời xoay bả vai phải (hình 6a).

Người tập ngồi xổm phía trước, hai tay giơ ngang đầu. Người phục vụ đứng sau (chân trái trước, chân phải sau), hai tay cầm hai tay người tập ghì xuống. Người tập dùng sức đẩy tay người phục vụ, vừa đưa thẳng lên đầu vừa kết hợp đứng dậy (hình 6b).



Hình 6: Tập sức vút của cánh tay

Dùng dây cao su, hoặc dây thừng buộc ghim một đầu xuống đất, người tập đứng quay lưng về phía dây (một chân trước một chân sau). Tay nắm chắc một đầu dây, dùng sức rướn của toàn thân kéo mạnh tay về phía trước, người hơi cong về phía sau (hình 6c).

Hai tay cầm vật nặng (gỗ đá ...) đưa vật nặng lên đầu, về sau lấy đà. Dùng sức nhún toàn thân đẩy vật nặng về phía trước. Cũng làm động tác như trên bằng một tay.

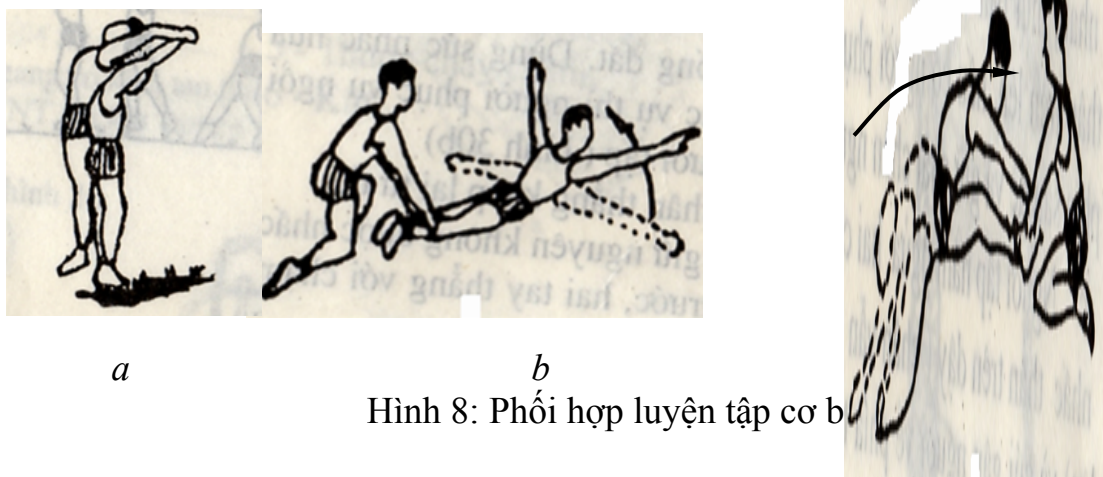


Hình 7: Tập sức rướn của người

4.2 Tập cơ bụng

Hai người đứng giáp lưng vào nhau. Người phục vụ hạ thấp người xuống cho người tập đặt lưng (phần giữa lưng) lên trên, hai tay cầm hai tay người tập về phía trước và kết hợp đứng dậy (hình 8a).

Người tập nằm sấp, hai tay mở rộng, hai bàn chân sát vào nhau, mũi bàn chân chống xuống đất, dùng sức nhấc nửa thân người trên lên. Nếu có người phục vụ thì người phục vụ ngồi phía sau đè và giữ chặt chân người tập (h



Hình 8: Phối hợp luyện tập cơ bụng

Người tập nằm ngửa, hai chân thẳng khép lại, từ từ nhấc thân trên dậy (chân vẫn giữ nguyên không được nhấc lên) và cúi gập người về phía trước, hai tay thẳng với chạm đầu ngón chân (hình 8c).

Nếu có người phục vụ thì người phục vụ ngồi phía trước đè và giữ hai chân người tập.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. So sánh tính năng, cấu tạo của hai loại lựu đạn.
2. Trình bày quy tắc chung sử dụng lựu đạn.
3. Luyện tập ném lựu đạn xa đúng hướng.

Bài QA21: ĐƯỜNG LỐI, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA TƯ TƯỞNG

Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước về an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Vận dụng phù hợp vào quá trình học tập và rèn luyện của bản thân;

- Nâng cao ý thức công dân, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nội dung:

1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

1.1 Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Nếu ta không mạnh thì ta chỉ là công cụ trong tay người khác. Chỉ có thực lực của ta mới quyết định thắng lợi.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, ông cha ta đã không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù lớn mạnh bên ngoài và xây đắp truyền thống dựng nước và giữ nước. Đảng ta đã phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945, đánh thắng đế quốc xâm lược, giữ gìn độc lập dân tộc.

Nước ta, qua gần 30 năm đổi mới, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được củng cố; tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, nhất là trên các địa bàn chiến lược, xung yếu, phức tạp. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được triển khai rộng rãi.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tiếp tục được củng cố, xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân; làm tốt vai trò tham mưu, góp phần chủ động phòng ngừa, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, hoạt động gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các hoạt động cơ hội chính trị, các loại tội phạm hình sự, nhất là tội phạm nguy hiểm, có tổ chức, tội phạm ma túy, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm lợi dụng công nghệ cao, sử dụng vũ khí nóng, chống người thi hành công vụ; tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục thiên tai.

Tuy nhiên, xu thế của thế giới ngày nay, tuy hợp tác càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất quyết liệt; khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động nhưng cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn âm mưu chống phá cách mạng nước ta quyết liệt và tinh vi hơn bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”. Một số phần tử bất mãn, thoái hóa, biến chất trong xã hội ta cũng đang phụ họa với kẻ địch, tuyên truyền chống đối Đảng, nhà nước ta. Nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội hiện nay ngăn chặn chưa có hiệu quả... tạo điều kiện đề nguy cơ “diễn biến hòa bình” lên tới.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đặt ra những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Chúng ta đang đứng trước cơ hội lớn và những thách thức lớn. Nếu ta suy yếu, tụt hậu xa hơn về kinh tế thì nguy cơ “diễn biến hòa bình” và các tệ nạn xã hội khác có điều kiện lấn tới.

Trong lúc tập trung phát triển kinh tế chúng ta không thể lơ là nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Cả hai nhiệm vụ đều quan trọng, liên quan mật thiết, hỗ trợ tác động lẫn nhau.

Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược vừa thường xuyên lâu dài, vừa khẩn trương cấp bách trong cục diện thế giới và nước ta ngày nay. Mỗi cán bộ, Đảng viên, nhân dân và thanh niên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, nêu cao cảnh giác, quyết tâm làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

1.2 Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; kết hợp quốc phòng và an ninh với kinh tế; gắn bó và phối hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ an ninh và hoạt động đối ngoại. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn quân, toàn dân.

Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội. Bảo vệ an ninh tư tưởng là một nội dung quan trọng của bảo vệ văn hóa và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ đường lối của Đảng, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để bảo vệ Tổ quốc; kết hợp lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận của an ninh nhân dân. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh của sự kết hợp kinh tế; với quốc phòng và an ninh với kinh tế và hoạt động đối ngoại.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là, thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, tăng cường quản lý Nhà nước về quốc phòng và an ninh.

Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

Tăng cường công tác giáo dục nhận thức về quốc phòng an ninh đối với đội ngũ công chức. Kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng cần đưa vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức và cho toàn dân, có nội dung phù hợp với từng đối tượng và đưa vào chương trình chính khóa trong các nhà trường theo cấp học, bậc học.

Chú trọng giáo dục thống nhất nhận thức về đối tượng và đối tác; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Giữ vững an ninh nội địa; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân; xây dựng “thế trận lòng dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Cơ sở chính trị - xã hội về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là sự vững chắc của hệ thống chính trị, nhận thức đúng đắn của cán bộ, Đảng viên và nhân dân, sự vững vàng về chính trị, tư tưởng của lực lượng vũ trang, của chính quyền gắn bó chặt chẽ với nhân dân, kết hợp giữa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng quốc gia.

Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị.

2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

Tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế với mục tiêu tăng cường quốc phòng – an ninh là chủ yếu, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo.

Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh.

2.3. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

Mục tiêu xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là có bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có trình độ văn hóa và chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân. Có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc. Có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ hoàn cảnh nào. Có trình độ chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao.

Thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an ninh toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Đổi mới tổ chức, nội dung, phương pháp huấn luyện, đào tạo đi đôi với cải tiến, đổi mới vũ khí, trang bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu tác chiến mới; phát triển khoa học quân sự, khoa học công an, nghệ thuật chiến tranh nhân dân; cải tiến phương thức hoạt động của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phối hợp với các tổ chức nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

2.3 Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

Chính sách đối ngoại là sự tiếp nối chính sách đối nội, là bộ phận quan trọng trong đường lối chính trị của mọi quốc gia, dân tộc. Từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố Việt Nam mong muốn có quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

Trong các thời kỳ của cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đều rất coi trọng chính sách đối ngoại. Điều đó thể hiện mục tiêu, bản chất chế độ ở nước ta và nguyện vọng của nhân dân. Thông qua đó chúng ta có thể khai thác tốt nhất những tiềm năng, kinh nghiệm thành tựu văn hóa của thế giới, góp phần để nhân dân ta và bạn bè khắp năm châu hiểu nhau hơn, nâng cao địa vị và uy tín của Đảng và Nhà nước ta trên trường quốc tế.

Trên cơ sở kiên định đường lối độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại mở rộng mở cửa chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi, là một trong những thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới ở nước ta gần 30 năm qua. Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân phát triển mạnh, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Phát triển quan hệ với các nước láng giềng; thiết lập và nâng cấp quan hệ với nhiều đối tác quan trọng. Hoàn thành phân giới cắm mốc trên đất liền với Trung Quốc; tăng dày hệ thống mốc biên giới với Lào; hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc và thúc đẩy phân định biển phía Tây Nam với các nước liên quan.

Tham gia tích cực và có trách nhiệm tại các diễn đàn khu vực và quốc tế; đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; đóng góp quan trọng vào việc xây dựng cộng đồng ASEAN và Hiến chương ASEAN, đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA.

Quan hệ với các Đảng cộng sản và công nhân, Đảng cánh tả, Đảng cầm quyền và một số Đảng khác; hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục được mở rộng.

Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực. Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế; đối thoại cởi mở, thẳng thắn về tự do, dân chủ, nhân quyền.

Nước ta đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), ký kết hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với một số đối tác quan trọng; mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác; góp phần quan trọng vào việc tạo dựng và mở rộng thị trường hàng hoá, dịch vụ và đầu tư của Việt Nam, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tranh thủ ODA và các nguồn tài trợ quốc tế khác.

Những thành tựu đó là kết quả của đường lối chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta và có sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới.

Trước mắt nhân dân ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn. Chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta không thể tách rời những biến đổi đó trên thế giới và khu vực. Bài học lớn của Đảng là luôn luôn kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong thế giới mở hiện nay, nhiều vấn đề toàn cầu, cấp bách có liên quan đến nhiều quốc gia, dân tộc mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể giải quyết nổi nếu không có sự hợp tác với nhau.

Với phương châm Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, Đảng ta chủ trương mở rộng các quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế.

Chủ trương đó của Đảng ta vừa phù hợp với xu thế khách quan trên thế giới, vừa là đòi hỏi cấp bách của tình hình trong nước và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vừa thể hiện tinh thần đổi mới, nhìn về tương lai phát triển lâu dài của cả dân tộc, xây dựng Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

3. Những giải pháp cơ bản về an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

Trước tình hình trên, để chủ động trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng, góp phần hạn chế những nguy cơ, thách thức và tranh thủ thời cơ do tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mang lại, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cần thực hiện tốt một số chủ trương và giải pháp sau:

Một là: Cần thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về công tác bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng. Phải xác định rằng công tác bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, với sự tham gia tích cực, có hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành chức năng, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng. Trọng tâm của công tác bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng hiện nay là phải làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các cấp quán triệt thực hiện đúng. Phải bảo vệ và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thúc đẩy giao lưu và hợp tác hóa trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao đời sống của nhân dân lao động. Đặc biệt, cần quán triệt phương châm cơ bản trong bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là phải coi trọng chủ động phòng ngừa, giữ vững bên trong là chính. Mặt khác, phải đấu tranh, ngăn ngừa kịp thời các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và các phần tử chống đối chế độ một cách quyết liệt và sắc bén.

Hai là: Quan tâm chỉ đạo và tổ chức thường xuyên công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống; khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, đề cao các giá trị văn hóa dân tộc, đạo đức, lối sống lành mạnh của người Việt Nam. Các cấp, các ngành cần tăng cường các hình thức tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, niềm tự hào dân tộc; nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh kịp thời, kiên quyết làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh học tập, thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng. Cần làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ trách nhiệm phải kiên quyết đấu tranh với tư tưởng sùng bái cái gọi là các “giá trị” của phương Tây, xem nhẹ các giá trị văn hóa dân tộc, tâm lý hoài nghi vào

cách mạng, lối sống vị kỷ; lên án những quan điểm trọng vật chất - nhẹ tinh thần, trọng cá nhân - nhẹ tập thể; trọng trước mắt - nhẹ lâu dài, các biểu hiện suy đồi đạo đức. Chú trọng bảo vệ môi trường văn hóa văn minh, trong sáng, lành mạnh ở mỗi gia đình, cơ quan và trong toàn thể tập thể.

Ba là: Đầu tư phát triển, tăng cường sự chỉ đạo, quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa trong xã hội; xây dựng con người Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa có lập trường, tư tưởng vững vàng, có tri thức, giàu tình cảm, có đạo đức cách mạng trong sáng và lối sống lành mạnh. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; ngăn ngừa các khuynh hướng “thương mại hóa”, “tư nhân hóa” hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục - đào tạo. Chấn chỉnh những lỏng lẻo, sơ hở, không để các đối tác, các thế lực thù địch lợi dụng tác động, hướng lái, chuyển hóa, phá hoại, gây phức tạp về an ninh - trật tự. Chọn lọc nhập khẩu những sản phẩm văn hóa có nội dung tốt, có giá trị về nghệ thuật; đồng thời không để báo chí, phim ảnh và các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy thâm nhập vào nước ta, phá hoại bản sắc văn hóa dân tộc.

Bốn là: Tăng cường công tác lãnh đạo các hoạt động báo chí, xuất bản phát thanh, truyền hình, nhất là trong việc định hướng chính trị - tư tưởng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng. Trước mắt, cần rà soát, sửa đổi, ban hành mới các văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Các ngành, các cấp chủ động phát hiện, kiến nghị chấn chỉnh những vi phạm, sơ hở, lỏng lẻo trong quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng trên các lĩnh vực này. Tổ chức tốt công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các quy định của Nhà nước về hoạt động và dịch vụ văn hóa, nhất là thực hiện pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước của các cơ quan, ban, ngành ở trung ương và các địa phương. Chú trọng làm tốt công tác nhân sự các cơ quan văn hóa ở Trung ương và địa phương để củng cố nội bộ thật sự trong sạch, vững mạnh.

Năm là: Các cơ quan chức năng cần phát huy vai trò nòng cốt trong việc tham mưu cho Đảng, Nhà nước đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, đề ra các chủ trương, chính sách về bảo đảm an ninh trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng. Phối hợp tổ chức tốt cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, thực hiện phương châm tư tưởng phải đi trước một bước, không để bị động đối phó. Chủ động phát hiện các vấn đề phức tạp nảy sinh trong hoạt động và dịch vụ văn hóa ảnh hưởng đến an ninh trật tự để tham mưu cho Đảng, Nhà nước; kiến nghị các ngành, các cấp có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời nhằm bịt kín những sơ hở, thiếu sót, ngăn chặn các nguy cơ tiềm ẩn xâm phạm an ninh quốc gia nói chung, an ninh trong lĩnh vực văn hóa - tư tưởng nói riêng. Bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng; bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tổ

chức cơ sở đảng trong cơ quan an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng; tổ chức tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam và xu hướng toàn cầu hóa thâm nhập, phá hoại, tác động, chuyển hóa từ bên trong, tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trong các lĩnh vực an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng.

Trên đây, là những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình lịch sử, nhất là trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Sự nghiệp này là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân lao động chứ không phải của riêng ai.

Sinh viên là lớp người trẻ khỏe, có trình độ, dám nghĩ, dám làm, giám chịu trách nhiệm, hơn ai hết chúng ta phải nhận thức đầy đủ, hành động đúng đắn, đáp ứng với yêu cầu của cách mạng, của thời đại. Rèn luyện, tu dưỡng bản thân để phấn đấu trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội góp phần vào sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao nói bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của các quốc gia?
2. Trình bày quan điểm của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng ?
3. Trình bày những nhiệm vụ cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng ?
4. Trình bày những giải pháp về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng?
5. Trách nhiệm của sinh viên về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng?

Bài QA22: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN

Mục tiêu:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về bản chất, tính chất, điều kiện của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định những giải pháp cơ bản để giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Nâng cao trách nhiệm trong nhận thức và hành động đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung:

1. Bản chất, tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

1.1 Bản chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một hiện tượng đa chiều, phức tạp, có rất nhiều mối liên hệ, nhiều thuộc tính phong phú, song thuộc tính cơ bản nhất, hay *bản chất của nó chính là sự tiếp tục của nền chính trị, của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng thủ đoạn bạo lực vũ trang*. Như vậy, về kết cấu bản chất chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa gồm hai mặt cơ bản.

Một là: chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự tiếp tục của nền chính trị xã hội chủ nghĩa, mà chủ yếu là tiếp tục thực hiện đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bởi vì, tuy chính trị mà chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa tiếp tục và kế tục, bao gồm ý thức chính trị, hoạt động chính trị, tổ chức chính trị, quan hệ chính trị... của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đường lối chính trị của Đảng là sự phản ánh tự giác, đầy đủ nhất quyền lợi cốt tử nhất, chủ yếu nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Hai là: chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thực hiện chủ yếu bằng bạo lực vũ trang.

Trong bản chất chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hai mặt này liên hệ, thống nhất biện chứng với nhau, nhưng vai trò của chúng không ngang bằng nhau, trong đó đường lối chính trị của Đảng là mục đích, đóng vai trò chủ thể, như cái toàn thể quyết định đấu tranh vũ trang. Mọi hoạt động chuẩn bị, tiến hành, kết thúc chiến tranh đều phải xuất phát và nhằm phục vụ đường lối chính trị của Đảng. Thông qua chiến lược quân sự, đường lối chính trị của Đảng tác động đến nghệ thuật chiến dịch, phương pháp chiến đấu và toàn bộ các hoạt động kinh tế, ngoại giao ... nhằm phục vụ chiến tranh. Việc mở ra hay kết thúc một hướng chiến lược, một chiến dịch - chiến lược, một cuộc hội đàm thương lượng trên mặt trận ngoại giao... qui mô, nhịp độ đấu tranh vũ trang, thậm chí thời điểm sử dụng các loại vũ khí phương tiện chiến tranh hoặc phương pháp tác chiến mới hoàn toàn không thuần túy là những công việc chuyên môn đơn thuần của các nhà quân sự, ngoại giao mà suy tới cùng đều bị chi phối định hướng của đường lối chính trị của Đảng. Tuy là mặt tương đối ổn định, nhưng trong quá trình chiến tranh, đường lối chính trị của Đảng cũng có thể vận động biến đổi. Sự vận động, phát triển của đường lối chính trị sớm muộn cũng kéo theo sự biến đổi của các hình thức, phương pháp đấu tranh vũ trang...

So với đường lối chính trị, đấu tranh vũ trang vận động biến đổi nhiều hơn, nhưng nó lại là mặt quan trọng không thể thiếu của bản chất chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để tiếp tục một cách thắng lợi đường lối chính trị của Đảng trong chiến tranh, nhân dân ta phải tiến hành nhiều

hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, từ kinh tế, chính trị, quân sự đến ngoại giao... nhưng đấu tranh vũ trang, hoạt động quân sự đã đang và luôn luôn là phương tiện, công cụ chủ yếu để thực hiện thắng lợi đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các hoạt động khác, mặc dù rất quan trọng, cũng chỉ là các hoạt động hỗ trợ cho đấu tranh vũ trang. Kết quả của các hoạt động đấu tranh vũ trang không chỉ góp phần duy trì sự tồn tại, phát triển của các tiềm lực kinh tế, chính trị, khoa học và công nghệ mà còn ảnh hưởng to lớn đến đường lối chính trị của Đảng trong chiến tranh.

Là một vấn đề cốt tử, quyết định sự tồn tại phát triển của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nên việc nhận thức, vận dụng bản chất của cuộc chiến tranh này vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, lĩnh vực quân sự và quốc phòng nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Để nhận thức, vận dụng đúng cần xem xét bản chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa một cách toàn diện, trên cơ sở đường lối chính trị của Đảng cần chú ý đến đấu tranh vũ trang. Tránh tuyệt đối hoá, hoặc tách rời các mặt với nhau, đồng thời kiên quyết chống quan điểm coi nhẹ hoặc phủ nhận vai trò của đường lối chính trị, sự lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh, trong lĩnh vực quân sự quốc phòng...

1.2. Tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa có nhiều tính chất: tính chất chính trị xã hội, tính chất kỹ thuật quân sự... Cho nên, tùy cách tiếp cận và mục đích nghiên cứu, có thể khái quát các tính chất ấy theo các hình thức khác nhau. Sau đây là một cách khái quát.

Tính chất tự vệ, cách mạng, chính nghĩa triệt để nhất

Vốn giàu lòng nhân ái, sớm có truyền thống yêu chuộng hoà bình, nên nhân dân Việt Nam từ ngàn xưa đã căm ghét chiến tranh, nhất là chiến tranh xâm lược. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua giai cấp công nhân là đội tiên phong, một giai cấp cần lao luôn lấy hoà bình và lao động làm lẽ sống của mình, một Đảng luôn chỉ có mục tiêu cao nhất là bảo vệ và mang lại hạnh phúc cho con người, trong đó có mục tiêu bảo vệ quyền được sống, được mưu cầu hạnh phúc của con người, nên truyền thống tốt đẹp ấy của dân tộc lại tiếp tục được kế thừa và phát huy lên một tầm cao mới. Vì thế, tuy không muốn, nhưng chính hành động xâm lược đã man tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, buộc chúng ta phải cầm súng, phải tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Do vậy, mục đích của cuộc chiến tranh ấy là để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền được sống được tồn tại, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội tốt đẹp nhất trong lịch sử, chế độ duy nhất có thể bảo vệ và mang lại hạnh phúc cho toàn dân, vinh quang và sự trường tồn của dân tộc. Nên ngoài mục đích tự vệ chính đáng, cuộc chiến tranh này không những không đe dọa chủ quyền của bất cứ quốc gia dân tộc

nào, mà còn góp phần loại bỏ, ngăn chặn hành động xâm lược, bảo vệ nền độc lập dân tộc của các quốc gia khác và môi trường hoà bình phát triển trên thế giới.

Là sự tiếp tục và kế tục nền chính trị cách mạng vô sản, nên tất yếu cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng. Tính cách mạng thể hiện trong mọi nội dung, hình thức của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhưng nó được thể hiện tập trung nhất trong mục đích của cuộc chiến tranh này. Vì thế, có thể sử dụng nhiều hình thức, phương pháp tác chiến khác nhau để giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhưng tính cách mạng của cuộc chiến tranh này đòi hỏi phải luôn luôn quán triệt tư tưởng tiến công, ngay cả trong tác chiến phòng ngự, phải kiên quyết chiến đấu để đạt tới thắng lợi trọn vẹn và không được phép thoả mãn, dừng lại khi chưa đạt được mục đích của chiến tranh.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là cuộc chiến tranh mang tính **chết** chính nghĩa cao nhất trong lịch sử. Bởi cuộc chiến tranh này không chỉ có mục đích đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân lao động, với xu thế thời đại, có giai cấp công nhân - giai cấp tiên tiến nhất của thời đại lãnh đạo mà còn phù hợp với luật pháp quốc tế, lương tri của thời đại. Nó không chỉ bảo vệ cuộc sống của dân tộc Việt Nam mà còn chặn đứng bàn tay tội ác của các thế lực dã man tàn bạo nhất của thời đại, giúp các dân tộc khác thoát khỏi hoạ xâm lăng, khỏi ách áp bức nô dịch.

Đây là một trong những thuộc tính cơ bản nhất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nó là ngọn nguồn và tâm điểm tạo nên sức mạnh tinh thần, sức mạnh vô địch của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong chiến tranh. Nó không chỉ giúp nhân dân ta nhận thức được tính tất yếu, sự cần thiết và ý nghĩa của những hy sinh gian khổ khi phải tiến hành chiến tranh, từ đó đoàn kết nhất trí, sẵn sàng hy sinh tất cả, vượt qua gian khổ, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng, mà còn giúp nhân dân thế giới hiểu rõ hơn giá trị của cuộc chiến tranh của nhân dân ta đối với sự nghiệp bảo vệ nền hoà bình tiến bộ của nhân loại nói chung và với mỗi quốc gia dân tộc nói riêng, từ đó đoàn kết giúp đỡ nhân dân ta tiêu diệt kẻ thù. Vì thế, việc quán triệt sâu sắc đối với các tầng lớp nhân dân trong nước và tuyên truyền sâu rộng trên trường quốc tế về tính tự vệ cách mạng, chính nghĩa của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong suốt quá trình trước, trong và sau chiến tranh là cực kỳ quan trọng. Đồng thời phải thường xuyên, kiên quyết, kịp thời đấu tranh vạch trần sự sai trái về lý luận và nguy hại về thực tiễn của những quan điểm coi nhẹ hoặc phủ nhận tính chất tự vệ, cách mạng, chính nghĩa của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bởi những quan điểm đó không chỉ sai lầm về lý luận mà còn phản động về chính trị. Nó không chỉ tước đi sức mạnh lớn nhất, nguồn tiềm năng to lớn nhất để khơi dậy mọi sức mạnh của mỗi con người và toàn thể dân tộc Việt Nam, làm mất đi khả năng tranh thủ sức mạnh của thời đại, đẩy cuộc chiến tranh của nhân dân ta vào thế cô lập, mà còn xoá nhòa ranh giới giữa nhân dân ta người bị xâm

lược với kẻ xâm lược. Nó không chỉ coi mọi sự mất mát hy sinh vô cùng to lớn về người và của, tính mạng và tài sản của nhân dân ta trong các cuộc chiến tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng thành điều vô nghĩa, mà còn coi các cuộc kháng chiến của nhân dân ta là tội lỗi, không chỉ thể hiện thái độ vong ☉n bội nghĩa với biết bao sự hy sinh xương máu của hàng triệu đồng bào chiến sĩ của lớp thế hệ người Việt Nam trong các cuộc chiến tranh bảo vệ nền độc lập, bảo vệ phẩm giá con người, mà còn bênh vực biện hộ cho các hành động kẻ cướp của các thế lực xâm lược, cổ súy tiếp tay cho những âm mưu và hành động xâm lược của chúng đối với nhân dân, đất nước ta trong thời gian tới. Nên đây thực sự là một tội ác đối với nhân dân và Tổ quốc Việt Nam. Tội ác đó cần được ngăn chặn kịp thời.

Tính chất toàn dân, toàn diện, hiện đại phát triển cao

Toàn dân chuẩn bị, toàn dân tiến hành chiến tranh là đặc trưng của tất cả các cuộc chiến tranh nhân dân. Nhưng số lượng, chất lượng và mức độ tham gia của nhân dân vào tiến trình và kết cục của chiến tranh lại rất khác nhau. Sự khác nhau đó là do mục đích tiến hành chiến tranh, giai cấp lãnh đạo chiến tranh và điều kiện lịch sử diễn ra chiến tranh qui định. Với mục đích bảo vệ độc lập chủ quyền của Tổ quốc, thành quả của biết bao mồ hôi xương máu của các thế hệ người Việt Nam trước đây dựng xây nên, điều kiện tồn tại, phát triển của các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau, bảo vệ chế độ xã hội tốt đẹp nhất trong lịch sử, chế độ duy nhất có thể giải phóng triệt để con người, mang lại hạnh phúc và cứu con người thoát khỏi mọi ách áp bức bóc lột và mọi sự tha hoá. Mục đích ấy chính là lợi ích sống còn của cả dân tộc, lợi ích thiết thân của mỗi con người Việt Nam, nên nó không chỉ đáp ứng nguyện vọng thiết tha của đông đảo quần chúng nhân dân, thôi thúc họ tự giác tham gia tích cực, tự nguyện hy sinh tính mạng, tài sản cho chiến tranh, mà còn động viên khích lệ họ dũng cảm vượt qua muôn vạn khó khăn gian khổ sáng tạo ra muôn ngàn các loại vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, tạo lập nên những cách đánh thần kỳ táo bạo để tiêu diệt kẻ thù bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Tính tích cực tự giác của quần chúng nhân dân trong chiến tranh lại được sự lãnh đạo sáng suốt của đường lối tiến hành chiến tranh đúng đắn, sự quản lý tổ chức chặt chẽ, linh hoạt, sáng tạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức quần chúng từ trung ương đến cơ sở, cùng hệ thống phương tiện và điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ hơn rất nhiều các cuộc chiến tranh giải phóng trước đây. Cho nên, số lượng quần chúng nhân dân và số lượng, chất lượng các hoạt động tham gia chiến tranh của họ vào chiến tranh sẽ đạt tới trình độ cao nhất, tính chất toàn dân của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sẽ được phát huy cao nhất.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cũng là cuộc chiến tranh mà tính toàn diện và hiện đại phát triển cao. Điều này, một mặt bị qui định bởi âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, bởi tính qui luật giành thắng lợi trong chiến tranh của các cuộc chiến tranh hiện đại của nhân dân ta nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã

hội chủ nghĩa. Mặt khác, tính toàn dân phát triển cao, sự thống nhất toàn vẹn của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, những thành tựu của sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước là những tiền đề, điều kiện giúp cho tính toàn diện, hiện đại của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thực hiện triển khai đầy đủ hơn các cuộc chiến tranh giải phóng trước đây.

Tính toàn dân toàn diện, hiện đại của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở sự tham gia tự giác, tích cực, chủ động của tất cả các tầng lớp nhân dân, không phân biệt già, trẻ, trai, gái, dân tộc, tôn giáo.. vào mọi hoạt động của chiến tranh, từ chuẩn bị chiến tranh, tiến hành và kết thúc chiến tranh, từ kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học và công nghệ đến quân sự; từ giúp đỡ các lực lượng vũ trang chiến đấu đến trực tiếp tham gia chiến đấu bằng những phương tiện hiện có dưới những hình thức, phương pháp hiện đại.

Các tính chất trên đây là yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải thực hiện; đồng thời cũng là những ưu thế của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa so với các cuộc chiến tranh khác trong lịch sử, nhất là so với các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Do vậy, chúng ta cần nhận thức đúng và hiện thực hoá đầy đủ các tính chất này trong toàn bộ quá trình chuẩn bị, tiến hành và kết thúc chiến tranh, trong mọi lĩnh vực hoạt động, mọi vùng miền, từ trung ương đến cơ sở, từ chiến lược, chiến dịch đến chiến thuật. Tránh tuyệt đối hoá, tách rời các tính chất với nhau.

2. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

2.1. Điều kiện hiện nay của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- Hiện nay, nếu chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa xảy ra chúng ta sẽ có những điều kiện thuận lợi sau.

Trong điều kiện hoà bình, hợp tác và phát triển đang là xu thế lớn của thời đại, toàn cầu hoá, nhất là toàn cầu hoá kinh tế đang phát triển mạnh mẽ; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là khoa học và công nghệ thông tin đang phát triển như vũ bão có những đột phá lớn; với tư cách là một thành viên của Liên hiệp quốc, Uỷ viên không thường trực của tổ chức này, thành viên của Tổ chức thương mại quốc tế, là thành viên của nhiều tổ chức lớn nhỏ trong khu vực và trên thế giới, sự giao lưu, hợp tác, uy tín của nước ta trên trường quốc tế ngày càng tăng, nếu chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiến hành xâm lược nước ta nhất định chúng sẽ nhanh chóng gặp phải sự phản đối của nhiều tổ chức và lực lượng trên thế giới. Theo đó, nhân dân ta sẽ nhận được sự ủng hộ giúp đỡ với những mức độ khác nhau của nhân dân và bạn bè quốc tế.

Sau những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã mạnh hơn bao giờ hết. Tiềm lực kinh tế, chính trị tinh thần, khoa học và công nghệ...không ngừng được củng cố và tăng cường. Niềm tin của

nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thắng lợi của công cuộc đổi mới ngày càng cao. Sự đồng thuận trong xã hội, khối đoàn kết toàn dân tộc, niềm tự hào, tự tôn dân tộc ngày càng cao, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; sức mạnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang ngày càng được củng cố và phát huy. Đây là những thuận lợi lớn của nhân dân ta trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

- Cùng với những thuận lợi, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (nếu xảy ra hiện nay) còn có những khó khăn sau.

Hiện nay, tương quan so sánh lực lượng vẫn đang tạm thời nghiêng về phía có lợi cho chủ nghĩa đế quốc. Sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa - trụ cột của hòa bình thế giới - và phong trào cách mạng lâm vào thoái trào, yếu tố trên là cơ hội "ngàn vàng" để các lực lượng phản cách mạng bộc lộ hoàn toàn dã tâm xâm lược, khát vọng cuồng chiến. Hơn nữa, thế và lực của địch đã lớn mạnh hơn rất nhiều so với những năm cuối của thế kỷ XX. Với việc nắm giữ những tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ và quân sự khổng lồ, nhất là việc có trong tay những loại vũ khí công nghệ cao với những ưu thế vượt trội đã cung cấp nhiều hơn những công cụ phương tiện để các thế lực thù địch thực hiện mưu đồ can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia trên thế giới, xoá sổ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trong đó có Việt Nam và như một liều thuốc kích thích làm cho bản năng hiếu chiến của chúng trở nên hung bạo hơn. Tình hình đó đã làm chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới với tính chất ngày càng phức tạp.

Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nền kinh tế xã hội nước ta vẫn còn gặp không ít những thách thức, khó khăn. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Quy mô nền kinh tế nước ta, so với tốc độ phát triển của các nước trong khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ, thì nước ta còn nhỏ, tốc độ tăng trưởng thấp. Trình độ khoa học và công nghệ, năng suất lao động còn chưa cao, cân đối vĩ mô của nền kinh tế chưa bền vững. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. "Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng tình hình mới". "Bộ máy quản lý nhà nước các cấp, nhất là cấp cơ sở còn yếu kém... Tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm ở một bộ phận công chức chậm được khắc phục. Dân chủ trong xã hội nhiều nơi bị vi phạm" kỷ cương phép nước không nghiêm... "Chất lượng các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ở một số nơi chưa đạt yêu cầu". Trong khi đó "Các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết thực hiện âm mưu "Diễn biến hoà bình", gây bạo loạn lật đổ...hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta". Những khó khăn và thách thức to lớn trên đây sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng giành thắng lợi của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, những thuận lợi và khó khăn của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa luôn vận động, diễn biến phức tạp và chuyên hoá không ngừng. Chúng vừa cung cấp những điều kiện tiền đề cơ sở vừa đặt ra những yêu cầu nhiệm vụ đòi hỏi chúng ta phải đáp ứng, giải quyết. Do vậy, để phát huy cao nhất những thuận lợi đồng thời khắc phục kịp thời những khó khăn kiên quyết giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa chúng ta cần nhận thức đầy đủ và đáp ứng tốt nhất những yêu cầu cơ bản sau.

2.2 Những yêu cầu và giải pháp cơ bản để giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện hiện nay

- Quán triệt và thực hiện triệt để mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới

Ngày nay, chúng ta ngày càng thấy rõ tiến hành chiến tranh không phải là hình thức, biện pháp duy nhất để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhưng nếu buộc phải sử dụng, thì hình thức, biện pháp này cũng phải hướng tới thực hiện kiên quyết triệt để mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa như Đại hội IX của Đảng và Hội nghị Trung ương 8 khoá IX xác định. "... bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững ổn định và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Như vậy, mục tiêu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa rất phong phú, trong đó có thể thấy nổi lên 2 mặt cơ bản là: Bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Hai mặt này luôn thống nhất biện chứng tác động qua lại lẫn nhau làm tiền đề cho nhau tồn tại phát triển. Sự thống nhất này là ngọn nguồn sức mạnh, không chỉ qui định sự vận động, phát triển của toàn bộ cuộc chiến tranh, mà còn qui định tính chất, mục tiêu của mọi lĩnh vực hoạt động trong chiến tranh. Không chỉ các hoạt động quân sự, hoạt động đấu tranh vũ trang của 3 thứ quân bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, mà các hoạt động kinh tế, ngoại giao, văn hoá, tinh thần... đều phải xuất phát và phải hướng tới làm cho mục tiêu ấy được thực hiện thắng lợi. Hoạt động của các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang dù diễn ra dưới bất cứ hình thức, qui mô, tính chất nào cũng phải luôn bám sát và thực hiện bằng được mục tiêu bảo vệ toàn vẹn độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam và bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thực hiện được mục tiêu này chính là phá tan âm mưu cơ bản nhất, mục tiêu lớn nhất chi phối toàn bộ mọi âm mưu, hành động của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đối với nước ta trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Cho nên, mọi biểu hiện xa rời mục tiêu trên đây, tách rời, tuyệt đối hoá mục tiêu bảo vệ Tổ quốc, coi nhẹ, thậm chí phủ nhận mục tiêu bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa đều là sự sai lầm về lý luận, có hại về thực tiễn, đều là sự xa rời mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam; gây tổn hại đến thể và lực của nhân dân ta trong chiến tranh và nhất định không tranh khởi thất bại. Vì thế, những nhận thức và biểu hiện trên đây dù diễn ra dưới hình thức gì, ở thời điểm trước, trong hay sau chiến tranh, thuộc cấp chiến lược hay chiến dịch, chiến thuật, ở địa phương hay Trung ương, trong quân sự hay dân sự... đều cần đấu tranh phê phán và ngăn chặn kịp thời.

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong toàn bộ quá trình: trước, trong và sau chiến tranh

Lý luận và thực tiễn đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong đó có các cuộc chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sở dĩ có được thành tựu đó, trước hết, là vì Đảng ta có lý luận tiên phong, luôn luôn định ra đường lối chiến lược sách lược đúng đắn, có tổ chức chặt chẽ từ Trung ương tới cơ sở, có hàng triệu đảng viên trung kiên sẵn sàng hy sinh gian khổ kiên quyết lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi mọi đường lối chủ trương của Đảng, kể cả trong những lúc gay go gian khổ ác liệt nhất. Thứ hai, Đảng ta được tôi luyện thường xuyên trong đấu tranh và chiến tranh cách mạng. Điều đó đã tạo nên cho Đảng ta một bản lĩnh chính trị kiên định, độc lập, tự chủ, sáng tạo; vững vàng trước mọi biến động của thời cuộc và những sức ép rất lớn của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước đưa sự nghiệp cách mạng nước ta, trong đó có các cuộc chiến tranh nhân dân vượt qua mọi thử thách hiểm nghèo ®️️ đến bến bờ thắng lợi.

Ngày nay, khi tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, khó lường, đất nước đang hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, chỉ có sự lãnh đạo của Đảng với thế giới quan phương pháp luận đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mới giúp nhân dân ta nhận thức đúng mối quan hệ giữa đối tác và đối tượng, mới vừa tranh thủ được sự hợp tác của mọi lực lượng quốc tế vừa thường xuyên nêu cao cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta mới có đường lối chiến lược, sách lược chuẩn bị, tiến hành và kết thúc chiến tranh đúng đắn; mới giải quyết được hài hoà mối quan hệ giữa bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, giải quyết hài hoà lợi ích giữa các tầng lớp nhân dân, giữa lợi ích quốc gia dân tộc và quốc tế... để tạo nên động lực to lớn, sự thống nhất giữa các lực lượng trong nước và thế giới tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của địch bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cả trước, trong và sau chiến tranh.

Để giữ vững tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngay từ trong hoà bình, từ lúc này cần khẩn trương bổ sung hoàn thiện đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh

nhân dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới; đồng thời cần chủ động dự báo chính xác các khả năng tình huống có thể xảy ra đối với đất nước để sớm có điều kiện chuẩn bị ngăn ngừa đối phó có hiệu quả khi tình huống đó xảy ra. Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh cơ cấu tổ chức Sảng lãnh đạo sự nghiệp quốc phòng cho đồng bộ và thống nhất từ trung ương đến cơ sở. Cụ thể hoá nội dung cần lãnh đạo về quốc phòng và cơ chế hoạt động nhất là trong khi xử lý các tình huống phức tạp của từng cấp, từng ngành

- Kiên trì, phát triển đường lối tiến hành chiến tranh nhân dân trong điều kiện lịch sử mới

Dựa vào dân, xây dựng thế trận lòng dân, phát động toàn dân đánh giặc là đặc điểm chủ yếu tạo nên ưu thế cơ bản, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam. Truyền thống ấy, ưu thế ấy đã là nguyên nhân cơ bản giúp dân tộc ta nhiều lần chiến thắng những thế lực xâm lược hùng mạnh nhất trong lịch sử. Hiện nay, trong xu thế của nền kinh tế tri thức, quốc phòng tri thức... và phải chống lại cuộc chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao của địch chúng ta vẫn phải kiên trì đường lối tiến hành chiến tranh nhân dân là bởi:

Kẻ thù xâm lược nước ta trong cuộc chiến tranh này, tuy có điểm yếu chí tử là tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa, bị đa số nhân dân và các lực lượng tiến bộ xã hội, yêu chuộng hòa bình phản đối, từ đó dễ nảy sinh những mâu thuẫn nội bộ gay gắt, nhưng chúng vẫn có tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, quân sự lớn hơn ta rất nhiều lần. Hiện nay, trong ưu thế áp đảo tạm thời, cùng với việc lợi dụng kết quả của chiến lược “Diễn biến hòa bình”, kẻ thù có thể liên minh với các lực lượng cơ hội quốc tế và các lực lượng phản động trong nước, tiến hành tiến công nước ta từ nhiều hướng, kết hợp với bạo loạn lật đổ, thực hiện trong đánh ra ngoài đánh vào. Tình hình và những thủ đoạn trên đây của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sẽ gây rất nhiều khó khăn cho ta và đặt ra cho nhân dân ta nhiều vấn đề cần giải quyết.

So với liên minh của các thế lực xâm lược hùng mạnh, tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học và công nghệ của chúng ta vẫn rất nhỏ bé. Cho nên, một mặt, để có thế và lực, có lực lượng vật chất và tinh thần, ý chí quyết tâm và tinh thần sáng tạo, vượt lên sức mạnh vô cùng lớn của các thế lực xâm lược bạo tàn, vượt qua những gian khổ hy sinh rất lớn, giành thắng lợi cuối cùng, chúng ta không có con đường nào khác, con đường dựa vào dân, phát huy sức mạnh của dân. Đúng như Hồ Chí Minh khẳng định: “Bao nhiêu lực lượng sức mạnh đều ở dân, dân giúp đỡ nhiều chúng ta thắng lợi nhiều, dân giúp đỡ ít chúng ta thắng lợi ít. Dời dân ra nhất định chúng ta sẽ thất bại”. Mặt khác, với đường lối lãnh đạo hợp lòng dân, tất cả vì lợi ích nhân dân, cùng ưu thế của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, chúng ta không những cần mà còn đủ điều kiện để tiến hành chiến tranh nhân dân trong điều kiện lịch sử mới.

Tiến hành chiến tranh nhân dân hiện nay vẫn phải tiếp tục thực hiện truyền thống toàn dân đánh giặc, toàn dân tham gia tiến hành chiến tranh một cách toàn diện, trên mọi lĩnh vực, mọi quá trình, mọi giai đoạn của chiến tranh. Đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp. Kết hợp chặt chẽ giữa khơi dậy, qui tụ và phát huy sức

manh của toàn dân, giữa xây dựng phát huy các tiềm lực với khả năng huy động, chuyển hóa các tiềm lực thành nhân tố trong chiến tranh. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thực hiện toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao, kinh tế ...lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu. Kết hợp chặt chẽ kháng chiến với xây dựng, chiến đấu với sản xuất...

Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử mới, những giải pháp truyền thống này cũng đã có sự biến đổi ở các mức độ khác nhau cả về nội dung và phương thức thực hiện. Để có thể huy động được sự tham gia của các tầng lớp nhân dân trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường và ngày càng có mặt nhiều yếu tố nước ngoài, hiện nay, chúng ta phải có cơ chế chính sách, luật pháp khác với chiến tranh nhân dân trong thời kỳ bao cấp để giải quyết hài hòa các lợi ích khuyến khích, động viên nhân dân tự nguyện đóng góp cho chiến tranh và đủ áp lực luật pháp buộc một số giai tầng xã hội thuộc các thành phần kinh tế, dù chưa muốn, thậm chí không muốn cũng phải hy sinh lợi ích đóng góp tương xứng cho chiến tranh. Hiện nay, trong điều kiện hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chủ nghĩa cơ hội mọc lên như nấm, thì sức mạnh dân tộc, nguồn nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đất nước trong cuộc chiến tranh này phải được phát huy cao hơn nhiều lần so với các cuộc chiến tranh giải phóng trước đây, khi chúng ta nhận được sự giúp đỡ to lớn có hiệu quả về nhiều mặt của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Khi địch ngay từ những ngày đầu, giờ đầu có thể bất ngờ phá hủy được phần lớn các trung tâm kinh tế, chính trị ở mọi vùng miền của đất nước, nếu như chúng ta không có kế hoạch phòng tránh đánh trả hiệu quả thì khả năng lãnh đạo, tổ chức của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn đầu của chiến tranh nhằm nhanh chóng chuyển hóa các tiềm lực của đất nước từ thời bình sang thời chiến có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều lần so với các cuộc chiến tranh trước đây khi kẻ địch thực hiện leo thang từng bước, vừa đánh vừa thăm dò, đánh từ ngoài vào trong...

Ngoài những biến đổi trong những giải pháp truyền thống, tiến hành chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh hiện nay còn có những điều kiện, nội dung, hình thức, biện pháp mới.

- Tiến hành chiến tranh nhân dân hiện nay cần và phải được thực hiện trên cơ sở thế trận chiến tranh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân

Đây là điều kiện thuận lợi của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay mà tất cả các cuộc chiến tranh trước đây không có được. Điều kiện này sẽ tạo thêm thế và lực để không chỉ các lực lượng vũ trang chủ động hơn trong thực hiện các đòn tiến công tiêu diệt địch mà còn giúp các tầng lớp nhân dân chủ động phòng tránh, đánh trả các hành động xâm lược của kẻ thù. Cho nên, nó cũng là yêu cầu và giải pháp mới nhằm đối phó có hiệu quả với các âm mưu, hành động xâm lược của địch, trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Thế trận chiến tranh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân bố trí rộng khắp trên cả nước, nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Trên cơ sở thế trận quốc phòng

toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, và các khu vực phòng thủ tỉnh, thành, quận, huyện xây dựng trong hòa bình, thực hiện cả nước là một chiến trường, ở đâu cũng có người đánh giặc, có người bảo vệ an ninh, đánh giặc và bảo vệ an ninh bằng mọi phương tiện vũ khí hiện có, làm cho địch luôn ở thế bị động đối phó. Thế trận ấy rộng khắp, nhưng không dàn đều mà được tập trung vào những hướng, địa bàn, mục tiêu chiến lược, trọng yếu, để vừa có thế công vừa có thế thủ, vừa có thế tác chiến độc lập vừa có thể liên kết hình thành hệ thống thế trận “làng nước” đối phó có hiệu quả với mọi tình huống của chiến tranh.

- Phối hợp chặt chẽ giữa diệt giặc ngoài với đánh thù trong

Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là những giải pháp truyền thống đã được chúng ta thực hiện ngay từ những cuộc chiến tranh giải phóng đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nội dung mới của biện pháp này là ở sự gia tăng vai trò của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, hoạt động chống bạo loạn lật đổ, chống khủng bố.

Bởi, thực tiễn của các cuộc chiến tranh gần đây ở Cô-xô-vô (1999), ở Irắc (2003), và ngay tại Tây nguyên nước ta (2001) và (2004), Tây bắc (2004 - 2011) đã cho thấy khả năng gây bạo loạn chính trị ở nước ta, nhất là trong điều kiện chiến tranh là một thực tế và là một thủ đoạn được kẻ địch rất coi trọng. Do vậy, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, phương tiện nhất là sự phối hợp giữa lực lượng quân đội với lực lượng công an để vừa tiêu diệt giặc ngoài vừa đánh thắng thù trong, bảo vệ toàn vẹn độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa trong suốt trong và sau chiến tranh.

- Kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực

Hợp đồng tác chiến giữa đòn tiêu diệt địch của các tầng lớp nhân dân, của dân quân, tự vệ với các cuộc tiến công của bộ đội chủ lực là truyền thống, nghệ thuật quân sự Việt Nam trong các cuộc chiến tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng sự phối hợp này đạt tới mức nào là tùy điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Cái mới trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là sự phối hợp này được thực hiện chặt chẽ ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh. Hoạt động của chiến tranh nhân dân địa phương có vị trí chiến lược quan trọng, bởi nó có thể đánh địch nhanh nhất kịp thời nhất, rộng khắp, ngay từ những thời điểm ban đầu của chiến tranh. Nó tạo địa bàn, thế trận có lợi giúp các binh đoàn chủ lực tác chiến thắng lợi. Chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực thực hiện các đòn tiến công tiêu diệt lớn quân địch, tạo bước chuyển căn bản về so sánh lực lượng có lợi cho toàn cuộc chiến tranh của nhân dân ta, đồng thời hỗ trợ cho chiến tranh nhân dân phát triển thuận lợi. Hơn nữa, sự phối hợp này trong cuộc chiến tranh nhân dân hiện nay rất cần sự phối hợp tích cực, có hiệu quả của lực lượng công an nhân dân trên mọi vùng miền của đất nước.

Chỉ có trên cơ sở thực hiện những giải pháp này chúng ta mới thực hiện được tư tưởng tiến công, tổ chức toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đánh địch bằng mọi thứ vũ khí hiện có, đánh bại các thủ đoạn tác chiến của địch trên các môi trường... đi tới giành thắng lợi hoàn toàn.

- Sẵn sàng chiến đấu lâu dài, đồng thời chủ động giành thắng lợi trong thời gian ngắn.

Yêu cầu và giải pháp trên đây như một quyết tâm chiến lược xuất phát từ so sánh lực lượng giữa ta và địch trong chiến tranh. Với tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học và công nghệ nhỏ hơn nhiều lần so với các thế lực xâm lược, nên thực hiện chiến lược đánh lâu dài, để đánh bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, đẩy địch vào thế sa lầy, bị động, từ đó chuyển hoá dần dần so sánh lực lượng có lợi cho ta, đã trở thành một trong những bài học quý báu trong truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta. Điểm mới trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là cùng với việc xác định đánh lâu dài, chúng ta chủ trương chủ động tạo thời cơ, nắm thời cơ để giành thắng lợi trong thời gian ngắn. Quyết tâm chiến lược này xuất phát từ yêu cầu hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất về người và của cho nhân dân, sự gián đoạn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nó còn là kết quả của việc đánh giá đúng sự phát triển vượt bậc về thế và lực của chúng ta trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay so với tất cả các cuộc chiến tranh trước đây.

Tuy nhiên, thời gian của chiến tranh không hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của chúng ta, suy cho cùng nó phụ thuộc vào so sánh lực lượng tổng hợp của các bên tham chiến. Do vậy, để rút ngắn thời gian chiến tranh, chúng ta cần chủ động tạo và nắm thời cơ, kịp thời thực hiện các đòn tiến công chiến lược trên các lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực quân sự, tạo được bước chuyển biến căn bản về so sánh lực lượng, buộc địch phải cay đắng chấp nhận thất bại, chấm dứt chiến tranh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Bản chất, tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa?
2. Những yêu cầu và giải pháp cơ bản giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay?

Bài QA23: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI TĂNG CƯỜNG, Củng cố QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về tính tất yếu khách quan của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Vận dụng phù hợp vào quá trình học tập và rèn luyện của bản thân;
- Sẵn sàng tham gia phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng và an ninh.

Nội dung:

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

Hoạt động kinh tế là hoạt động cơ bản, thường xuyên, gắn liền với sự tồn tại của xã hội loài người. Đó là toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, phục vụ cho nhu cầu đời sống con người.

Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, bao gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội... nhằm mục đích bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước.

An ninh, trạng thái của quốc gia có sự ổn định về mọi mặt, các lợi ích quốc gia được toàn vẹn không bị xâm phạm hoặc bị đe dọa xâm phạm. Ở Việt Nam, bảo vệ an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của cả hệ thống chính trị do lực lượng an ninh làm nòng cốt; bảo vệ an ninh luôn kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng.

Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng và an ninh ở nước ta là hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh tế, quốc phòng và an ninh trong một chính thể thống nhất trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược “*Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*” của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong một chính thể thống nhất. Quan điểm trên là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, có cơ sở lý luận và thực tiễn:

1.1 Cơ sở lý luận của sự kết hợp

Kinh tế, quốc phòng và an ninh là những mặt hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, dân tộc độc lập có chủ quyền. Mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của hệ thống quy luật riêng, song giữa chúng lại có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, kinh tế là yếu tố suy cho đến cùng quyết định đến quốc phòng, an ninh; ngược lại, quốc phòng và an ninh cũng có tác động tích cực trở lại với kinh tế, bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, bản chất của quốc phòng, an ninh. Lợi ích kinh tế, suy cho đến cùng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó, phải có hoạt động quốc phòng, an ninh.

Bản chất của chế độ kinh tế - xã hội quyết định đến bản chất của quốc phòng, an ninh. Xây dựng sức mạnh quốc phòng và an ninh vì mục đích bảo vệ và đem lại lợi ích cho mọi thành viên trong xã hội là do bản chất của chế độ xã hội, xã hội chủ nghĩa quy định; còn tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh vì mục đích bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản cầm quyền, thực hiện chiến tranh xâm lược là do bản chất của chế độ kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa quyết định.

Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho hoạt động quốc phòng, an ninh. Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội”; “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế...”. Vì vậy, để xây dựng quốc phòng và an ninh vững mạnh phải xây dựng, phát triển kinh tế.

Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh, qua đó quyết định đến tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang; quyết định đến đường lối chiến lược quốc phòng, an ninh. Để xây dựng chiến lược quốc phòng và an ninh quốc gia của mỗi nước, phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang và vào trang bị vũ khí kỹ thuật hiện có là căn cứ đặc biệt quan trọng. Những yếu tố này đều phụ thuộc vào nền kinh tế.

Quốc phòng và an ninh không chỉ phụ thuộc vào kinh tế mà còn tác động trở lại với kinh tế trên cả góc độ tích cực và tiêu cực. Quốc phòng và an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong thời bình, ở mức độ nhất định cũng có tác dụng kích thích kinh tế phát triển. Tiêu dùng cho hoạt động quốc phòng, an ninh, một mặt, đặt ra cho nền kinh tế phải sản xuất ra sản phẩm, hoặc thông qua mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nó; mặt khác, sẽ tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế.

Hoạt động quốc phòng và an ninh tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Những tiêu dùng này, như V.I.Lênin đánh giá tiêu dùng “mất đi”, không quay vào tái sản xuất xã hội. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng của xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động quốc phòng và an ninh (thông qua học thuyết quân sự, chiến lược quân sự quốc phòng và an ninh) còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế. Hoạt động quốc phòng và an ninh còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra. Để hạn chế những tác động tiêu cực này, phải kết hợp tốt cùng cố tăng cường quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế vào một chỉnh thể thống nhất.

Từ sự phân tích trên đây cho thấy, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh là một tất yếu khách quan. Mỗi lĩnh vực hoạt động có nội dung, phương thức riêng nhưng lại có sự thống nhất ở mục đích chung, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia và ngược lại. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rõ mỗi lĩnh vực có quy luật phát triển đặc thù, do đó, việc kết hợp phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lý, cân đối và hài hòa.

1.2 Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

Nhìn vào tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới chúng ta thấy, dù là nước lớn hay nước nhỏ; kinh tế phát triển hay chưa phát triển; dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh, kể cả những nước mà hàng trăm năm nay chưa có chiến tranh.

Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, trong mỗi giai đoạn phát triển thì sự kết hợp cũng khác nhau.

Ở Việt Nam, sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh đã có lịch sử lâu dài. Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật sống còn của dân tộc ta.

Đứng trước nguy cơ thường xuyên bị đe dọa, xâm lược và thôn tính của các thế lực thù địch, để xây dựng và phát triển đất nước, ông cha ta đã có những chủ trương, kế sách thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong quá trình dựng nước và giữ nước. Các triều đại phong kiến Việt Nam luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: “Nước lấy dân làm gốc”, “Dân giàu, nước mạnh”, “Quốc phú binh cường”; thực hiện “Khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc”, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để “yên dân” mà “vạn đắc”. Thực hiện kế sách “Ngụ binh ư nông”, “Động vi binh, tĩnh vi dân” để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc. Trong xây dựng, phát triển kinh tế, đã sử dụng nhiều chính sách như khai hoang lập ấp ở những nơi xung yếu để “Phục binh sẵn, phá thế giặc dữ” từ xa; phát triển nghề thủ công để vừa sản xuất ra các công cụ sản xuất, vừa sản xuất ra các vũ khí, phương tiện phục vụ cho toàn dân đánh giặc; chăm lo mở mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch, xây đắp đê điều để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo thế trận đánh giặc, cơ động lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh một cách nhất quán với những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954) Đảng ta đề ra chủ trương “Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, “Vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”; vừa thực hiện phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp; “Xây dựng làng kháng chiến”, địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp.

Ở miền Bắc, để bảo vệ chế độ xã hội Chủ nghĩa và xây dựng hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra chủ trương: “*Trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế*”. Theo tinh thần đó, miền Bắc đã xây dựng, phát triển chế độ xã hội mới, nền kinh tế, văn hoá mới, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; đồng thời kết hợp chặt chẽ với chăm lo củng cố quốc phòng và an ninh vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân và dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

Ở thời kỳ này, chúng ta phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và giải phóng miền Nam, nên việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực, đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kỳ sau.

Thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay) kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh được Đảng ta khẳng định là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và được triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện hơn. Từ năm 1986 đến nay, với tư duy mới về kinh tế và quốc phòng và an ninh, việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Nhờ chính sách nhất quán về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời bình, cùng với phát triển kinh tế là chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng, thế trận quốc phòng. Nhờ vậy, khi đất nước bị xâm lược chúng ta đã động viên được “cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc”, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Do vậy đã góp phần giữ gìn và phát triển đất nước cho đến ngày nay.

2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.1 Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh phải được thể hiện ngay trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế của

quốc gia. Mục tiêu và phương hướng tổng quát phát triển kinh tế - xã hội nước ta từ năm 2006 - 2010 là "... Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Như vậy, trong mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã bao quát toàn diện các vấn đề của đời sống xã hội, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: tăng trưởng kinh tế, tăng cường quốc phòng và an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hòa hai nhiệm vụ cơ bản là phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia.

Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong chiến lược phát triển kinh tế được thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau:

Một là, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh phải được thể hiện ngay trong việc hoạch định mục tiêu chiến lược phát triển quốc gia.

Hai là, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh phải được thể hiện trong huy động nguồn lực.

Ba là, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh phải được thể hiện trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược.

Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh sẽ phát huy sức mạnh của từng lĩnh vực, kết hợp với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp, quy tụ mọi nguồn lực, lực lượng trong nước và quốc tế nhằm hoàn thành thắng lợi mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020.

2.2 Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh theo vùng lãnh thổ là sự gắn kết chặt chẽ phát triển vùng kinh tế chiến lược, với xây dựng vùng chiến lược quốc phòng, an ninh, nhằm tạo ra thế bố trí chiến lược mới cả về kinh tế lẫn quốc phòng và an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên địa bàn tỉnh, thành phố, theo ý đồ phòng thủ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam vững trên toàn cục và mạnh ở từng trọng điểm.

Hiện nay, nước ta đã phân chia thành các vùng kinh tế lớn và các vùng chiến lược, các quân khu (sự phân vùng chiến lược quốc phòng và an ninh là sự phân vùng theo ý đồ phòng thủ và tác chiến bảo vệ Tổ quốc trên từng chiến trường, từng hướng chiến lược của đất nước). Mỗi vùng đều có vị trí chiến lược về phát triển kinh tế và chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, về

lâu dài đều phải quan tâm chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng lực lượng, thế trận quốc phòng và an ninh trên từng vùng lãnh thổ và giữa các vùng với nhau, trong thế trận phòng thủ chung.

Các vùng chiến lược khác nhau có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, nên nội dung kết hợp cụ thể trong mỗi vùng có thể có sự khác nhau. Song việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng và an ninh ở các vùng lãnh thổ, cũng như ở địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải được thể hiện những nội dung chủ yếu sau:

Một là, kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế với quốc phòng và an ninh của vùng, cũng như trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

Hai là, kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu kinh tế địa phương với xây dựng các khu vực phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã phường chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh, thành phố, huyện, quận.

Ba là, kết hợp trong quá trình phân công lại lao động của vùng, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại lực lượng quốc phòng và an ninh trên từng địa bàn, lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế và kế hoạch phòng thủ tác chiến bảo vệ Tổ quốc và trị an. Bảo đảm ở đâu có đất, có biển, đảo là ở đó có dân và có lực lượng quốc phòng và an ninh để bảo vệ cơ sở, bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường... Bảo đảm tính “luỡng dụng” trong mỗi công trình được xây dựng.

Năm là, kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và hậu phương vững chắc cho mỗi vùng và ở các địa phương để sẵn sàng đối phó khi có chiến tranh xâm lược.

Trên cơ sở kết hợp quan điểm toàn cục nói trên, xuất phát từ sự phân tích đặc điểm tiềm năng phát triển kinh tế cũng như vị trí địa chính trị, quân sự, quốc phòng và an ninh của các vùng lãnh thổ trong cả nước, hiện nay Đảng ta xác định phải chú trọng nhiều hơn cho các vùng kinh tế trọng điểm, vùng biển đảo và vùng biên giới.

Đối với các vùng kinh tế trọng điểm

Hiện nay, nước ta xác định 3 vùng kinh tế trọng điểm: phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh: *hạt nhân của vùng*); phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu: *hạt nhân của vùng*); miền Trung (Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Dung Quất Quảng Ngãi: *hạt nhân của vùng*). Các vùng kinh tế trọng điểm nói trên đều là nòng cốt cho phát triển kinh tế của từng miền và cho cả nước. Về kinh tế, các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hoá cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh

tế, các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng, các sân bay, bến cảng, kho tàng, dịch vụ...

Về quốc phòng và an ninh, mỗi vùng kinh tế trọng điểm thường nằm trong các khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước, nơi có nhiều đối tượng, mục tiêu quan trọng phải bảo vệ; đồng thời cũng là nơi nằm trên các hướng có khả năng là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong chiến tranh xâm lược của địch; hoặc đã và đang là địa bàn trọng điểm để địch thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ với nước ta. Vì vậy, phải thực hiện thật tốt phát triển kinh tế gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng và an ninh trên các vùng này.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công hoá lực của địch khi có chiến tranh.

- Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự... Về lâu dài, ở các thành phố, đô thị, các khu kinh tế tập trung, cần có quy hoạch từng bước xây dựng hệ thống “công trình ngầm lưỡng dụng”. Phải bảo vệ, bảo tồn các địa hình, địa vật, các khu vực có giá trị về phòng thủ, khi bố trí các cơ sở sản xuất, các công trình kinh tế, phê duyệt dự án đầu tư nước ngoài. Khắc phục tình trạng chỉ chú ý quan tâm đến lợi thế, hiệu quả kinh tế trước mắt mà quên đi nhiệm vụ quốc phòng và an ninh và ngược lại khi bố trí các khu vực phòng thủ, các công trình quốc phòng, chỉ chú ý đến các yếu tố bảo đảm quốc phòng và an ninh mà không tính đến lợi ích kinh tế.

- Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó. Lựa chọn đối tác đầu tư, bố trí xen kẽ, tạo thế đan cài lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu chế xuất.

- Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và cả cho việc chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp phát triển kinh tế tại chỗ với xây dựng căn cứ hậu phương của từng vùng kinh tế trọng điểm để sẵn sàng chủ động di dời, sơ tán đến nơi an toàn khi có tình huống chiến tranh xâm lược.

Đối với vùng núi biên giới

Vùng núi biên giới của nước ta có chiều dài tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Đây là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân số thấp (trung bình khoảng 20 - 40 người/1km²), kinh tế chưa phát

triển, trình độ dân trí thấp, đời sống dân cư còn nhiều khó khăn. Vùng núi biên giới có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Trước đây các vùng này đã từng là căn cứ địa kháng chiến, hậu phương chiến lược của cả nước. Ngày nay, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, các vùng núi biên giới vẫn là vùng chiến lược hết sức trọng yếu. Trong khi đó, ở đây còn nhiều khó khăn, yếu kém về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh dễ bị kẻ thù lợi dụng để lôi kéo, kích động đồng bào, thực hiện âm mưu chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, nhiều nơi tình hình rất phức tạp. Vì vậy, trước mắt cũng như lâu dài, việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng và an ninh ở vùng núi biên giới là cực kỳ quan trọng.

Việc kết hợp cần tập trung vào các nội dung sau:

- Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng và an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.

- Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới

- Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Trước hết, cần tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, mở mới và nâng cấp các tuyến đường dọc, ngang, các tuyến đường vành đai kinh tế.

- Thực hiện tốt Nghị quyết số 30/A/2008NQ-CP: Về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững

- Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng lo, cùng làm.

- Đặc biệt với các địa bàn chiến lược trọng yếu dọc sát biên giới, cần có chính sách động viên và sử dụng lực lượng vũ trang, lực lượng quân đội làm nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, hoặc các khu quốc phòng - kinh tế, nhằm tạo thế và lực mới cho phát triển kinh tế và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh.

Đối với vùng biển đảo.

Nước ta có vùng biển vừa dài vừa rộng, với diện tích hơn 1 triệu km² (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Vùng biển đảo nước ta có nhiều tiềm năng về hải sản và khoáng sản, là cửa ngõ thông thương giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, có khả năng phát triển một số ngành mũi nhọn của đất nước trong tương lai. Tuy nhiên, việc khai thác lợi thế đó của ta còn nhiều hạn chế, đặc biệt vùng biển đảo của ta hiện nay đang có nhiều tranh chấp rất phức tạp, chứa đựng nguy cơ đe dọa chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và rất dễ bùng nổ xung đột. Trong khi đó, chúng ta lại chưa có chiến lược tổng thể hoàn chỉnh về phát triển kinh tế biển và bảo vệ biển, đảo. Lực lượng và sức mạnh tổng hợp trên biển còn quá mỏng. Vì vậy, việc quan tâm thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng và an ninh trên vùng biển, đảo là đòi hỏi bức bách và rất quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài, nhằm nhanh chóng tạo ra thế và lực

đủ sức bảo vệ, thực thi quyền làm chủ toàn diện trên vùng biển, đảo, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế biển phát triển nhanh làm giàu cho Tổ quốc.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Tập trung trước hết vào xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển kinh tế và xây dựng thế trận quốc phòng và an ninh bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới, làm cơ sở cho việc thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh một cách cơ bản, toàn diện, lâu dài.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch từng bước đưa dân ra vùng ven biển và các tuyến đảo gần trước để có lực lượng xây dựng căn cứ hậu phương, trụ bám phát triển kinh tế và bảo vệ biển, đảo một cách vững chắc, lâu dài.

- Nhà nước phải có cơ chế chính sách thoả đáng động viên, khích lệ dân ra đảo trụ bám làm ăn lâu dài.

- Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ, sinh sống, làm ăn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển, đảo thuộc chủ quyền nước ta với các nước phát triển, nhằm tạo ra các đối tác đan xen lợi ích và đối tượng chống lại sự lấn lướt của các nước lớn. Thông qua đó, vừa thể hiện chủ quyền của nước ta, vừa hạn chế âm mưu bành trướng lấn chiếm biển đảo của các thế lực thù địch, tạo thế và lực để giải quyết hoà bình các tranh chấp trên biển, đảo.

- Chú trọng đầu tư phát triển chương trình đánh bắt xa bờ, thông qua đó xây dựng lực lượng dân quân biển, các hải đoàn tự vệ của ngành Hàng hải, Cảnh sát biển, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời những hoạt động vi phạm chủ quyền biển, đảo của nước ta... Xây dựng một số đơn vị kinh tế - quốc phòng mạnh trên biển, đảo để làm nòng cốt cho phát triển kinh tế biển và tạo thế bảo vệ biển, đảo vững chắc.

- Xây dựng phương án đối phó với các tình huống có thể xảy ra ở vùng biển, đảo nước ta. Mạnh dạn đầu tư xây dựng lực lượng nòng cốt và thế trận phòng thủ trên biển, đảo, trước hết là phát triển và hiện đại hoá lực lượng Hải Quân nhân dân Việt Nam để đủ sức mạnh canh giữ, bảo vệ vùng biển, đảo.

2.3 Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

Một là, kết hợp trong công nghiệp

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, cung cấp máy móc, nguyên nhiên liệu cho các ngành kinh tế khác và cho chính nó cũng như cho công nghiệp quốc phòng; sản xuất sản phẩm tiêu dùng cho xã hội, phục vụ xuất khẩu; sản xuất ra vũ khí, trang thiết bị quân sự đáp ứng nhu cầu của hoạt động quốc phòng, an ninh.

Nội dung kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh và đối ngoại trong phát triển công nghiệp là:

- Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp. Bố trí một cách hợp lý trên các vùng lãnh thổ, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng như cơ khí, chế tạo, điện tử, công nghiệp, điện tử kỹ thuật cao, luyện kim, hoá chất, đóng tàu để vừa đáp ứng nhu cầu trang bị cơ giới cho nền kinh tế, vừa có thể sản xuất ra một số sản phẩm kỹ thuật công nghệ cao phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Phát triển công nghiệp quốc gia theo hướng mỗi nhà máy, xí nghiệp vừa có thể sản xuất hàng dân dụng, vừa có thể sản xuất hàng quân sự. Kết hợp trong đầu tư nghiên cứu, sáng chế, chế tạo, sản xuất các mặt hàng có tính lưỡng dụng cao trong các nhà máy và ở một số cơ sở công nghiệp nặng.

- Các nhà máy công nghiệp quốc phòng trong thời bình, ngoài việc sản xuất ra hàng quân sự phải tham gia sản xuất hàng dân sự chất lượng cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Theo hướng trên, từ nay đến năm 2020, Nhà nước cần tập trung xây dựng một số nhà máy mũi nhọn, có thể tham gia nghiên cứu, sáng chế và sản xuất một số mặt hàng quân sự đáp ứng trang bị cho lực lượng vũ trang, trong đó tập trung vào một số ngành như cơ khí luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử, tin học, hoá dầu.

- Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm cả công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới; ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.

- Thực hiện chuyển giao công nghệ hai chiều, từ công nghiệp quốc phòng vào công nghiệp dân dụng và ngược lại.

- Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến.

- Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến; thực hiện dự trữ chiến lược các nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm cho sản xuất quân sự.

Hai là, kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp

Hiện nay nước ta vẫn còn khoảng gần 70% dân số ở nông thôn và làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp (báo cáo cơ quan thống kê năm 2012). Phần lớn lực lượng, của cải huy động cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là từ khu vực này.

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong các lĩnh vực này cần tập trung chú ý các vấn đề sau:

- Kết hợp phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển, đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng ngành trong nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, làm ra nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị cao phục vụ tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và có lượng dự trữ dồi dào về mọi mặt cho quốc phòng, an ninh.

- Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội như xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới văn minh và hiện đại. Bảo đảm an ninh lương thực và an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ, “thế trận lòng dân” vững chắc.

- Phải kết hợp gắn việc động viên đưa dân ra lập nghiệp ở các đảo để xây dựng các làng, xã, huyện đảo vững mạnh với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã, các đội tàu thuyền đánh cá xa bờ, xây dựng lực lượng tự vệ, lực lượng dân quân biển, đảo; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Hải quân và Cảnh sát biển để bảo vệ biển, đảo.

- Phải đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng núi biên giới nước ta, đặc biệt là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Ba là, kết hợp trong giao thông, bưu điện, y tế, khoa học - công nghệ, giáo dục và xây dựng cơ bản

Trong giao thông vận tải

- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường sông, đường thủy, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá trong nước và mở rộng giao lưu với bên ngoài.

- Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến trục đường Bắc - Nam với tuyến đường trục dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh. Từ các tuyến đường này phải phát triển các tuyến đường nhánh, nối liền giữa các tuyến trục dọc với nhau và phát triển đến các huyện, xã trong cả nước, nhất là đến các xã vùng cao, vùng sâu, miền núi biên giới, xây dựng các tuyến đường vành đai biên giới.

- Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến, nhất là cho các phương tiện cơ động của lực lượng vũ trang có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn, liên tục. Ở những đầu nút giao thông, những nơi dự kiến địch có thể đánh phá trong chiến tranh, phải có kế hoạch làm nhiều đường vòng tránh. Bên cạnh các cây cầu lớn qua sông, phải làm sẵn những bến phà, bến vượt ngầm. Ở những đoạn đường có địa hình cho phép thì làm đường hầm xuyên núi, cải tạo các hang động sẵn có dọc hai bên đường làm kho trạm, nơi trú quân khi cần thiết.

- Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc - Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.

- Ở các vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi lại, bốc dỡ thuận tiện.

- Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay già chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cất hạ cánh máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

- Trong tuyến đường xuyên Á, ở những nơi cửa khẩu, nơi tiếp giáp các nước bạn phải có kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ kiên cố, vững chắc, đề phòng khả năng các thế lực thù địch sử dụng các tuyến đường này khi tiến công xâm lược nước ta với quy mô lớn.

- Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến.

Trong bưu chính viễn thông

- Phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an để phát triển hệ thống thông tin quốc gia hiện đại, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo chỉ huy, điều hành đất nước trong mọi tình huống, cả thời bình và thời chiến.

- Có phương án thiết kế xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc một cách vững chắc trong mọi tình huống.

- Các phương tiện thông tin liên lạc và điện tử cần phải được bảo đảm bí mật và có khả năng chống nhiễu cao, phòng chống chiến tranh thông tin điện tử của địch.

- Khi hợp tác với nước ngoài về xây dựng, mua sắm các thiết bị thông tin điện tử phải cảnh giác cao, lựa chọn đối tác, có phương án chống âm mưu phá hoại của địch.

- Xây dựng kế hoạch động viên thông tin liên lạc cho thời chiến.

Trong xây dựng cơ bản

Đây là lĩnh vực sẽ có nhiều phát triển cả về bề rộng, quy mô trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những công trình này không dễ gì có thể phá đi làm lại, cho nên việc thực hiện kết hợp trong ngành xây dựng phải được tiến hành ngay từ đầu, từ khảo sát điều tra, thiết kế, quy hoạch dự án đầu tư đến thi công xây dựng.

- Khi xây dựng bất cứ công trình nào, ở đâu, quy mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hoá phục vụ được cả cho quốc phòng, an ninh, cho phòng thủ tác chiến và phòng thủ dân sự.

- Khi xây dựng các thành phố đô thị, phải gắn với các khu vực phòng thủ địa phương, phải xây dựng các công trình ngầm (nhà cao tầng có tầng ngầm, giao thông có đường giao thông ngầm).

- Khi xây dựng các khu công nghiệp tập trung, các nhà máy, xí nghiệp lớn, quan trọng đều phải tính đến khả năng bảo vệ và di dời khi cần thiết. Nếu điều kiện cho phép, phải biết tận dụng các địa hình, địa vật sẵn có để tăng tính bảo vệ cho công trình. Hạn chế xâm phạm các địa hình có giá trị về phòng thủ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cần kết hợp trong nghiên cứu sáng chế, chế tạo những vật liệu siêu bền, có khả năng chống xuyên, chống mặn, chống bức xạ, dễ vận chuyển phục vụ xây dựng các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang và của khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

- Khi cấp phép đầu tư xây dựng cho các đối tác nước ngoài, phải có sự tham gia ý kiến của cơ quan quân sự có thẩm quyền.

Trong khoa học và công nghệ, giáo dục

Đây là lĩnh vực đóng vai trò là nền tảng, động lực, là quốc sách hàng đầu đối với sự phát triển của quốc gia. Vì vậy, sự kết hợp là tất yếu, không chỉ là vấn đề cơ bản lâu dài mà còn là vấn đề cấp bách hiện nay.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào:

- Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng và an ninh trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lý sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đề tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm có ý nghĩa vừa phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, có chính sách đầu tư thoả đáng cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học quân sự, khoa học xã hội nhân văn quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự.

- Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng cả sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế, cả quốc phòng, an ninh. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng cho các đối tượng, đặc biệt là trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc gia.

Trong lĩnh vực y tế

- Phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa ngành y tế dân sự với y tế quân sự trong nghiên cứu, ứng dụng, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh cho nhân dân, bộ đội và cho người nước ngoài.

- Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo.

- Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho quân sự khi có chiến tranh xảy ra.

- Phát huy vai trò của y tế quân sự trong phòng chống, khám chữa bệnh cho nhân dân thời bình và thời chiến.

2.4 Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong bảo vệ Tổ quốc là xuất phát từ mục tiêu, lực lượng và phương thức bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia trong tình hình mới. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc

hiện nay là: “Giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

Phương thức bảo vệ Tổ quốc là sự kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và đấu tranh; kết hợp giữa phương thức đấu tranh phi quân sự, phi vũ trang với phương thức quân sự, vũ trang; kết hợp giữa ngăn ngừa, đẩy lùi đồng thời sẵn sàng đối phó thắng lợi với các tình huống phức tạp xảy ra.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của chúng ta là sức mạnh tổng hợp của toàn dân, cả nước; của lực lượng, tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân với lực lượng, tiềm lực và thế trận an ninh nhân dân; kết hợp kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tạo ra sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của toàn dân, của mọi tổ chức chính trị xã hội, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. Vì vậy, phải kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh và đối ngoại ngay trong hoạt động của lực lượng vũ trang.

Nội dung kết hợp cần chú ý:

- Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của quân đội, công an cho phát triển kinh tế. Xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng, các khu quốc phòng kinh tế trên các địa bàn miền núi biên giới, giúp đỡ nhân dân địa phương ổn định sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng và an ninh trên địa bàn. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình để sản xuất hàng hoá dân sự phục vụ dân sinh và xuất khẩu. Thành lập các tổ, đội công tác trên từng lĩnh vực đưa về giúp đỡ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh...

- Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự, công an các cấp trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư có vốn nước ngoài.

2.5 Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

Mục tiêu chung của mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế là giữ vững môi trường hoà bình, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tận dụng ngoại lực, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế, bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Sự phối hợp giữa hoạt động đối ngoại với kinh tế, quốc phòng và an ninh là một trong những nội dung cơ bản của chủ trương đối ngoại trong thời kỳ mới. Đó là sự cụ thể hoá quan điểm kết hợp giữa phát triển kinh tế và giữ vững an ninh quốc gia trong xu thế toàn cầu hoá, sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học, quốc phòng, quân sự của nước ta với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực phải hướng vào việc phục vụ cho phát triển kinh tế trong nước; đồng thời phải giữ vững nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong mở rộng quan hệ đối ngoại.

Nội dung kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng và an ninh trong lĩnh vực đối ngoại cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Mở rộng hoạt động đối ngoại phải quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình.

- Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, phải kết hợp từ khâu lựa chọn đối tác làm ăn. Phải lựa chọn được đối tác có ưu thế chế ngự cạnh tranh với các thế lực mạnh bên ngoài, làm hạn chế sự chống phá của các thế lực thù địch.

- Kết hợp trong việc phân bổ đầu tư vào ngành nào, địa bàn nào có lợi cho phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng và an ninh của quốc gia. Khắc phục tình trạng chỉ thấy lợi ích kinh tế trước mắt mà không tính đến lợi ích lâu dài và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Kết hợp trong xây dựng và quản lý các khu chế xuất, các đặc khu kinh tế liên doanh, liên kết đầu tư với nước ngoài, bảo vệ chủ quyền an ninh đất nước, Chú trọng xây dựng các đoàn hội, lực lượng tự vệ trên cơ sở Nhà nước có luật pháp quy định rõ ràng. Đồng thời phải chú trọng bồi dưỡng ý thức tự tôn dân tộc, tinh thần cảnh giác đấu tranh bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia cho cán bộ, nhân viên là người Việt Nam làm việc trong các cơ sở đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Phát huy vai trò của cán bộ, nhân viên các đại sứ quán, lãnh sự quán của nước ta ở nước ngoài trong việc quảng bá sản phẩm hàng hoá, truyền thống Việt Nam; đồng thời nắm vững đường lối đối ngoại, đường lối quân sự của nước ngoài cung cấp tình hình giúp Đảng, Nhà nước hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn.

3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

3.1 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh

Vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong việc kết hợp được thể hiện ở chỗ:

- Thường xuyên nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, kịp thời đề ra những quyết định lãnh đạo ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh một cách đúng đắn, thường xuyên.

- Gắn chủ trương lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực tiễn thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp uỷ đảng.

Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh phải:

- Từng cấp phải làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ đã ban hành ngày 11/5/2004.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy hoạch, kế hoạch kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở ngành, bộ, địa phương cơ sở của mình dài hạn và hàng năm.

- Đổi mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, nắm tình hình, thu thập xử lý thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá trình thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở ngành, địa phương mình.

3.2 Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh cho các đối tượng

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu và đang là đòi hỏi cấp thiết đối với cán bộ và nhân dân cả nước ta hiện nay.

- *Đối tượng bồi dưỡng:* phải phổ cập kiến thức quốc phòng cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

- *Nội dung bồi dưỡng:* phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp và thiết thực nhằm

nâng cao cả kiến thức, kinh nghiệm và năng lực thực tiễn sát với cương vị đảm nhiệm với từng loại đối tượng và quần chúng nhân dân.

- *Hình thức bồi dưỡng*: phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lý thuyết với thực hành. Thông qua sinh hoạt chính trị, qua các cuộc diễn tập thực nghiệm, thực tế ở các bộ, ngành, địa phương cơ sở để nâng cao hoàn thiện sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

3.3 Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới

Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế gắn với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh đến năm 2020. Thực tiễn cho thấy, sự vận dụng tính quy luật kinh tế, quốc phòng và an ninh và quán triệt quan điểm kết hợp của Đảng đã đề ra còn nhiều mâu thuẫn và bất cập do thiếu định hướng chiến lược cơ bản cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Vì vậy, muốn kết hợp ngay từ đầu và trong suốt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước một cách cơ bản và thống nhất trên phạm vi cả nước và từng địa phương, phải tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch và kế hoạch chiến lược tổng thể quốc gia về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Coi đó là một trong những mắt khâu quan trọng hàng đầu để chỉ đạo, quản lý nhà nước, về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh và đối ngoại trong thời kỳ mới, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực (cả bên trong và bên ngoài) cho phát triển kinh tế và củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và đề ra các chính sách đúng đắn, như: chính sách khai thác các nguồn lực; chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư; chính sách điều động nhân lực, bố trí dân cư; chính sách ưu đãi khoa học và công nghệ lưỡng dụng....

3.4 Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong tình hình mới

Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta có liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh đều phải được thể chế hoá thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định, văn bản dưới luật một cách đồng bộ, thống nhất để quản lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư cả trong và ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng

cường củng cố quốc phòng, an ninh; nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo.

Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh cần được xây dựng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, các đoàn thể xã hội đều phải có nghĩa vụ chăm lo cho sự nghiệp xây dựng đất nước cũng như sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc phân bổ ngân sách đầu tư cho kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh phải theo hướng tập trung cho những mục tiêu chủ yếu, những công trình có tính lưỡng dụng cao đáp ứng cả cho phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng cả trước mắt và lâu dài.

Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có ý nghĩa lưỡng dụng hoá cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

3.5 Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng và an ninh các cấp

Căn cứ vào Nghị định 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về Công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và các địa phương. Cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh nói chung và về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh nói riêng trong thời kỳ mới.

Kết hợp chặt chẽ giữa chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh là một tất yếu khách quan, một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Việc kết hợp được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế và có sự phối hợp của các ngành, các cấp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh.

Để thực hiện tốt việc kết hợp, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân, nhất là cho học sinh, sinh viên - những người quyết định

tương lai của đất nước. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích tính tất yếu phải kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở nước ta hiện nay?

2. Nội dung, phương thức kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở nước ta hiện nay?

3. Phân tích các giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay?

Bài QA24: BIÊN ĐẢO VIỆT NAM BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIÊN ĐẢO VIỆT NAM

Mục tiêu:

- Trình bày được một số quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về bảo vệ chủ quyền biển đảo và nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam;

- Phân tích được những diễn biến tình hình, thời cơ và thách thức trong công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam;

- Nhận thức đúng đắn về nghĩa vụ và trách nhiệm của sinh viên trong công tác xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Nội dung:

1. Chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải quốc gia quốc gia Việt Nam

1.1 *Khái niệm*

- *Chủ quyền quốc gia*

Chủ quyền quốc gia là thuộc tính chính trị- pháp lý không thể tách rời của quốc gia, bao gồm hai nội dung: quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của mình và quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất được Hiến chương Liên hiệp quốc khẳng định là tôn trọng và bảo đảm sự bình đẳng về chủ quyền quốc gia, không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia độc lập khác. Việc bảo đảm chủ quyền của mỗi quốc gia phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, chịu sự tác động của các nhân tố kinh tế, chính trị, quân

- Lãnh hải quốc gia

Chủ quyền quốc gia trên biển cũng bao hàm những nội dung cơ bản nói trên. Quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền của mình một cách tuyệt đối, đầy đủ, toàn vẹn ở trong vùng nội thủy và thực hiện chủ quyền một cách đầy đủ, toàn vẹn ở trong lãnh hải. Bởi vì, nội thủy được coi là bộ phận đất liền như ao hồ, sông suối, các vùng nước nằm trong đất liền. Lãnh hải cũng được coi là lãnh thổ biên của quốc gia ven biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia ven biển. Chủ quyền này được mở rộng đến vùng trời trên lãnh hải, cũng như đến đáy và lòng đất dưới đáy của lãnh hải.



Vịnh Hạ long

Chủ quyền là quyền làm chủ tuyệt đối của quốc gia độc lập đối với lãnh thổ của mình. Chủ quyền của quốc gia ven biển là quyền tối cao của quốc gia được thực hiện trong phạm vi nội thủy và lãnh hải của quốc gia đó.

Quyền chủ quyền là các quyền của quốc gia ven biển được hưởng trên cơ sở chủ quyền đối với mọi loại tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình, cũng như đối với những hoạt động nhằm thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của quốc gia đó vì mục đích kinh tế, bao gồm cả việc sản xuất năng lượng từ nước, hải lưu, gió...

Quyền tài phán là thẩm quyền riêng biệt của quốc gia ven biển trong việc đưa ra các quyết định, quy phạm và giám sát việc thực hiện chúng, như: cấp phép, giải quyết và xử lý đối với một số loại hình hoạt động, các đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển, trong đó có việc lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo các thiết bị và công trình nghiên cứu khoa học về biển; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển trong vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của quốc gia đó.

Quyền chủ quyền có nguồn gốc từ chủ quyền lãnh thổ trong khi quyền tài phán là hệ quả của quyền chủ quyền, có tác dụng hỗ trợ, tạo ra môi trường để thực hiện quyền chủ quyền được tốt hơn.

Bên cạnh đó, trong khi chủ quyền và quyền chủ quyền chỉ được thực hiện trên vùng lãnh thổ mà quốc gia có quyền thì quyền tài phán có không gian mở rộng hơn, tới những nơi mà quốc gia đó không có chủ quyền (ví dụ quyền tài phán áp dụng trên tàu thuyền có treo cờ của một quốc gia nhất định đang hoạt động trong vùng biển thuộc chủ quyền của một quốc gia khác).

- Lãnh thổ Việt Nam

Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia. Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải), vùng trời quốc gia, ngoài ra còn gồm lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

Vùng đất quốc gia (kể cả các đảo và quần đảo) là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thủy, lãnh hải. Vùng đất quốc gia có thể gồm những lục địa ở những điểm khác nhau (tách rời nhau), nhưng các vùng đất đó đều thuộc lãnh thổ thống nhất của quốc gia; hoặc cũng có thể chỉ bao gồm các đảo, quần đảo ở ngoài biển hợp thành quốc gia quần đảo. Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú, Hà Giang đến mũi Cà Mau; các đảo như Phú Quốc, Cái Lân... và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Việt Nam có ba mặt trông ra biển: Đông, Nam và Tây Nam, với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long; các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ...; xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.

1.2. Lãnh Hải Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia ven bờ Biển Đông, vùng biển của Việt Nam án ngữ trên các tuyến hàng hải và hàng không huyết mạch giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa các châu: Âu, Phi, Trung cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực. Biển Đông cũng là một trong sáu biển lớn nhất thế giới với diện tích 3.447.000km², là vùng biển nửa kín, được bao bọc bởi 9 quốc gia: Trung Quốc, Việt Nam, Philippin, Malaysia, Indonesia, Brunei, Campuchia, Singapore và Thái Lan. Hiện nay, Trung Quốc và bốn nước ASEAN (Association of Southeast Asia Nations) bao gồm Việt Nam, Philippin, Brunei, Malaysia cùng có các tuyên bố chủ quyền chồng lấn ở Biển Đông, nơi có tuyến đường hàng hải đông đúc nhất thế giới. Đây cũng là vùng biển có nhiều tiềm năng về nguồn tài nguyên thiên nhiên, nên đã từ lâu là đối tượng tranh chấp

không chỉ của các quốc gia trong khu vực ASEAN, mà còn có sự tham gia tích cực của một số quốc gia khác trên thế giới, do đó luôn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh xung đột, đe dọa đến hòa bình, ổn định và sự phát triển bền vững trong khu vực và xa hơn là trên toàn thế giới.

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, năm 1994, Việt Nam đã gia nhập Công ước về luật biển 1982. Trong văn bản gia nhập Công ước này, Việt Nam đã khẳng định chủ quyền quốc gia của mình đối với vùng nội thủy và vùng lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về biển đảo

2.1 Tình hình chung

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một quốc gia ven biển, có bờ biển dài khoảng 3.260 km, có một vùng biển rộng trên 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, biển luôn có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng, gắn bó mật thiết và ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Việt Nam. Kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới năm 1986 dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, kinh tế biển của Việt Nam đã không ngừng phát triển với tốc độ khá nhanh và đã có những đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Việc gia nhập Công ước về luật biển 1982 đối với Việt Nam là vô cùng quan trọng vì từ thời điểm đó mọi vấn đề tranh chấp trên biển, về vùng chồng lấn trên biển và thềm lục địa ở Biển Đông sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của Công ước về luật biển 1982 và các văn bản quốc tế hiện hành có liên quan. Trong Nghị quyết phê chuẩn văn bản gia nhập Công ước về luật biển 1982 của Quốc hội Việt Nam ngày 23/6/1994 đã ghi nhận rằng mọi tranh chấp đối với các vùng biển, đặc biệt là vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, sẽ được giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển.

Cần nhấn mạnh rằng, vận tải biển của Việt Nam chiếm trên 80% lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu. Do đó, việc nâng cao uy tín và vị thế ngành vận tải biển của Việt Nam trong khu vực ASEAN và trên trường quốc tế là cần thiết. Việt Nam phải tuân thủ và thực thi các quy phạm pháp luật quốc tế, các quy phạm đã được định chế trong các Công ước về luật biển. Trong đó, quan trọng nhất là Công ước về luật biển 1982 và một số các Công ước khác về bảo vệ môi trường biển, về đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức vận tải và đánh cá, các thỏa thuận quốc tế khác liên quan đến biển và đại dương.

2.2 Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Biển, Đảo

Như đã phân tích ở trên, Việt Nam là một quốc gia ven Biển Đông, đây là một trong các biển lớn nhất của thế giới có tuyến hàng hải và hàng không huyết

manh kết nối khu vực ASEAN với các đại dương. Để bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia trên biển; bảo vệ trật tự và an toàn trên biển; bảo vệ môi trường biển; thực hiện việc khai thác thủy sản, dầu khí; nghiên cứu khoa học biển; đảm bảo giao thông vận tải biển; vấn đề du lịch biển, đảo; v.v..., Việt Nam luôn khẳng định chủ trương giải quyết các xung đột thông qua đàm phán, giải quyết hòa bình mọi tranh chấp ở Biển Đông trên cơ sở luật pháp và thực tiễn quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về luật biển năm 1982 và tinh thần của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên biển Đông năm 2002 (DOC), nhằm giữ gìn hoà bình, ổn định, hợp tác và tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài mà các bên đều có thể chấp nhận được.

Những vấn đề nói trên đã được Việt Nam khẳng định tại các diễn đàn Hội nghị quốc tế và khu vực, thông qua các cuộc gặp gỡ chính thức giữa Việt Nam với các quốc gia khác. Ví dụ như trong các lần đàm phán cấp chính phủ giữa Việt Nam và Trung Quốc về vấn đề biên giới lãnh thổ, hai bên đã trao đổi ý kiến toàn diện, thẳng thắn, sâu rộng về vấn đề biên giới lãnh thổ giữa hai nước, ký kết Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ năm 2000. Hiện nay, hai nước đang giải quyết vấn đề tranh chấp biển, đảo ở Biển Đông trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, DOC và lịch sử của hai nước; hay Việt Nam và Malaysia đã thống nhất giải quyết các vấn đề xung đột thông qua đàm phán, thương lượng hòa bình trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về luật biển năm 1982 và DOC.

Đối với vấn đề Biển Đông, Việt Nam đề nghị các quốc gia có liên quan không có những hành động nhằm làm phức tạp thêm tình hình. Liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo này. Việt Nam cho rằng trong khi tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài cho các tranh chấp đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các bên liên quan cần tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về luật biển năm 1982 và DOC đã ký kết giữa ASEAN và Trung Quốc năm 2002, góp phần duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực.

Một là: Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Để kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta và gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển cần: Phát triển mạnh nghề đánh bắt xa bờ thông qua việc hỗ trợ cho ngư dân vay vốn và phát triển lực lượng quốc doanh. Chống ô nhiễm môi trường biển, sông ngòi, ao hồ và nghiêm cấm khai thác thủy hải sản bằng phương pháp huỷ diệt. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản, trong đó, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo.

Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh. Tiếp tục điều tra tài nguyên và sinh vật biển để có kế hoạch khai thác, bảo vệ. Phát triển mạnh công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển. Phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp hàng hải, đóng tàu, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản chất lượng cao... Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải biển ...Phát triển kinh tế các vùng đảo, quần đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo, quần đảo. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai là: Xây dựng lực lượng bảo vệ chủ quyền biển, đảo vững mạnh đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng này, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, trong đó, lực lượng trực tiếp và tại chỗ là nòng cốt. Với lẽ đó, cả trong thời gian trước mắt và lâu dài, chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến các hoạt động xây dựng lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo như lực lượng Hải quân, Biên Phòng, Cảnh sát biển, dân quân tự vệ biển đủ mạnh, có số lượng hợp lý, chất lượng tổng hợp cao, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở. Chú trọng nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật, trình độ hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng, đảm bảo khả năng xử lý linh hoạt và hiệu quả các tình huống có thể xảy ra trên biển; quan tâm đúng mức đến công tác đảm bảo vũ khí, trang bị kỹ thuật cho các lực lượng nòng cốt như Hải quân và Cảnh sát biển phù hợp với xu thế phát triển trong khu vực và yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị. Kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh của bộ đội chủ lực với khả năng xử lý tình huống mau lẹ, trực tiếp của các lực lượng quân sự và dân sự ở các địa phương ven biển, luyện tập các phương án hợp đồng tác chiến trên biển, trong đó kết hợp chặt chẽ nghệ thuật tác chiến truyền thống của dân tộc với các phương án tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao trong xử lý các tình huống có thể xảy ra. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng lực lượng quản lý, khai thác và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, đặc biệt là vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở các địa phương có biển.

Ba là: Kiên trì đối thoại tìm kiếm giải pháp hoà bình, tham gia xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông, kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển đảo.

Trước những vấn đề chủ quyền biển đảo ngày càng nóng, Việt Nam luôn chủ trương, chủ động xử lý đúng đắn nhiều vấn đề nhạy cảm bằng đối thoại,

thương lượng thông qua con đường ngoại giao. Việt Nam luôn đưa ra yêu cầu các bên liên quan kiềm chế, không có các hoạt động làm phức tạp thêm tình hình ở Biển Đông, tuân thủ cam kết giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, tăng cường các nỗ lực xây dựng lòng tin, hợp tác đa phương về an toàn biển, nghiên cứu khoa học, chống tội phạm; cùng nhau nghiêm chỉnh thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) ký năm 2002 giữa một bên là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á (ASEAN) và một bên là Trung Quốc, hướng tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC), để Biển Đông thực sự là vùng biển hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển, vì lợi ích của tất cả các nước trong khu vực, vì an ninh chung của khu vực và trên toàn thế giới. Mở rộng và tăng cường hợp tác hữu nghị với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới cũng như với các tổ chức quốc tế trong các vấn đề có liên quan đến biển, đảo trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, lợi ích quốc gia và pháp luật quốc tế, bảo đảm an ninh và an toàn hàng hải quốc tế; cùng nhau xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Bốn là: Kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy nhanh quá trình dân sự hóa trên biển, nhất là ở một số vùng biển, đảo có vị trí chiến lược kinh tế với xây dựng thể trận quốc phòng và an ninh trên biển vững mạnh, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Dân sự hóa các vùng biển, đảo vừa là cơ sở để chúng ta khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên biển, vừa là tiền đề để xây dựng, củng cố và phát huy lực lượng tại chỗ phục vụ chiến lược quốc phòng và an ninh trên biển. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Đảng ta đã khẳng định: *Thực hiện quá trình dân sự hóa trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển. Có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định và làm ăn dài ngày trên biển; thí điểm xây dựng các khu quốc phòng-kinh tế tại các đảo, quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo ở Đông Bắc....* Đây là một chủ trương chiến lược có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Chủ trương này đã và đang được hiện thực hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Việt Nam trên biển.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, công tác dân sự hóa trên các vùng biển, đảo, nhất là ở những vùng biển, đảo chiến lược đã được đẩy mạnh, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để củng cố và xây dựng thể trận lòng dân trên biển. Ở một số đảo có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng, quá trình dân sự hoá bước đầu được thực hiện có hiệu quả, tạo được dư luận tốt đối với quần chúng nhân dân trong và ngoài nước. Cơ sở hạ tầng trên nhiều đảo được xây dựng ngày càng khang trang; đời sống của nhân dân trên các đảo từng bước đi vào ổn định; tư tưởng của nhân dân định cư trên các đảo tiên tiêu của Tổ quốc hoàn toàn tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng.

Kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh. Việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực ven biển, trên biển và các đảo phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong kế hoạch tổng thể của khu vực phòng thủ địa phương, phải mang tính hệ thống, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa biển, đảo với đất liền; kết hợp chặt chẽ giữa thế trận “tĩnh” của đảo và bờ với thế “động” của lực lượng tác chiến cơ động trên biển tạo nên thế trận liên hoàn, vững chắc. Trang bị kỹ thuật phục vụ cho mục đích kinh tế - xã hội phải phù hợp với hệ thống trang bị kỹ thuật quốc phòng - an ninh trong hệ thống các cụm lực lượng trên biển, thực hiện kiểm soát, giám sát, báo động, chi viện, hỗ trợ nhau trong đấu tranh phòng chống các hoạt động xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia. Các cơ sở hậu cần, kỹ thuật kinh tế - xã hội ven bờ, trên biển và trên các đảo phải sẵn sàng huy động cho nhiệm vụ quốc phòng, ưu tiên xây dựng các đảo tiên tiêu xa bờ có công sự kiên cố, trang bị hỏa lực mạnh, có khả năng tác chiến dài ngày. Quá trình thiết kế, xây dựng hạ tầng cơ sở trên biển, đảo phải mang tính lưỡng dụng cao, không chỉ bền vững trước tác động của môi trường biển mà còn phải bền vững khi chuyển sang phục vụ mục đích quốc phòng-an ninh.

Xây dựng lực lượng kiểm ngư đủ mạnh để bảo vệ việc khai thác, đánh bắt hải sản của ngư dân trên biển, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn trên biển; đồng thời kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hành động khai thác hải sản trái phép của nước ngoài trên vùng biển của Việt Nam. Các địa phương ven biển, huyện đảo phải có lực lượng dân quân tự vệ vừa tham gia sản xuất, khai thác hải sản, vừa làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trên biển, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành động xâm phạm lợi ích, chủ quyền quốc gia.

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước hiện nay và mai sau. Phát huy lợi thế, khai thác tiềm năng thế mạnh kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ trọng yếu và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả đó, hơn lúc nào hết phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, toàn vẹn vùng biển nói riêng và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc nói chung, xây dựng một nước Việt Nam “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nước ta thực sự trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia

3.1 Mục tiêu

Nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển, đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...

3.2 Nhiệm vụ

Trước yêu cầu bức thiết của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Đảng ta nhận thức sâu sắc và thể hiện rõ quan điểm về phát triển kinh tế độc lập tự chủ, kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Quan điểm đó được thể hiện tập trung trong các nghị quyết, chỉ thị như: Nghị quyết 03/-NQ/TW ngày 6-5-1993 của Bộ Chính trị (khóa VII) về “Một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt”; Chỉ thị 20-CT/TW ngày 22-9-1997 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng CNH, HĐH”; đặc biệt là “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” trong Nghị quyết TW 4 (khóa X): “Đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển”.

Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam là trách nhiệm thiêng liêng của mỗi công dân Việt Nam đối với lịch sử dân tộc, là nhân tố quan trọng bảo đảm cho dân tộc ta phát triển bền vững. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng chỉ rõ: “Mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển, đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN...”. Đó là ý chí sắt đá, quyết tâm không gì lay chuyển được của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

3.3 Các giải pháp

Thời gian qua, sự biến đổi khôn lường của tình hình thế giới, khu vực và trên biển Đông khiến nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ đất nước, nhất là an ninh trên biển trở thành nhiệm vụ nhiều khó khăn, thách thức. Để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, điều tiên quyết đặt ra là phải không ngừng củng cố, tăng cường sức mạnh quốc gia, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển. Trong đó, xây dựng thế trận lòng dân, đảm bảo bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là vấn đề chiến lược, mang tính cấp bách, then chốt.

Vì vậy, chúng ta cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

Một là: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo

Công tác tuyên truyền biển, đảo cần bám sát thực tiễn tình hình, không ngừng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp với trình độ nhận thức của từng đối tượng, đồng thời tận dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật và chú trọng mở rộng phạm vi tuyên truyền.

Công tác tuyên truyền về chủ quyền quốc gia trên biển đòi hỏi có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành và các địa phương; phải có sự chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ từ Trung ương tới cơ sở về nội dung và phương pháp tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền phải đa dạng và phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế, lồng ghép chặt chẽ giữa các hoạt động đối ngoại, chính trị, kinh tế, quân sự, quốc phòng... Qua đó, nhân dân Việt Nam cũng như cộng đồng quốc tế hiểu và nắm vững các vùng, khu vực thuộc chủ quyền lịch sử lâu đời của Việt Nam cũng như chủ quyền biển Việt Nam

được xác lập trên cơ sở các điều khoản quy định trong Công ước quốc tế về Luật Biển 1982.

Tuyên truyền về các điều khoản và nghĩa vụ cần phải chấp hành các quy định của luật pháp Việt Nam khi hoạt động hoặc tham gia giao thông trong phạm vi lãnh hải, các vùng nội thủy, vùng đảo, quần đảo và khu vực đặc quyền kinh tế trên biển Việt Nam; về các quan điểm chủ đạo và nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thực thi quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo, quần đảo và các khu vực đặc quyền kinh tế biển. Đặc biệt, chú trọng nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, nhất là các cấp, ngành ở địa phương ven biển, nhận thức rõ tính chất phức tạp của nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh mở cửa, hội nhập quốc tế; khẳng định, củng cố niềm tin cho nhân dân cả nước, cộng đồng quốc tế về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; làm chuyển biến ý thức, trách nhiệm của mỗi người... Qua đó phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và của cả hệ thống chính trị, kết hợp sức mạnh trong và ngoài nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Công tác tuyên truyền phải được tiến hành sâu rộng trong và ngoài nước, phải gắn kết giữa lịch sử với hiện tại để người dân thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; làm cho mỗi công dân Việt Nam thấy được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với chủ quyền biển, đảo quốc gia. Từ đó đoàn kết, chung sức đồng lòng quyết tâm làm chủ, bảo vệ biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Hai là: Ưu tiên nguồn lực cho phát triển kinh tế biển, đảo và thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên các vùng ven biển, hải đảo

Biển Việt Nam chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn về kinh tế. Vì vậy, để khai thác, sử dụng hiệu quả và biến các tiềm năng ấy thành nguồn lực, động lực đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, Đảng và Nhà nước cần tập trung đầu tư nguồn lực thích đáng cho các ngành kinh tế mũi nhọn, có thế mạnh ở các vùng ven biển, trên các đảo và quần đảo như: Khai thác, chế biến dầu khí; hệ thống cảng và dịch vụ vận tải biển; khai thác, chế biến hải sản, du lịch... Trong đó, ưu tiên xây dựng các trung tâm dịch vụ, thành lập các tập đoàn kinh tế mạnh có đủ khả năng vươn xa, kết hợp phát triển kinh tế với làm chủ biển, đảo; tập trung nguồn vốn, khoa học, công nghệ, nguồn lao động để khai thác có hiệu quả các tiềm năng của biển; ưu tiên phát triển hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên khu vực quần đảo Trường Sa và các đảo lớn xa bờ, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tốc độ sản xuất của nhân dân đang sinh sống trên các đảo và quần đảo.

Quá trình thu hút nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội biển, đảo đòi hỏi các ngành chức năng và địa phương cần phối hợp nghiên cứu, khảo sát tổng thể, xác định rõ tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng khu vực, đánh giá đúng, đủ các yếu tố tự nhiên cũng như xu thế phát triển. Việc quy hoạch phải tính đến sự kế thừa, phát triển, tính liên kết giữa các vùng và các khu vực; phải gắn bờ, biển, đảo và quần đảo trong một không gian sinh tồn về kinh tế và quốc phòng. Vì

vậy, nếu không khảo sát đầy đủ, đánh giá một cách khoa học thì kết quả sẽ thấp, thậm chí không mang lại hiệu quả mà còn phá vỡ tính cân bằng trong quá trình phát triển kinh tế biển.

Phát triển kinh tế biển phải gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, coi đó như một vấn đề then chốt trong xây dựng thế trận lòng dân trên biển. Lịch sử đã chứng minh, ở bất cứ thời đại, chế độ nào, nguyện vọng sâu xa của nhân dân vẫn là đời sống vật chất và tinh thần được đảm bảo, “khoan thư sức dân” - cách thức tốt nhất để quy tụ lòng dân, làm cơ sở, nền tảng để xây dựng thế trận lòng dân. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta thời gian qua rất chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho nhân dân các vùng ven biển và hải đảo, nhất là ở các vùng biển, đảo giữ vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh của đất nước.

Ba là: Kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy nhanh quá trình dân sự hóa trên biển với xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh trên biển vững mạnh, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển

Dân sự hóa các vùng biển, đảo vừa là cơ sở để chúng ta khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên biển, vừa là tiền đề để xây dựng, củng cố và phát huy lực lượng tại chỗ phục vụ chiến lược quốc phòng - an ninh trên biển. Đảng ta đã khẳng định trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020: “Thực hiện quá trình dân sự hóa trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển. Có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định và làm ăn dài ngày trên biển; thí điểm xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế tại các đảo, quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo của Tổ quốc”(3). Đây là một chủ trương chiến lược có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Chủ trương này đã và đang được hiện thực hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Việt Nam trên biển.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, công tác dân sự hóa trên các vùng biển, đảo, nhất là ở những vùng biển, đảo chiến lược đã được đẩy mạnh, ảnh hưởng tốt đến sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để củng cố và xây dựng thế trận lòng dân trên biển. Ở một số đảo có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng như: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... quá trình dân sự hoá bước đầu được thực hiện có hiệu quả, tạo được dư luận tốt đối với quần chúng nhân dân trong và ngoài nước. Cơ sở hạ tầng trên nhiều đảo ở Trường Sa được xây dựng ngày càng khang trang. Đời sống của nhân dân từng bước đi vào ổn định. Nhân dân Trường Sa hoàn toàn tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng.

Cùng với quá trình dân sự hóa ở các vùng biển, đảo, việc bảo vệ chủ quyền biển đảo và duy trì lợi ích quốc gia trên biển giai đoạn hiện nay cần kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh. Việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực ven biển, trên biển và các đảo phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong kế hoạch tổng thể của khu

vực phòng thủ địa phương, phải mang tính hệ thống, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa biển, đảo với đất liền; kết hợp chặt chẽ giữa thể trận “tĩnh” của đảo và bờ với thể “động” của lực lượng tác chiến cơ động trên biển tạo nên thể trận liên hoàn, vững chắc.

Trang bị kỹ thuật phục vụ cho mục đích kinh tế - xã hội phải phù hợp với hệ thống trang bị kỹ thuật quốc phòng - an ninh trong hệ thống các cụm lực lượng trên biển, thực hiện kiểm soát, giám sát, báo động, chi viện, hỗ trợ nhau trong đấu tranh phòng chống các hoạt động xâm phạm chủ quyền, lợi ích quốc gia. Các cơ sở hậu cần, kỹ thuật kinh tế - xã hội ven bờ, trên biển và trên các đảo phải sẵn sàng huy động cho nhiệm vụ quốc phòng, ưu tiên xây dựng các đảo tiền tiêu xa bờ có công sự kiên cố, trang bị hỏa lực mạnh, có khả năng tác chiến dài ngày. Quá trình thiết kế, xây dựng hạ tầng cơ sở trên biển, đảo phải mang tính lưỡng dụng cao, không chỉ bền vững trước tác động của môi trường biển mà còn phải bền vững khi chuyển sang phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh đó, cần xây dựng một lực lượng kiểm ngư đủ mạnh để bảo vệ việc khai thác, đánh bắt hải sản của ngư dân trên biển, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn trên biển; đồng thời kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hành động khai thác hải sản trái phép của nước ngoài trên vùng biển của Việt Nam. Các địa phương ven biển, huyện đảo phải có lực lượng dân quân tự vệ vừa tham gia sản xuất, khai thác hải sản, vừa làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trên biển, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành động xâm phạm lợi ích, chủ quyền quốc gia.

Bốn là: Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở các huyện đảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc

Hệ thống chính trị ở các huyện đảo, nhất là những huyện đảo xa bờ, vừa là “cầu nối” đưa chủ trương, chính sách của Đảng đến với quần chúng, vừa là chủ thể trực tiếp tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các chủ trương của Đảng trên các địa bàn biển, đảo. Vì vậy, xây dựng hệ thống chính trị ở các huyện đảo vững mạnh là một giải pháp quan trọng để củng cố thể trận quốc phòng toàn dân trên biển đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc hiện nay. Quy trình thực hiện là phải hoàn thiện hệ thống chính trị với các thiết chế đầy đủ, cơ cấu hợp lý và cơ chế hoạt động hiệu quả, phù hợp với điều kiện hoạt động đặc thù trên các địa bàn biển, đảo. Trong đó phát huy vai trò và chức năng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là tổ chức Đảng; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với các huyện đảo xa bờ và các địa bàn trọng điểm, chiến lược; coi trọng giải quyết tốt mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở mỗi huyện đảo và giữa các huyện đảo với nhau, tạo ra thể trận liên hoàn trên biển để có thể nhanh chóng tập hợp và sử dụng hiệu quả sức mạnh của các lực lượng tại chỗ phục vụ cho quốc phòng - an ninh trên biển.

4. Trách nhiệm của sinh viên, các tổ chức trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

Đề mọi chủ trương, đường lối, của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ biển đảo đi vào cuộc sống phải được thực hiện một cách đồng bộ, hệ thống và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân, cụ thể:

4.1 Lực lượng Hải quân Nhân dân Việt Nam

Hải quân nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng, của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, là một phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trực tiếp là Đảng ủy Quân sự Trung ương, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý của Chính phủ và sự quản lý, chỉ huy của Bộ Quốc phòng. Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc; duy trì sự ổn định trên các vùng biển, đảo; giữ vững chủ quyền, không để xảy ra xung đột, tạo điều kiện thuận lợi, yên tâm cho các lực lượng trên biển; phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng bảo vệ tốt việc thăm dò, khai thác dầu khí và các hoạt động kinh tế biển; tích cực, chủ động thực hiện tốt vai trò làm nòng cốt trong các hoạt động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trên biển, nhất là trên các vùng biển xa; thực sự là chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho các hoạt động kinh tế biển. Quân chủng Hải quân không ngừng củng cố, xây dựng lực lượng, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của toàn Quân chủng; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao; xây dựng Quân chủng Hải quân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, thực sự là lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

4.2 Lực lượng Bộ đội Biên phòng Việt Nam trên biển

Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng, của Nhà nước Việt Nam, là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trực tiếp là Đảng ủy Quân sự Trung ương, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý của Chính phủ và sự quản lý, chỉ huy của Bộ Quốc phòng. Bộ đội Biên phòng phụ trách bảo vệ an ninh, chủ quyền lãnh thổ quốc gia trên biên giới đất liền và trên biển. Căn cứ theo Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28/3/1997, chức năng, nhiệm vụ chính của Bộ đội Biên phòng Việt Nam trên biển như sau: Bộ đội Biên phòng trên biển hoạt động theo pháp luật của nước Việt Nam và theo các điều ước quốc tế có liên quan đến chủ quyền lãnh thổ tại các hải đảo, vùng biển mà nước Việt Nam ký kết tham gia; làm nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ tại các hải đảo, vùng biển theo phạm vi nhiệm vụ do pháp luật quy định và là một lực lượng thành viên trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ven biển. Bộ đội Biên phòng trên biển có nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm lãnh thổ, vượt biên, nhập cư trái phép, khai thác trộm tài nguyên và những hành vi khác xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, gây hại đến môi trường trong vùng biển thuộc

chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam; chủ trì phối hợp các ngành, địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ lãnh thổ tại các hải đảo, vùng biển Việt Nam. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật về biên giới quốc gia của Nhà nước Việt Nam, các điều ước quốc tế có liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán tại các hải đảo, vùng biển mà nước Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Đấu tranh chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, các lực lượng phản cách mạng, hải phi, các tội phạm khác xâm phạm lãnh thổ trên các hải đảo, vùng biển Việt Nam. Phối hợp với các đơn vị khác của các lực lượng vũ trang nhân dân và dựa vào nhân dân xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ven biển vững mạnh; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu chống gây xung đột vũ trang và chiến tranh xâm lược. Trực tiếp và phối hợp với các đơn vị khác của lực lượng vũ trang nhân dân, các ngành chức năng của Nhà nước đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép vũ khí, chất cháy, chất nổ, chất độc hại, ma túy, văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá cấm xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới trên đất liền, các hải đảo, vùng biển theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh trong thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ở khu vực ven biển.

4.3 Lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam

Lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam là một trong những lực lượng vũ trang nhân dân của nước Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ. Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam được quy định trong Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 03/2008/PL-UBTVQH12 ngày 26/01/2008 như sau:

Lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Việt Nam.

Trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Việt Nam, lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Việt Nam là thành viên để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn; bảo vệ tài nguyên, phòng, chống ô nhiễm môi trường; phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép và mua bán người, vận chuyển, mua bán trái phép hàng hoá, vũ khí, chất nổ, chất ma túy, tiền chất và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Việt Nam là thành viên để góp phần giữ gìn an ninh, trật tự, hòa bình và ổn định trên các

vùng biển. Thu thập, tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời và thông báo cho cơ quan chức năng có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Việt Nam là thành viên; tham gia tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục sự cố trên biển và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường biển. Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân hoạt động trên biển; phối hợp với các lực lượng khác bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng, tài sản của người và phương tiện hoạt động hợp pháp trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam; phối hợp với các đơn vị khác của lực lượng vũ trang để bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trên các hải đảo, vùng biển thuộc lãnh thổ của nước Việt Nam và quyền chủ quyền, quyền tài phán trên vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Việt Nam.

4.4 Lực lượng kiểm ngư Việt Nam

Kiểm ngư là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thuộc Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm ngư; tham mưu, đề xuất và tham gia xây dựng cơ chế chính sách, văn bản pháp luật quy định về công tác kiểm ngư theo sự phân công, phân cấp. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với hành vi vi phạm pháp luật thủy sản của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động thủy sản trên các vùng biển Việt Nam. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế về thủy sản; hướng dẫn ngư dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên các vùng biển thực hiện các quy định pháp luật về thủy sản. Tham gia công tác phòng, chống thiên tai và phối hợp tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia trên các vùng biển theo quy định của pháp luật. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về thủy sản theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm ngư viên, công chức, viên chức và Thuyền viên tàu Kiểm ngư. Thanh tra chuyên ngành và các nhiệm vụ khác được giao theo quy định của pháp luật.

4.5. Sinh viên Việt Nam cần có ý thức và trách nhiệm như thế nào trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của ta trên Biển Đông.

Sinh viên là lực lượng trẻ, có tri thức trong xã hội, là tương lai của đất nước, là tầng lớp đi tiên phong trong các hoạt động thúc đẩy cộng đồng quan tâm và có trách nhiệm đối với những vấn đề liên quan đến môi trường, bảo vệ môi trường, phát huy tiềm năng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Chúng ta cần quán triệt lập trường nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là Việt

Nam khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; chủ quyền đối với vùng nội thủy, lãnh hải; quyền chủ quyền và quyền tài phán trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Chủ trương của ta là giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc, luật pháp và thực tiễn quốc tế, Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố giữa ASEAN và Trung Quốc về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) năm 2002. Với lập trường và chủ trương đúng đắn đó, Việt Nam đã chủ động, tích cực triển khai đồng bộ một loạt công tác nhằm tạo cơ sở vững chắc cho việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích của ta trên Biển Đông.

Sinh viên đi đầu trong việc tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam. Đồng thời tranh thủ các nguồn lực và sự ủng hộ từ hợp tác quốc tế với các nước bạn và các tổ chức quốc tế trên mọi lĩnh vực. Tăng cường học tập, nghiên cứu, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, hải đảo. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển. Xây dựng và quảng bá thương hiệu biển Việt Nam. Góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Thế nào là chủ quyền lãnh thổ quốc gia?
2. Thế nào là chủ quyền lãnh hải quốc gia?
3. Trình bày mục tiêu, nhiệm vụ và những giả pháp xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc?
4. Trách nhiệm công dân, sinh viên và các tổ chức trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc như thế nào?